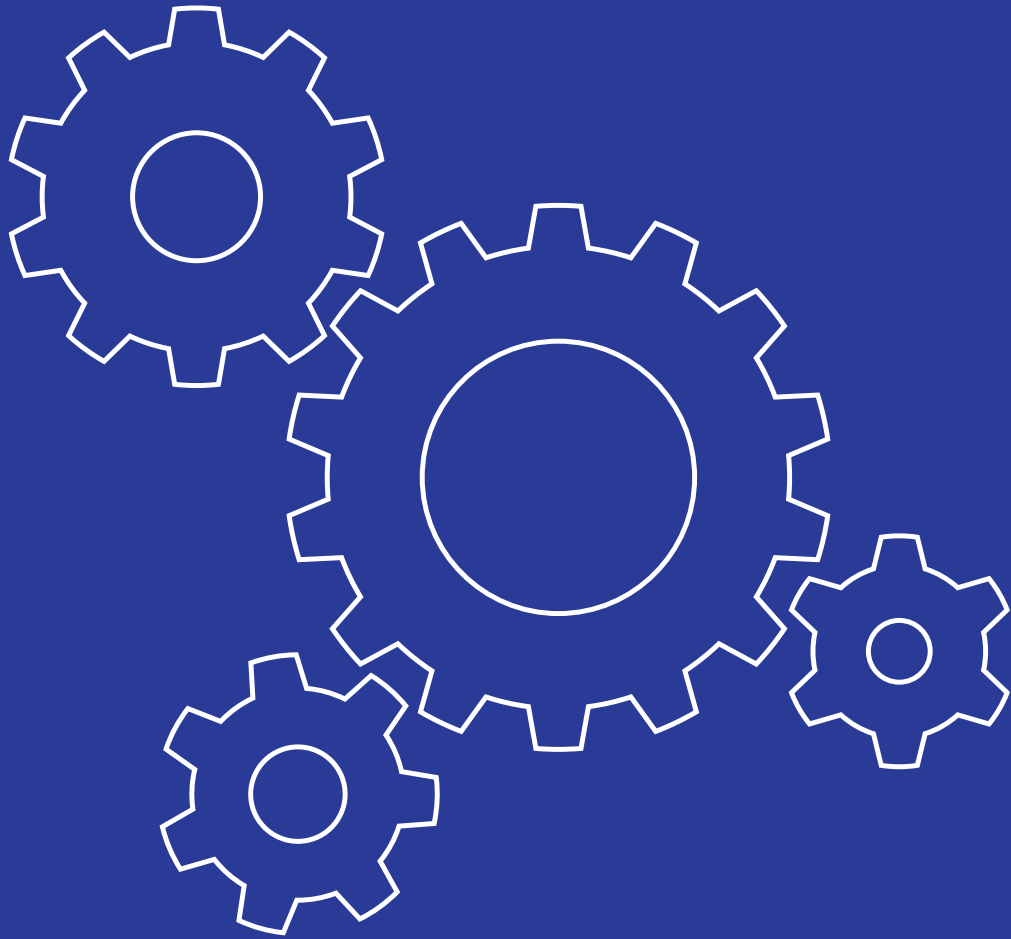




SCB
NGÂN HÀNG SÀI GÒN



CHUYỂN ĐỔI TOÀN DIỆN
HIỆN THỰC **KHÁT VỌNG**

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2020

MỤC LỤC

01

GIỚI THIỆU SCB

- Thông tin chung 10
- Thông tin Cổ đông, Công ty con, Góp vốn dài hạn 18
- Cơ cấu tổ chức & Ban lãnh đạo 22

02

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

- Điểm lại 2020 của SCB 36
- Giải thưởng đạt được 38
- SCB 2020 vững vàng, sẵn sàng chuyển đổi 42

03

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

- Định hướng kinh doanh 58
- Định hướng quản trị 66

04

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

- Báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) 74
- Báo cáo của Ủy ban trực thuộc HĐQT 75
- Báo cáo của Ban Kiểm soát (BKS) 79
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát 80

05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

- Thông tin về Ngân hàng 84
- Báo cáo của Ban điều hành 88
- Báo cáo kiểm toán độc lập 89
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất 91
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 94
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 96
- Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất 98

ĐỊA ĐIỂM VÀ MẠNG LƯỚI CỦA SCB

190

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & TỔNG GIÁM ĐỐC



QUY MÔ TÀI SẢN
633.797

TỶ VNĐ

CHÍNH NHỜ SỰ ĐỒNG HÀNH, ỦNG HỘ VÀ HỢP TÁC CỦA QUÝ VỊ CỔ ĐÔNG, ĐỐI TÁC, KHÁCH HÀNG VÀ TINH THẦN ĐOÀN KẾT, ĐỒNG LÒNG CỦA TẬP THỂ CBNV, SCB ĐÃ SẴN SÀNG CHINH PHỤC NHỮNG ĐỈNH CAO MỚI, BỨT PHÁ TẠO GIÁ TRỊ RIÊNG, VỮNG BƯỚC CHO MỘT HÀNH TRÌNH VƯƠN XA HƠN.

**Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng,
Quý Đối tác và toàn thể CBNV SCB,**

Năm 2020 với những ảnh hưởng lớn do dịch bệnh và thiên tai, đã đặt ra nhiều khó khăn, thách thức đối với nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam. Trong bối cảnh đó, Việt Nam được đánh giá là điểm sáng trong bức tranh toàn cầu khi trở thành một trong số ít quốc gia kiểm soát thành công dịch bệnh, duy trì an sinh xã hội và nhanh chóng phục hồi nền kinh tế. Song hành với sự quyết liệt của Chính phủ, SCB đã đồng hành cùng Quý Cổ đông, Đối tác triển khai các hoạt động chia sẻ, hỗ trợ Khách hàng nhằm tháo gỡ khó khăn và phục hồi sản xuất kinh doanh. Bên cạnh công tác đổi mới và hoàn thiện nội tại tổ chức, SCB nỗ lực gia tăng hiệu quả hoạt động và thúc đẩy các sản phẩm dịch vụ Ngân hàng phù hợp với nhu cầu thị trường như các sản phẩm Bảo hiểm sức khỏe và các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt. Nhờ tư duy kinh doanh tích cực và khả năng nắm bắt cơ hội nhanh nhạy đã góp phần giúp SCB vững vàng vượt qua một năm nhiều khó khăn và đạt được những kết quả đầy lạc quan.

Từ năm 2020, SCB khởi động hành trình chuyển đổi giai đoạn 10 năm với tâm thế của người mang khát vọng dẫn đầu - đầy đủ tiềm lực và bản lĩnh, vững vàng cho mục tiêu chuyển đổi mạnh mẽ, phát triển

bền vững. Theo đó, Ngân hàng chú trọng thúc đẩy hiệu quả kinh doanh, phát huy tối đa tiềm lực Con người, Công nghệ, Năng lực tài chính, Kênh phân phối và Chất lượng dịch vụ. Nguồn lực tài chính dồi dào cùng sự tận tâm, chuyên nghiệp của đội ngũ CBNV, cùng với sự hỗ trợ và tin tưởng của Quý Cổ đông, Quý Khách hàng chính là tài sản quý giá để SCB vững vàng phát triển chiều sâu trong thập kỷ tới, cùng Khách hàng kiến tạo giá trị, tích cực đóng góp vào sự phát triển chung của ngành Tài chính Ngân hàng.

Tình hình hoạt động kinh doanh SCB đạt hiệu quả khả quan: Tính đến 31/12/2020, quy mô tài sản của SCB đạt 633.797 tỷ đồng, duy trì vị thế Top 5 trong hệ thống tổ chức tín dụng Việt Nam và là Ngân hàng TMCP tư nhân có tổng tài sản lớn nhất. Trong đó, huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư đạt 577.824 tỷ đồng, cho vay Khách hàng đạt 351.386 tỷ đồng. Trải qua một năm đầy biến động và khó khăn, SCB vẫn đạt mức tăng trưởng ấn tượng với thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ gần 2.000 tỷ đồng, thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và kinh doanh chứng khoán vượt mốc 900 tỷ đồng, đóng góp phần lớn vào cấu phần thu nhập của Ngân hàng.

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & TỔNG GIÁM ĐỐC



TOP 5

NGÂN HÀNG TMCP CÓ QUY MÔ LỚN NHẤT VIỆT NAM

Tín hiệu tích cực từ chiến lược chuyển đổi do đối tác McKinsey & Company tư vấn: Tháng 07/2020 vừa qua, SCB chính thức ký kết hợp tác chiến lược với đối tác McKinsey & Company Việt Nam. Theo đó, McKinsey sẽ hỗ trợ SCB nâng cao hiệu quả kinh doanh với mục tiêu tăng trưởng thu nhập hoạt động từ 25-30% mỗi năm. Mức tăng trưởng thu nhập mảng dịch vụ ấn tượng trong nửa cuối năm 2020 phần nào cho thấy tín hiệu tích cực từ chiến lược chuyển đổi do McKinsey tư vấn. Đặc biệt, Ngân hàng ghi nhận những kết quả vượt bậc đến từ hoạt động bảo hiểm với thành tích ấn tượng trong mảng kinh doanh Bancassurance trong những tháng cuối năm, SCB đã liên tục dẫn đầu thị trường, phá vỡ những kỷ lục doanh số bảo hiểm. Năm 2020, SCB trở thành một trong những Ngân hàng TMCP có tốc độ phát triển mảng Bancassurance nhanh nhất, và nằm trong Top 3 thị trường, đồng thời vinh dự nhận giải thưởng "Ngân hàng có dịch vụ bảo hiểm liên kết tốt nhất của năm - Bank Partner of The Year" tại lễ trao giải Asia Trusted Life Agents & Advisers Awards - Lần thứ 5 vào ngày 27/07/2020. Đây là giải thưởng

uy tín được tổ chức hàng năm bởi Asia Advisors Network, Asia Insurance Review và LIMRA, nhằm mục đích vinh danh các công ty và cá nhân xuất sắc trong ngành tư vấn tài chính và bảo hiểm nhân thọ trên toàn khu vực Châu Á.

Trở thành 1 trong 10 Ngân hàng Việt Nam có môi trường làm việc tốt nhất: Ngày 22/10/2020, Công ty Anphabe đã tổ chức chương trình "Vượt chướng ngại - Mở lối riêng" và vinh danh những tổ chức, doanh nghiệp được bình chọn "Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam" với sự tham gia của hơn 500 thương hiệu nhà tuyển dụng đến từ 20 ngành nghề, cùng hơn 70.000 phản hồi từ người đi làm có kinh nghiệm. Đạt được thành tựu này là minh chứng cho những nỗ lực không ngừng nghỉ của SCB trong việc phát triển nguồn nhân lực, nâng cao cơ chế phúc lợi, cũng như tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, tích cực và hạnh phúc cho cán bộ nhân viên. Dù gặp rất nhiều khó khăn bởi tác động của dịch bệnh Covid-19, SCB không những không cắt giảm lao động, mà vẫn nỗ lực duy trì các chế độ lương, thưởng và phúc lợi, giúp cán bộ nhân viên yên tâm công tác. Bên cạnh đó, SCB tập trung khai thác các chương trình đào tạo nhằm nâng cao năng lực nhân viên với

hệ tư tưởng "Thay đổi để dẫn đầu" và bồi dưỡng nâng tầm tư duy lãnh đạo và đội ngũ lãnh đạo kế cận qua dự án "SCB Next Gene" và chuỗi chương trình "Phát triển năng lực lãnh đạo - Crestcom".

Những thành tựu SCB đã đạt được đến nay, chúng tôi hiểu đó không chỉ là sự cố gắng từ một phía. Chính nhờ sự đồng hành, ủng hộ và hợp tác của Quý Cổ đông, Đối tác, Khách hàng và tinh thần đoàn kết, đồng lòng của tập thể CBNV, SCB đã sẵn sàng chinh phục những đỉnh cao mới, bứt phá tạo giá trị riêng, vững bước cho một hành trình vươn xa hơn. Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Sài Gòn, chúng tôi trân trọng cảm ơn Quý Cổ đông, Đối tác, Khách hàng cùng toàn thể anh chị em CBNV - những người nhà SCB đã gắn bó, đồng hành trong một năm qua. Với nền tảng vững chắc từ những kết quả đã đạt được, cùng chiến lược phát triển hiệu quả, chúng tôi tin rằng, SCB đã sẵn sàng tăng tốc và tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những tổ chức tài chính hàng đầu Việt Nam trong thập kỷ mới.

Kính chúc Quý Khách hàng, Quý Cổ đông, Quý Đối tác và toàn thể anh em CBNV sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng.

Chủ tịch HĐQT

Ông BÙI ANH DŨNG

Quyền Tổng Giám đốc

Ông TRƯƠNG KHÁNH HOÀNG



GIỚI THIỆU SCB

10

THÔNG TIN CHUNG

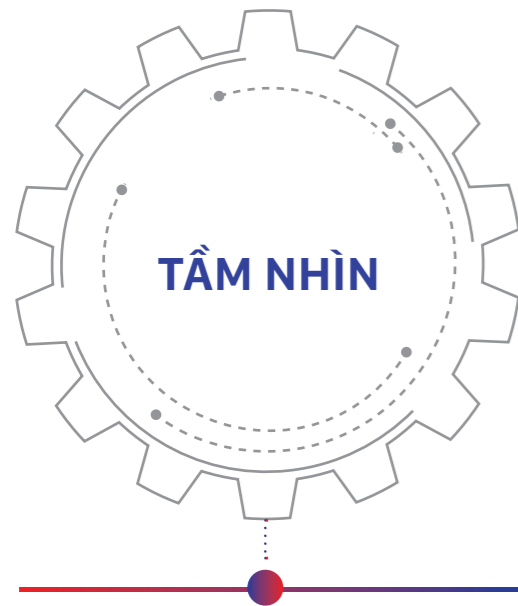
18

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG, CÔNG TY CON, GÓP VỐN DÀI HẠN

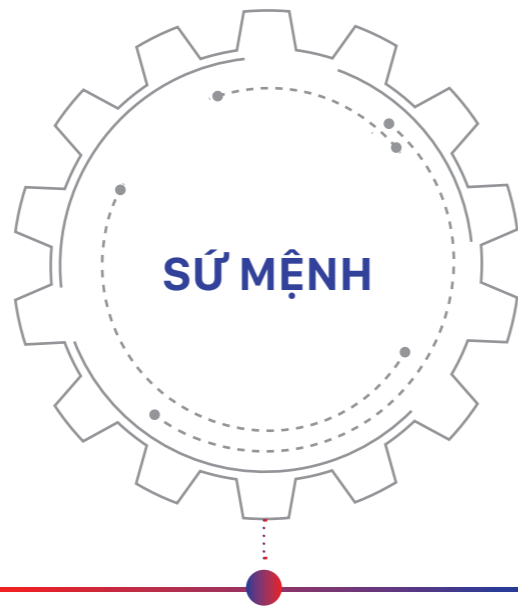
22

CƠ CẤU TỔ CHỨC & BAN LÃNH ĐẠO

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Tạo ra các giá trị bền vững cho Khách hàng và tổ chức, góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển xã hội.



- Trở thành đối tác đáng tin cậy thông qua việc luôn cung cấp giải pháp tài chính và chất lượng dịch vụ tối ưu cho Khách hàng.
- Tạo dựng môi trường làm việc năng động, tận tâm và chú trọng phát triển nguồn nhân lực.
- Mang lại lợi ích và giá trị bền vững cho Cổ đông.



KHÁCH HÀNG LÀ TRỌNG TÂM

SCB luôn lấy lợi ích và sự hài lòng của Khách hàng làm trọng tâm trong mọi hoạt động.



ĐỔI MỚI VÀ SÁNG TẠO

SCB liên tục cải tiến, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm mang lại giải pháp tối ưu cho Khách hàng.



PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

SCB lấy việc phát triển nguồn nhân lực, đầu tư vào con người làm nền tảng cho sự phát triển bền vững của tổ chức.



CAM KẾT LỢI ÍCH

SCB luôn hành động và cam kết mang lại lợi ích lâu dài, bền vững cho Khách hàng, Cổ đông, Cán bộ nhân viên và đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng.



HỢP TÁC CÙNG PHÁT TRIỂN

SCB hành động trên tinh thần hợp tác để cùng nhau phát triển.








THÔNG TIN CHUNG

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

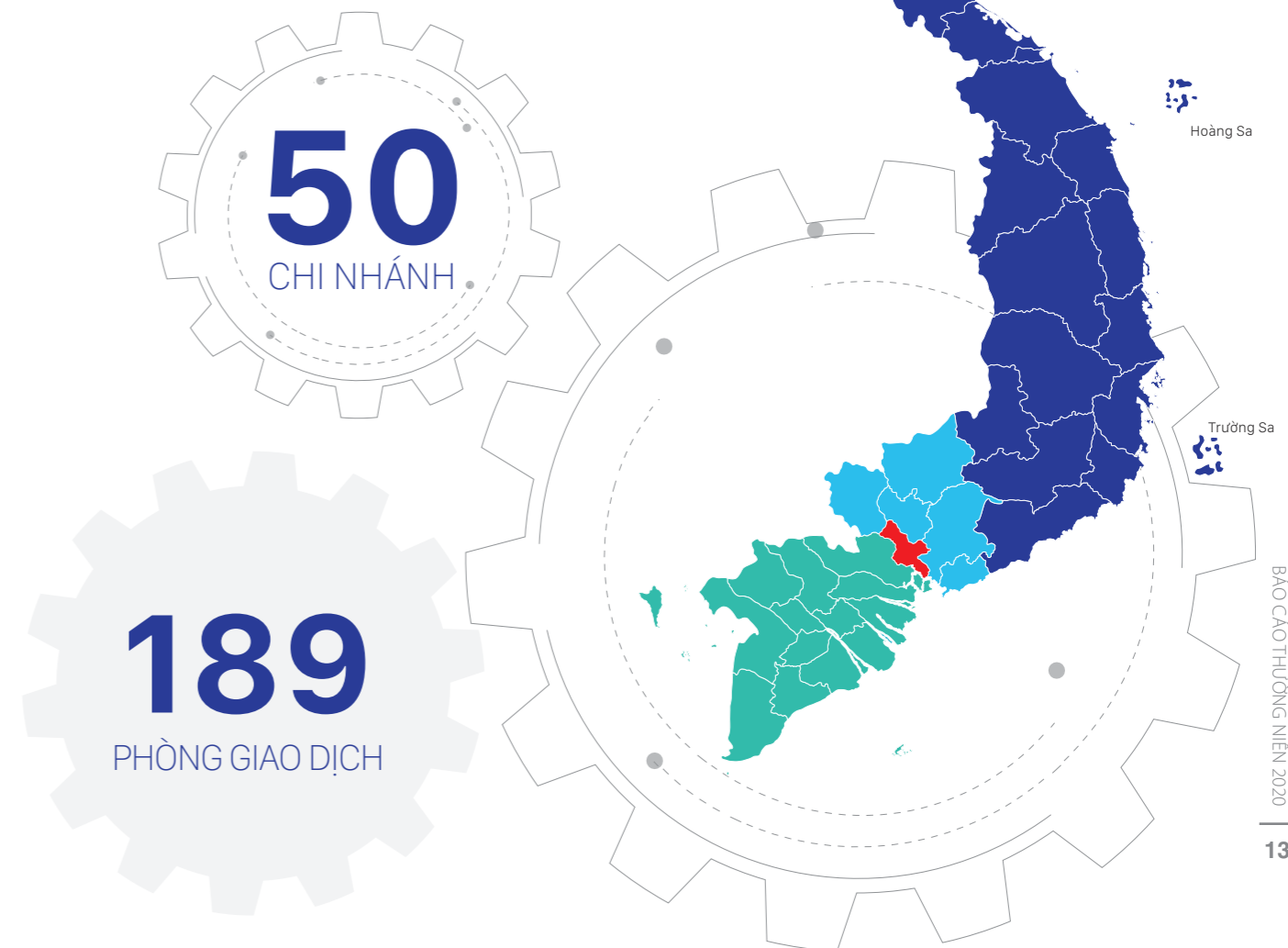
SCB CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ TẤT CẢ CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN ĐẾN TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH NHẪM PHỤC VỤ TỐT NHẤT CÁC NHU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG THEO CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA SCB. CỤ THỂ:

 Dịch vụ tài khoản tiền gửi.	 Dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn đầu tư.
 Dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế.	 Ủy thác, nhận ủy thác trong lĩnh vực Ngân hàng.
 Dịch vụ huy động vốn (tiền gửi tiết kiệm, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi).	 Dịch vụ đại lý bảo hiểm.
 Dịch vụ cho vay; Bảo lãnh; Chiết khấu chứng từ.	 Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trong nước và quốc tế.
 Dịch vụ thẻ và Ngân hàng điện tử.	 Kinh doanh vàng miếng.
 Dịch vụ quản lý tiền mặt; tư vấn Ngân hàng, tài chính.	 Mua bán trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
 Dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản.	 Và các dịch vụ khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

MẠNG LƯỚI

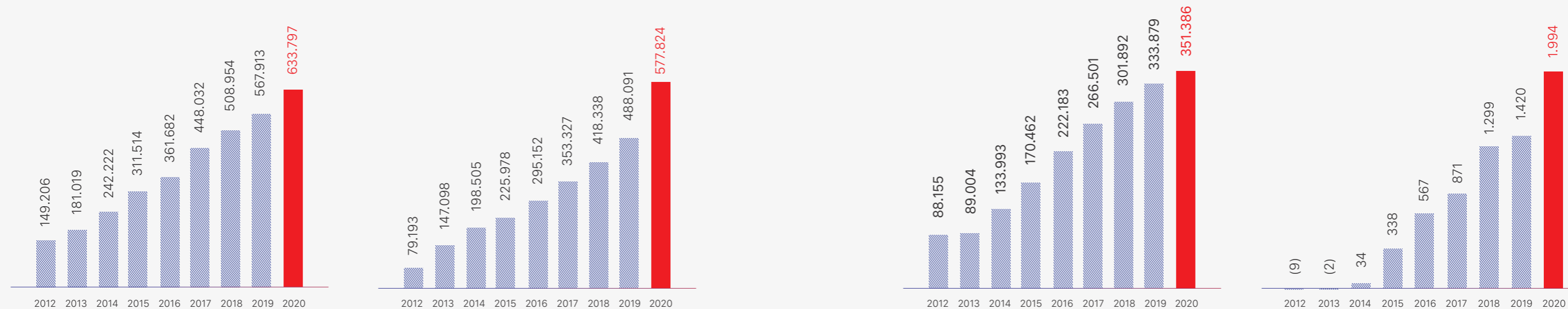
Với mạng lưới 239 đơn vị giao dịch (gồm 50 Chi nhánh và 189 Phòng giao dịch), được phân bố hợp lý và rộng khắp 28 tỉnh thành cả nước, đưa SCB trở thành điểm đến đáng tin cậy cung ứng sản phẩm dịch vụ và các giải pháp tài chính đến với Khách hàng.

	TP.HCM	48%
	TP.HÀ NỘI	15%
	MIỀN TÂY	12%
	MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN	9%
	DUYÊN HẢI BẮC BỘ	9%
	ĐÔNG NAM BỘ	7%





QUY MÔ TĂNG TRƯỞNG 2012 - 2020



TỔNG TÀI SẢN

Đvt: Tỷ đồng

HUY ĐỘNG

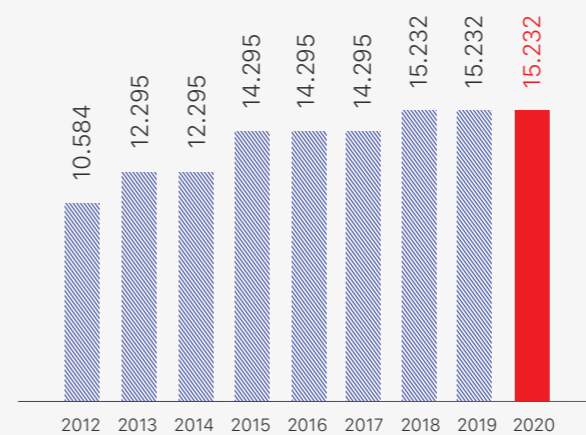
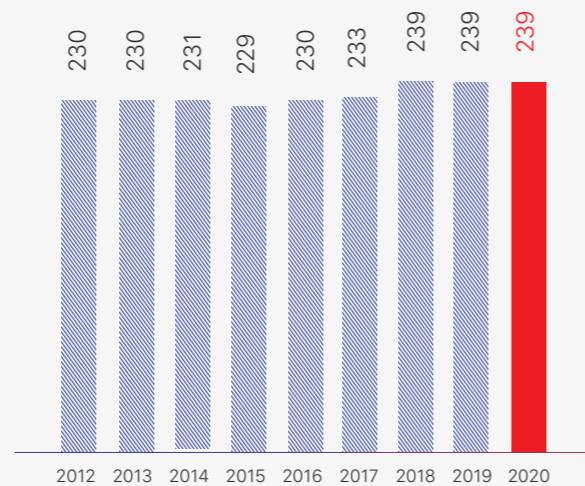
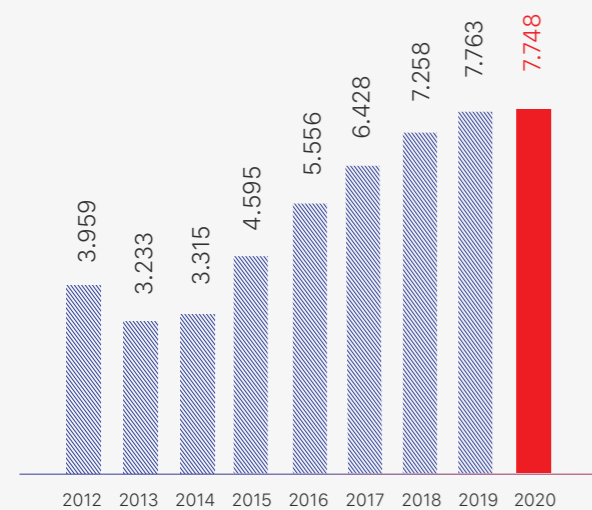
Đvt: Tỷ đồng

CHO VAY

Đvt: Tỷ đồng

THU PHÍ DỊCH VỤ

Đvt: Tỷ đồng



NHÂN SỰ

Đvt: Người

ĐIỂM GIAO DỊCH

Đvt: Điểm giao dịch

VỐN ĐIỀU LỆ

Đvt: Tỷ đồng



THÔNG TIN CHUNG



Tên giao dịch tiếng Việt
NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN



Tên tiếng Anh
SAIGON JOINT STOCK COMMERCIAL BANK



Tên viết tắt
SCB (NGÂN HÀNG SÀI GÒN)



Giấy phép hoạt động
283/GP-NHNN NGÀY 28/12/2011



Vốn điều lệ
15.232 TỶ ĐỒNG



Trụ sở chính
**19 - 25 NGUYỄN HUỆ, P. BẾN NGHÉ,
QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH**



Điện thoại
(84-28) 2222 8686



Fax
(84-28) 9922 5888



SWIFT
SACLNVX



Website
www.scb.com.vn


THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Tính đến 31/12/2020, SCB có 3.955 Cổ đông, Cổ đông nước ngoài là 5 Cổ đông (sở hữu 27,870% vốn điều lệ). Cổ đông trong nước 3.950 Cổ đông, trong đó 11 Cổ đông tổ chức (sở hữu 15,705% vốn điều lệ) và 3.939 Cổ đông cá nhân (sở hữu 56,137% vốn điều lệ).

Hiện nay SCB có 02 Cổ đông lớn là tổ chức (sở hữu trên 5% vốn điều lệ SCB) trong đó có 01 Cổ đông tổ chức nước ngoài - Noble Capital Group Limited (sở hữu 9,355% vốn điều lệ) và 01 tổ chức trong nước - Công ty CP Đầu tư Tài chính Việt Vĩnh Phú (sở hữu 12,828% vốn điều lệ).


Thành phần Cổ đông	Số lượng Cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu (mệnh giá 10.000đ/CP)	Tỷ lệ cổ phần sở hữu/Vốn điều lệ
1. Cổ đông nước ngoài	5	424.500.000	27,870%
<i>Cổ đông tổ chức</i>	5	424.500.000	27,870%
Cổ đông tổ chức lớn nhất	1	142.500.000	9,355%
<i>Cổ đông cá nhân</i>	-	-	-
2. Cổ đông trong nước	3.950	1.094.283.353	71,843%
<i>Cổ đông tổ chức</i>	11	239.219.535	15,705%
Cổ đông tổ chức lớn nhất	1	195.387.600	12,828%
<i>Cổ đông cá nhân</i>	3.939	855.063.818	56,137%
3. Cổ phiếu quỹ SCB		4.385.457	0,288%
CỘNG	3.955	1.523.168.810	100%

THÔNG TIN CÔNG TY CON, GÓP VỐN ĐẦU TƯ DÀI HẠN



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN

Ngành nghề hoạt động	★ Kinh doanh quản lý nợ và khai thác tài sản.
Vốn điều lệ và tỷ lệ góp của SCB	★ Vốn điều lệ của Công ty: 370.000 triệu đồng. ★ Vốn góp của SCB: 370.000 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ Công ty.
Tóm tắt tình hình tài chính	★ Tổng tài sản: 400.837 triệu đồng. ★ Doanh thu: 16.809 triệu đồng. ★ Lợi nhuận trước thuế: 3.049 triệu đồng.





TỔNG CÔNG TY CP BẢO HIỂM BẢO LONG


Ngành nghề hoạt động	★ Cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam, bao gồm kinh doanh bảo hiểm gốc, tái bảo hiểm, đầu tư tài chính và các hoạt động khác.
Vốn điều lệ và tỷ lệ góp của SCB	★ Vốn điều lệ của Công ty là: 600.000 triệu đồng. ★ Vốn góp của SCB là: 490.823 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 81,80% tổng vốn điều lệ Công ty.
Tóm tắt tình hình tài chính	★ Tổng tài sản: 2.272.704 triệu đồng. ★ Doanh thu: 937.642 triệu đồng. ★ Lợi nhuận sau thuế: 50.523 triệu đồng. ★ Tổng số cổ tức SCB nhận được trong năm 2020: 29.056 triệu đồng.

THÔNG TIN CÔNG TY CON, GÓP VỐN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

 <p>CÔNG TY CP DU LỊCH KHÁCH SẠN SÀI GÒN HẠ LONG</p>	Ngành nghề hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> ★ Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn.
	Vốn điều lệ và tỷ lệ góp của SCB	<ul style="list-style-type: none"> ★ Vốn điều lệ của Công ty: 183.408 triệu đồng. ★ Vốn góp của SCB: 10.440 triệu đồng, chiếm 5,69% vốn điều lệ Công ty.
	Tóm tắt tình hình tài chính	<ul style="list-style-type: none"> ★ Tổng tài sản: 210.374 triệu đồng. ★ Doanh thu thuần: 47.372 triệu đồng. ★ Tổng số cổ tức SCB nhận được trong năm 2020: 626 triệu đồng. ★ Lợi nhuận sau thuế: -2.196 triệu đồng.

 <p>CÔNG TY CP SÀI GÒN KIM LIÊN</p>	Ngành nghề hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> ★ Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn.
	Vốn điều lệ và tỷ lệ góp của SCB	<ul style="list-style-type: none"> ★ Vốn điều lệ của Công ty: 74.000 triệu đồng. ★ Vốn góp của SCB: 7.326 triệu đồng, chiếm 9,9% vốn điều lệ Công ty.
	Tóm tắt tình hình tài chính	<ul style="list-style-type: none"> ★ Tổng tài sản: 66.519 triệu đồng. ★ Doanh thu: 23.827 triệu đồng. ★ Lợi nhuận sau thuế: -8.376 triệu đồng.

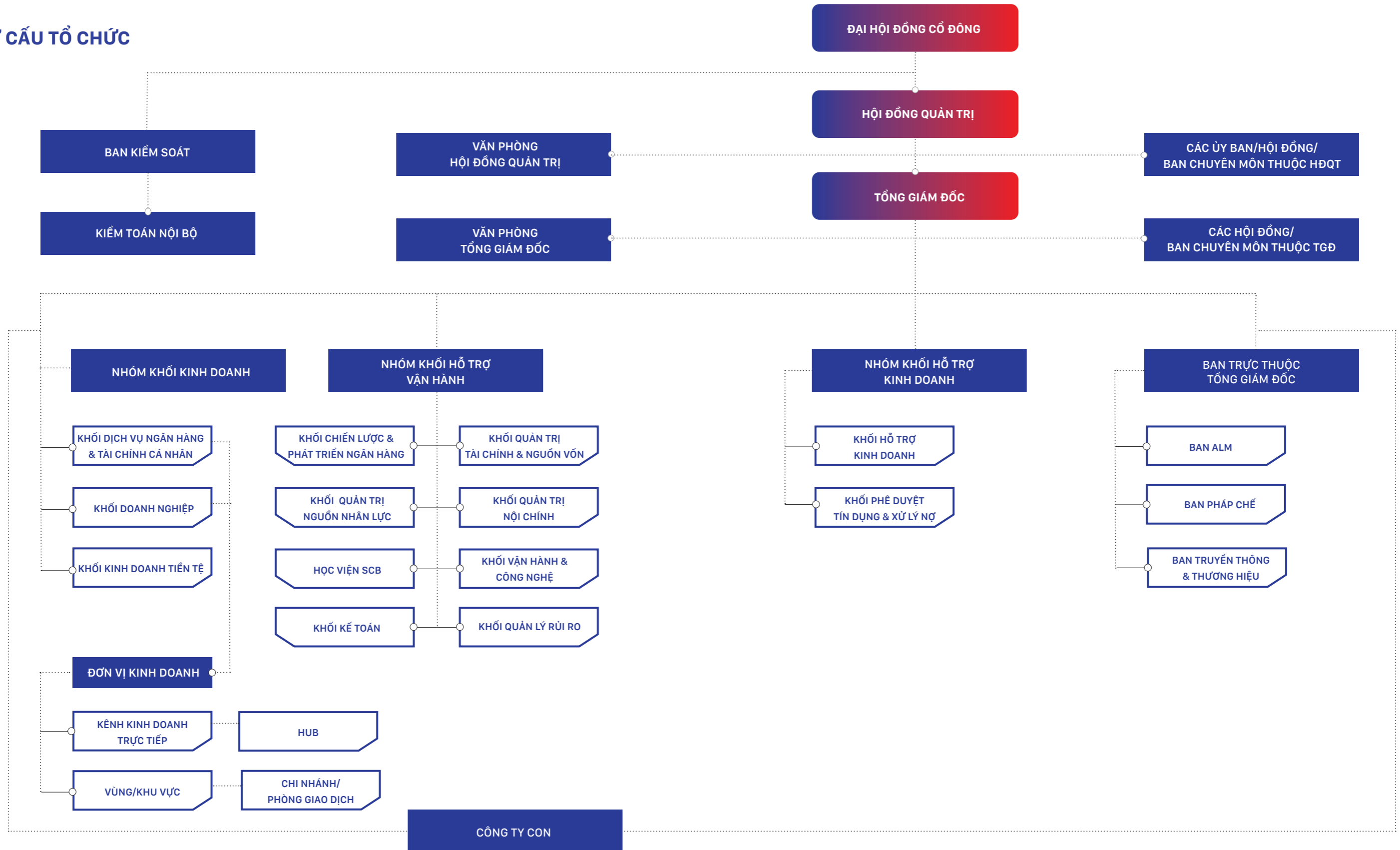
 <p>CÔNG TY CP DU LỊCH SÀI GÒN VĨNH LONG</p>	Ngành nghề hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> ★ Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn.
	Vốn điều lệ và tỷ lệ góp của SCB	<ul style="list-style-type: none"> ★ Vốn điều lệ của Công ty: 150.000 triệu đồng. ★ Vốn góp của SCB: 1.500 triệu đồng, chiếm 1% vốn điều lệ Công ty.
	Tóm tắt tình hình tài chính	<ul style="list-style-type: none"> ★ Tổng tài sản: 158.070 triệu đồng. ★ Doanh thu: 13.851 triệu đồng. ★ Lợi nhuận trước thuế: -14.939 triệu đồng.

 <p>CÔNG TY CP THÔNG TIN TÍN DỤNG VIỆT NAM</p>	Ngành nghề hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> ★ Hoạt động dịch vụ thông tin tín dụng.
	Vốn điều lệ và tỷ lệ góp của SCB	<ul style="list-style-type: none"> ★ Vốn điều lệ của Công ty: 120.000 triệu đồng. ★ Vốn góp của SCB: 7.962 triệu đồng, chiếm 6,64% vốn điều lệ Công ty.
	Tóm tắt tình hình tài chính	<ul style="list-style-type: none"> ★ Tổng tài sản: 290.960 triệu đồng. ★ Doanh thu: 216.033 triệu đồng. ★ Lợi nhuận sau thuế: 121.179 triệu đồng. ★ Tổng số cổ tức SCB nhận được trong năm 2020: 3.981 triệu đồng.



CƠ CẤU TỔ CHỨC & BAN LÃNH ĐẠO

CƠ CẤU TỔ CHỨC





CƠ CẤU TỔ CHỨC & BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG BÙI ANH DŨNG
Chủ tịch HĐQT

Ông Bùi Anh Dũng có 34 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng.

Ông từng đảm nhiệm các vị trí như:

- Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa.
- Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Doanh nghiệp Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



ÔNG HENRY SUN KA ZIANG
Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Henry Sun Ka Ziang có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị Tài chính Ngân hàng.

Ông từng đảm nhiệm các vị trí như:

- Phó chủ tịch Thứ nhất Ngân hàng Bank of America Limited (Châu Á).
- Giám đốc Tài chính Công ty Dickson Construction Int'l Limited.
- Giám đốc Điều hành Công ty SMELOAN Limited, Công ty Egana International Technology Limited.
- Thành viên HĐQT độc lập - không điều hành Công ty Zhongda International Holdings Limited, Công ty Get Nice Holdings Limited.
- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Noble Capital Group Limited.

Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



ÔNG ĐINH VĂN THÀNH
Thành viên HĐQT

Ông Đinh Văn Thành có hơn 27 năm kinh nghiệm trong công tác quản trị Tài chính kế toán và quản trị Điều hành Ngân hàng.

Ông từng đảm nhiệm các vị trí như:

- Phó Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT.
- Chủ tịch Hội đồng Đầu tư - Tín dụng Ngân hàng TMCP Đệ Nhất.
- Chủ tịch Hội đồng Đầu tư - Tín dụng Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



ÔNG NGUYỄN VĂN THANH HẢI
Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Văn Thanh Hải có 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng.

Ông từng đảm nhiệm các vị trí như:

- Phó TGD phụ trách Khối NHBL Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



ÔNG VÕ TẤN HOÀNG VĂN
Thành viên HĐQT

Ông Võ Tấn Hoàng Văn có hơn 27 năm kinh nghiệm trong công tác kiểm toán, tư vấn Tài chính Ngân hàng và quản trị Điều hành Ngân hàng.

Ông từng đảm nhiệm các vị trí như:

- Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng kiểm toán và tư vấn lĩnh vực Tài chính Ngân hàng của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Phó Chủ tịch Ủy ban Chiến lược và Phát triển Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Phó Tổng Giám đốc, Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



CƠ CẤU TỔ CHỨC & BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÀ NGUYỄN PHƯƠNG HỒNG
Thành viên HĐQT

Bà Nguyễn Phương Hồng có hơn 13 năm kinh nghiệm trong ngành Tài chính Ngân hàng.

Bà từng đảm nhiệm các vị trí như:

- Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Tái thẩm định kiêm Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Tái thẩm định Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Bà đang đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



ÔNG NGUYỄN TIẾN THÀNH
Thành viên HĐQT độc lập

Ông Nguyễn Tiến Thành có hơn 27 năm kinh nghiệm trong công tác Tài chính Ngân hàng, chứng khoán.

Ông từng đảm nhiệm các vị trí như:

- Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc CN HCM Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt.
- Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt.
- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt.

Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

BAN KIỂM SOÁT



ÔNG LƯU QUỐC THẮNG
Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Lưu Quốc Thắng có 39 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại - sản xuất, Tài chính Ngân hàng.

Ông từng đảm nhiệm các vị trí như:

- Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đệ Nhất.
- Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Quản lý Rủi ro Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



ÔNG TRẦN CHẤN NAM
Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát

Ông Trần Chấn Nam có 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại, Tài chính Ngân hàng.

Ông từng đảm nhiệm các vị trí như:

- Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Đệ Nhất.
- Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Sài Gòn nhiệm kỳ 2012-2017.

Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



ÔNG VŨ MẠNH TƯỜNG
Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát

Ông Vũ Mạnh Tường có 23 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực kế toán, Tài chính Ngân hàng.

Ông từng đảm nhiệm các vị trí như:

- Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Đệ Nhất.
- Trưởng Ban Thư ký Tổng Giám đốc, Trợ lý Chủ tịch HĐQT, Chánh Văn phòng kiêm Thư ký HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Phó chủ tịch Ủy ban Nhân sự khen thưởng & kỷ luật, Chủ tịch Ủy ban Xử lý rủi ro & Khai thác thu hồi nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



CƠ CẤU TỔ CHỨC & BAN LÃNH ĐẠO

BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG TRƯƠNG KHÁNH HOÀNG

Quyền Tổng Giám đốc

Ông Trương Khánh Hoàng có hơn 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng.

Ông từng đảm nhiệm các vị trí như:

- Giám sát phụ trách Thị trường vốn & Quan hệ đầu tư Công ty Cổ phần Tập đoàn NoVa.
- Trưởng phòng phụ trách Tài chính dự án cấp cao Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Alpha King.
- Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Phê duyệt Tín dụng và Xử lý nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Phó Tổng Giám đốc Thường trực Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



ÔNG NGUYỄN VĂN HÙNG

Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế Toán Trưởng

Ông Nguyễn Văn Hùng có hơn 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng.

Ông từng đảm nhiệm các vị trí như:

- Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín nghĩa.
- Phó Giám đốc Khối Kế toán Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Doanh nghiệp Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Phó Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.
- Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



ÔNG NGUYỄN NGỌC NHÃ NAM

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Nhã Nam có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin.

Ông từng đảm nhiệm các vị trí như:

- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Truyền thông Hanel.
- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giải Pháp Công Nghệ Minerva.

Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Vận hành & Công nghệ Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



ÔNG DIỆP BẢO CHÂU

Phó Tổng Giám đốc

Ông Diệp Bảo Châu có 28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng.

Ông từng đảm nhiệm các vị trí như:

- Phó Tổng Giám đốc Điều hành Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Phó Tổng Giám đốc điều hành phụ trách Khối Hỗ trợ kinh doanh Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Quản lý Rủi ro Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban Tái cơ cấu Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Quản lý Rủi ro Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



ÔNG VŨ ĐỨC HƯNG

Phó Tổng Giám đốc

Ông Vũ Đức Hưng có hơn 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Nhân sự.

Ông từng đảm nhiệm các vị trí như:

- Giám đốc Phát triển Nhân sự Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Phó Giám đốc Khối Vận hành kiêm Giám đốc Trung tâm Quản trị Nguồn Nhân lực Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Á.

Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Quản trị Nguồn nhân lực Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



CƠ CẤU TỔ CHỨC & BAN LÃNH ĐẠO

BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG NGUYỄN CỬU TÍNH

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Cửu Tính có hơn 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng.

Ông từng đảm nhiệm các vị trí như:

- Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Giám đốc Vùng Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Giám đốc Khối DVNH & TCCN Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Dịch vụ Ngân hàng & Tài chính cá nhân Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



BÀ TRẦN THỊ MỸ DUNG

Phó Tổng Giám đốc

Bà Trần Thị Mỹ Dung có hơn 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng.

Bà từng đảm nhiệm các vị trí như:

- Phó Giám đốc Phòng Tái Thẩm định Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Phó Giám đốc Khối Tái Thẩm định Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Quyền Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng và Xử lý nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Bà đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Phê duyệt tín dụng và Xử lý nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



ÔNG LẠI QUỐC TUẤN

Phó Tổng Giám đốc

Ông Lại Quốc Tuấn có 31 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng.

Ông từng đảm nhiệm các vị trí như:

- Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nam Á.
- Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khu vực phía Bắc Ngân hàng Nam Á.
- Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa.

Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



BÀ TRỊNH THỊ THANH

Giám đốc Khối Quản trị Tài chính và Nguồn vốn

Bà Trịnh Thị Thanh có hơn 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng.

Bà từng đảm nhiệm các vị trí như:

- Giám đốc Phòng Tài chính kế hoạch Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Giám đốc Phòng Kế hoạch chiến lược Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Phó Giám đốc Khối Quản trị Tài chính và Nguồn vốn Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Quyền Giám đốc Khối Quản trị Tài chính và Nguồn vốn Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Bà đang đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Quản trị Tài chính và Nguồn vốn Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



ÔNG LÊ VĂN CHÁNH

Giám đốc Khối Hỗ trợ kinh doanh

Ông Lê Văn Chánh có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng.

Ông từng đảm nhiệm các vị trí như:

- Giám đốc Phòng Định giá và Quản lý Tài sản bảo đảm Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Phó Giám đốc Khối Hỗ trợ Kinh doanh và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Phó Giám đốc Khối Hỗ trợ Kinh doanh và Khai thác Tài sản kiêm Giám đốc Phòng Định giá trực tiếp Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Phó Giám đốc Khối Hỗ trợ Kinh doanh và quản lý điều hành Trung tâm Định giá Tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Hỗ trợ kinh doanh Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



CƠ CẤU TỔ CHỨC & BAN LÃNH ĐẠO

BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG PHAN HỮU Ý

Giám đốc Khối Kinh doanh tiền tệ

Ông Phan Hữu Ý có gần 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng.

Ông từng đảm nhiệm các vị trí như:

- Phó Giám đốc Kinh doanh tiền tệ Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Giám đốc Kinh doanh tiền tệ Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Phó Giám đốc Khối Kinh doanh tiền tệ Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Kinh doanh tiền tệ Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



ÔNG TRẦN CHÂU TUẤN

Giám đốc Khối Quản trị nội chính

Ông Trần Châu Tuấn có hơn 08 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng.

Ông từng đảm nhiệm các vị trí như:

- Phó Giám đốc Phòng Mua sắm Tập trung Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Giám đốc Phòng Mua sắm Tập trung Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Quyền Giám đốc Khối Quản trị nội chính Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Quản trị nội chính Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



BÀ ĐẶNG THỊ BẢO CHÂU

Quyền Giám đốc Khối Doanh nghiệp

Bà Đặng Thị Bảo Châu có hơn 16 năm kinh nghiệm trong ngành Tài chính Ngân hàng.

Bà từng đảm nhiệm các vị trí như:

- Giám đốc Phòng Quản lý Kinh doanh Khách hàng Doanh nghiệp Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Giám đốc Thẩm định và Phê duyệt Khách hàng Doanh nghiệp Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Giám đốc Phòng Phê duyệt Tín dụng Khách hàng Doanh nghiệp Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Bà đang đảm nhiệm chức vụ Quyền Giám đốc Khối Doanh nghiệp Ngân hàng TMCP Sài Gòn.





BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

36

ĐIỂM LẠI 2020 CỦA SCB

38

CÁC DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT

42

SCB 2020 VỮNG VÀNG, SẴN SÀNG CHUYỂN ĐỔI



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020



ĐIỂM LẠI 2020 CỦA SCB



TỔNG TÀI SẢN ĐẠT

633.797

TỶ ĐỒNG

Tổng tài sản đạt vị thế dẫn đầu trong nhóm Ngân hàng ngoài quốc doanh. Tính đến 31/12/2020, tổng tài sản của SCB đạt 633.797 tỷ đồng, tăng 65.884 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 11,6% so với cuối năm 2019.



HUY ĐỘNG
THỊ TRƯỜNG 1

↑ 89.733

TỶ ĐỒNG

Quy mô huy động vốn tăng trưởng liên tục qua các năm, khẳng định thế mạnh của SCB trên thị trường huy động vốn. Tổng số dư huy động thị trường 1 tính đến 31/12/2020 đạt 577.824 tỷ đồng, tỷ lệ tăng trưởng đạt 18,4%.



CHO VAY KHÁCH
HÀNG ĐẠT

351.386

TỶ ĐỒNG

Cho vay Khách hàng tăng trưởng liên tục qua các năm. Tính đến 31/12/2020, tổng số dư cho vay Khách hàng đạt 351.386 tỷ đồng, tăng 17.507 tỷ đồng so với 2019.



LỢI NHUẬN THUẦN
TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ
GẦN CHẠM MỐC

2.000

TỶ ĐỒNG

Trong 05 năm trở lại đây, SCB thực hiện chiến lược kinh doanh giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn thu tín dụng, đa dạng hóa nguồn thu từ hoạt động phi tín dụng. Năm 2020, lợi nhuận thuần từ hoạt động dịch vụ đạt 1.994 tỷ đồng, tăng 574 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 40,4% với đóng góp lớn từ hoạt động Bancassurance, dịch vụ thanh toán thẻ và tư vấn tài chính.



HỢP TÁC VỚI
MCKINSEY

Trong năm 2020, SCB đã ký kết hợp tác "Chiến lược chuyển đổi và phát triển bền vững giai đoạn 2020-2030" với Công ty McKinsey & Company Việt Nam. Đây là bước ngoặt lớn và được kỳ vọng sẽ tạo ra sự chuyển mình mạnh mẽ đối với Ngân hàng trong thập kỷ mới - thập kỷ của hành trình chuyển đổi toàn diện.



DOANH SỐ
BẢO HIỂM NHÂN THỌ
CHẠM MỐC

1.200

TỶ ĐỒNG

Với lợi thế tính năng sản phẩm và nền tảng Khách hàng chuyên nghiệp, SCB hiện đang dẫn đầu thị trường Bancassurance trong nước. Doanh số bảo hiểm của SCB đã chạm mốc 1.200 tỷ đồng trong năm 2020 và đang trên đà tiếp tục tăng trưởng. Năm 2020 đánh dấu 05 năm hợp tác chiến lược giữa Manulife và SCB trong việc phân phối sản phẩm bảo hiểm nhân thọ để đem đến những sản phẩm đa dạng, gia tăng tiện ích và quyền lợi tối ưu cho Khách hàng.



PHÁT HÀNH HƠN
200.000

THẺ QUỐC TẾ

Năm 2020, SCB đã phát hành 220.000 thẻ quốc tế, tăng trưởng 55,6% so với năm 2019. Trong đó, số lượng thẻ thanh toán đạt hơn 186.000 thẻ, tăng 74,7% và số lượng thẻ tín dụng đạt hơn 33.000 thẻ, tăng 10,2% so với năm 2019. Doanh số thẻ tín dụng quốc tế đạt gần 10.600 tỷ đồng.



PHỤC VỤ
1,4 TRIỆU
KHÁCH HÀNG

Tính đến 31/12/2020, số lượng Khách hàng hoạt động thường xuyên tại SCB đạt 1,4 triệu Khách hàng, tăng 21% so với cuối năm 2019. Trong đó, SCB sở hữu một danh mục lớn Khách hàng Affluent với tiềm năng phát triển cao, dự kiến đây sẽ là phân khúc Khách hàng đóng góp chủ lực vào kết quả kinh doanh của SCB trong những năm sắp tới.



13
GIẢI THƯỞNG LỚN
TRONG NƯỚC
VÀ QUỐC TẾ

Với những nỗ lực và cải tiến liên tục ở tất cả các mặt hoạt động, cùng với sự tin tưởng của Khách hàng, SCB đã tiếp tục khẳng định vị thế của mình thông qua các giải thưởng danh giá trong và ngoài nước. Năm 2020, SCB vinh dự nhận được 05 giải thưởng trong nước và 08 giải thưởng quốc tế. Đây là minh chứng và cũng là động lực cho quá trình hoàn thiện và phát triển không ngừng nhằm mang lại những giá trị tốt nhất cho Khách hàng của SCB.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

CÁC DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC - TRONG NƯỚC

TOP 100

DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG
VIỆT NAM 2020

Do Hội đồng Doanh nghiệp vì
sự phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD)
trao tặng.

TOP 50

DOANH NGHIỆP
XUẤT SẮC NHẤT
VIỆT NAM

Do VNR500 trao tặng.

TOP 50

DOANH NGHIỆP VIỆT
CÓ THƯƠNG HIỆU
NHÀ TUYỂN DỤNG HẤP DẪN

Do Anphabe trao tặng.

DOANH NGHIỆP
TP. HỒ CHÍ MINH
TIÊU BIỂU NĂM 2020

Do Hiệp hội Doanh nghiệp
TP. Hồ Chí Minh trao tặng.

DOANH NGHIỆP
VÌ CỘNG ĐỒNG

Do Nhóm Thời báo Kinh tế Sài Gòn
trao tặng.





KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

CÁC DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC - QUỐC TẾ

NGÂN HÀNG NGOẠI HỐI SÁNG TẠO NHẤT VIỆT NAM 2020

MOST INNOVATIVE FOREIGN
EXCHANGE BANK VIETNAM 2020

Do Tạp chí Global Business Outlook
trao tặng.

NGÂN HÀNG CÓ ỨNG DỤNG TIẾT KIỆM DI ĐỘNG SÁNG TẠO NHẤT VIỆT NAM 2020

MOST INNOVATIVE MOBILE SAVINGS APP
VIETNAM 2020

Do Tạp chí Global Banking & Finance Review
trao tặng.

NGÂN HÀNG BÁN LẺ TỐT NHẤT

BEST RETAIL BANK

Do Tạp chí World Finance trao tặng.

CÔNG NGHỆ NGÂN HÀNG TỐT NHẤT VIỆT NAM 2020

BANKING TECHNOLOGY VIETNAM 2020

Do Tạp Chí The European trao tặng.

NGÂN HÀNG CÓ DỊCH VỤ BẢO HIỂM LIÊN KẾT TỐT NHẤT CỦA NĂM

BANK PARTNER OF THE YEAR 2020

Do Asia Trusted Life Agents &
Advisers trao tặng.

NGÂN HÀNG DÀNH CHO DOANH NGHIỆP TỐT NHẤT VIỆT NAM NĂM 2020

BEST CORPORATE BANK VIETNAM 2020

Do Tạp chí International Finance trao tặng.

NGÂN HÀNG CÓ TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG TỐT NHẤT VIỆT NAM 2020

BEST CSR BANK

Do Tạp chí International Business trao tặng.

NGÂN HÀNG CÓ CHẤT LƯỢNG THANH TOÁN QUỐC TẾ XUẤT SẮC NĂM 2019

STRAIGHT THROUGH
PROCESSING AWARD 2019

Do The Bank of New York Mellon
(BNY Mellon) trao tặng.





KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

SCB 2020 VỮNG VÀNG, SẴN SÀNG CHUYỂN ĐỔI

KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ DẪN ĐẦU



Kết thúc năm 2020, tình hình hoạt động kinh doanh SCB đạt hiệu quả khả quan, từng bước chuyển dịch trở thành Ngân hàng bán lẻ hàng đầu với chiến lược năng động và bền vững. Tính đến 31/12/2020, quy mô tài sản của SCB đạt 633.797 tỷ đồng, duy trì vị thế Top 5 trong hệ thống tổ chức tín dụng Việt Nam và là Ngân hàng TMCP tư nhân có tổng tài sản lớn nhất. Trong đó, huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư đạt 577.824 tỷ đồng, cho vay Khách hàng đạt 351.386 tỷ đồng.



Dẫn đầu về phát triển phân khúc Khách hàng Affluent

Những năm trở lại đây, SCB ghi dấu với hình ảnh Ngân hàng dẫn đầu về phát triển phân khúc Khách hàng Affluent. Với tiềm năng phát triển cao, dự kiến đây sẽ là phân khúc Khách hàng đóng góp chủ lực vào kết quả kinh doanh của ngân hàng trong những năm sắp tới. Nhận được sự tin tưởng từ Khách hàng nhờ những sản phẩm tài chính hiệu quả, phong cách phục vụ chuyên nghiệp, đẳng cấp, tận tâm, tính đến 31/12/2020, số lượng Khách hàng Affluent hoạt động thường xuyên tại SCB đạt gần 111.000 Khách hàng. Theo đánh giá của tổ chức tư vấn hàng đầu thế giới, SCB sở hữu trên 15% thị phần phân khúc Khách hàng Affluent cả nước. Đây là nền tảng để Ngân hàng phát triển dịch vụ tài chính cao cấp cho tầng lớp thượng lưu, góp phần gia tăng hiệu quả sinh lời và củng cố hình ảnh thương hiệu riêng của SCB.

Khẳng định vị thế trong lĩnh vực Bancassurance

2020 là một năm đáng nhớ khi SCB kỷ niệm 5 năm giai đoạn 2015-2020 trở thành đối tác chiến lược của Manulife, phân phối độc quyền sản phẩm Bảo hiểm nhân thọ trên toàn bộ điểm giao dịch của Ngân hàng. Với thỏa thuận hợp tác độc quyền đầu tiên trên thị trường, SCB trở thành Ngân hàng dẫn đầu và dẫn dắt thị trường Bancassurance. Quá trình 5 năm, SCB luôn khẳng định vị trí tiên phong trong hoạt động kinh doanh Bảo hiểm khi luôn dẫn đầu về doanh số. Những kết quả vượt trội được ghi nhận với tỷ lệ doanh thu phí bảo hiểm hàng năm tăng gần 300% so với kế hoạch đề ra, gần 60.000 Khách hàng sử dụng dịch vụ và hơn 26.000 yêu cầu bồi thường bảo hiểm của Khách hàng đã được giải quyết. Bên cạnh đó, với thành tích ấn tượng trong mảng kinh doanh Bancassurance trong những tháng cuối năm 2020, SCB đã liên tục dẫn đầu thị trường, phá vỡ những kỷ lục doanh số bảo hiểm. SCB hiện là một trong những Ngân hàng TMCP có tốc độ phát triển mảng Bancassurance nhanh nhất, nằm trong Top 3 thị trường với doanh số năm 2020 cán mốc 1.200 tỷ, và được vinh danh là "Ngân hàng có dịch vụ bảo hiểm liên kết tốt nhất của năm - Bank Partner of The Year 2020" do Asia Advisors Network, Asia Insurance Review và LIMRA trao tặng.

Nhanh, nhạy năm bất thay đổi

Bước đột phá mạnh mẽ của SCB trong năm vừa qua không chỉ đến từ nỗ lực phát triển sản phẩm dịch vụ, mà còn là sự nhanh nhạy, kịp thời thích ứng với thay đổi liên tục của môi trường kinh doanh. Trải qua nhiều thời điểm khó khăn, SCB càng khẳng định vị thế dẫn đầu trong việc chủ động chuyển đổi, sẵn sàng với mọi giải pháp, kế hoạch, phát huy tối đa tiềm lực con người, công nghệ, năng lực tài chính. Trong bối cảnh dịch bệnh, hoạt động tín dụng gặp nhiều trở ngại, một trong những thế mạnh của Ngân hàng như dịch vụ bán lẻ liên tục được đẩy mạnh, đa dạng hóa qua các sản phẩm mang màu sắc riêng. Bên cạnh đó, SCB tiếp tục tập trung phát triển hệ thống công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu giao dịch trực tuyến ngày càng cao của Khách hàng.

Giá trị thương hiệu vững mạnh

Những thành tựu đáng tự hào như vậy đã chấp cánh giá trị thương hiệu của SCB vươn cao, vươn xa, trở thành đối tác tiềm năng với các thương hiệu lớn trên thị trường. Trong năm 2020, SCB chuyển trụ sở về 19-21-23-25 Nguyễn Huệ Quận 1, đồng thời khai trương Phòng Dịch vụ Khách hàng Trung tâm, với địa thế thuận lợi và khả năng tiếp cận dân cư, hứa hẹn sẽ là cầu nối đặc lực gia tăng hình ảnh thương hiệu Ngân hàng. Qua một hành trình bền bỉ sáng tạo, liên tục nâng cao chất lượng dịch vụ, cùng với những nỗ lực truyền thông, SCB mạnh mẽ chứng minh sự hiện diện thương hiệu với những dấu ấn riêng tại khắp các đô thị lớn trên mọi miền tổ quốc.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÁC KHỐI

KHỐI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG VÀ TÀI CHÍNH CÁ NHÂN

Phát huy thế mạnh trong sản phẩm Huy động Khách hàng Cá nhân

Năm 2020, SCB tiếp tục triển khai các sản phẩm tiền gửi cá nhân đã tạo được ấn tượng mạnh mẽ trên thị trường trước đó như Chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn, Chứng chỉ tiền gửi dài hạn cùng với các sản phẩm huy động truyền thống. Với sự đa dạng về sản phẩm huy động, kỳ hạn linh hoạt, mức lãi suất hấp dẫn và cạnh tranh, SCB trở thành lựa chọn hàng đầu của các Khách hàng lâu năm và thu hút thêm lượng lớn Khách hàng mới. Tính đến thời điểm 31/12/2020, tăng trưởng huy động có kỳ hạn của SCB tăng trưởng 20% so với cuối năm 2019. Số dư tiền gửi không kỳ hạn tăng 57% so với năm 2019, cũng là tốc độ tăng trưởng cao nhất trong vòng 05 năm vừa qua. Đây là tín hiệu tốt thể hiện ưu thế niềm tin của Khách hàng đối với SCB trong cuộc đua thu hút tài nguyên CASA giữa các Ngân hàng.

Doanh số phí Bảo hiểm nhân thọ đạt mức tăng trưởng ấn tượng

Năm 2020 là một năm đáng nhớ của SCB trong lĩnh vực Bancassurance với doanh số phí bảo hiểm vượt mốc 1.200 tỷ đồng, liên tục dẫn đầu thị trường Bancassurance trong nửa cuối năm 2020. Đây cũng là năm đánh dấu tròn 5 năm hợp tác chiến lược giữa Manulife và SCB trong việc phân phối các sản phẩm bảo hiểm, với mục tiêu gia tăng tiện ích và quyền lợi của Khách hàng. Trong năm 2020, SCB ra mắt sản phẩm "Tâm An Đầu Tư" với sự kết hợp hoàn hảo giữa đầu tư và bảo hiểm không chỉ giúp Khách hàng chủ động gia tăng tài sản một cách an toàn mà còn bảo vệ gia đình trước những rủi ro trong cuộc sống.

Tháng 07/2020 vừa qua, SCB được vinh danh "Ngân hàng có dịch vụ bảo hiểm liên kết tốt nhất của năm - Bank Partner Of The Year" tại lễ trao giải 5th Asia Trusted Life Agents & Advisers Awards. Đây là giải thưởng uy tín được tổ chức hàng năm bởi Asia Advisers Network, Asia Insurance Review và LIMRA, nhằm mục đích vinh danh các công ty và cá nhân xuất sắc trong ngành tư vấn tài chính và bảo hiểm nhân thọ trên toàn khu vực Châu Á.

Số lượng thẻ quốc tế phát hành mới trên đà tăng trưởng mạnh mẽ

Tiếp nối thành công trong việc triển khai các dòng thẻ thanh toán quốc tế beYou và thẻ Tín dụng S-Care năm 2019, tháng 06/2020, SCB cho ra mắt thị trường dòng sản phẩm thẻ Thanh toán quốc tế beGreat với những ưu đãi vượt trội dành cho Khách hàng. Tính đến ngày 31/12/2020, tổng số lượng thẻ beGreat phát hành đạt hơn 33.400 thẻ, chiếm 37,5% tổng số lượng thẻ thanh toán Mastercard phát hành trong năm 2020. Sự thành công liên tiếp của các dòng sản phẩm thẻ trong thời gian gần đây đã thể hiện bước đi đúng đắn của SCB trong việc nắm bắt xu thế thị trường.

SCB Premier Banking cung cấp những giá trị đặc quyền, làm hài lòng Khách hàng bằng các sản phẩm dịch vụ có chất lượng vượt trội

SCB Premier Banking là sự kết hợp giữa những sản phẩm Ngân hàng truyền thống nhưng được thiết kế với các đặc quyền dành riêng cho Khách hàng Premier, tất cả chỉ gói gọn trong một dịch vụ Ngân hàng. Theo đó, các nhu cầu tài chính của Khách hàng Premier luôn được hỗ trợ nhanh chóng bởi đội ngũ chuyên viên tư vấn tận tình, chuyên nghiệp.

Tính đến ngày 31/12/2020, SCB đã đưa vào hoạt động 25 không gian giao dịch SCB Premier. Việc xây dựng không gian giao dịch SCB Premier Banking nhằm cung cấp những giá trị đặc quyền, làm hài lòng Khách hàng bằng những sản phẩm dịch vụ vượt trội.



25
KHÔNG GIAN
GIAO DỊCH SCB
PREMIER



**DOANH SỐ
BẢO HIỂM
NHÂN THỌ
VƯỢT MỐC**

1.200
TỶ ĐỒNG



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÁC KHỐI KHỐI DOANH NGHIỆP



Cho vay Khách hàng Tổ chức tiếp tục đạt mức tăng trưởng ổn định

Năm 2020, dư nợ cho vay Khách hàng Tổ chức của SCB đạt hơn 323.000 tỷ đồng, tăng trưởng 7% so với năm 2019. Đồng thời, trong năm SCB đã tập trung tăng trưởng tín dụng vào một số ngành trọng điểm như: Bệnh viện & y tế, Thi công xây lắp và Góp vốn kinh doanh hàng tiêu dùng.

Nỗ lực phát triển vì lợi ích của Khách hàng

Thấu hiểu được vấn đề chi phí chuyển khoản trong nước luôn là một vướng mắc mà hầu hết các Doanh nghiệp vừa và nhỏ quan ngại, năm 2020 SCB phát triển và mang đến nhiều lựa chọn gói thanh toán cho Khách hàng Tổ chức như: Gói Tài khoản thanh toán S-COMBO, Gói dịch vụ chi lương S-PAYROLL,... với hàng loạt ưu đãi về phí dịch vụ SMS Banking, Internet Banking, Mobile Banking, miễn phí nộp thuế điện tử, miễn phí chi lương online trong hệ thống, miễn phí quản lý tài khoản thanh toán, miễn phí nhận sổ phụ qua email định kỳ hàng tháng,... giúp Khách hàng thuận tiện hơn trong việc lựa chọn dịch vụ phù hợp.

Phát triển hoạt động kinh doanh song hành với sự phát triển Doanh nghiệp

Song song với nỗ lực xây dựng nền tảng tài chính vững mạnh, tạo cơ sở phát triển kinh doanh đa dạng, hiệu quả, đồng hành cùng cộng đồng luôn là giá trị cốt lõi mà SCB hướng đến. Bên cạnh các hoạt động hỗ trợ Doanh nghiệp do ảnh hưởng của Covid-19, SCB triển khai ưu đãi lãi suất cho vay ngắn hạn dành cho Khách hàng Tổ chức với hạn mức vay lên đến 1.000 tỷ đồng, trở thành nhà tài trợ chính cho dự án Bệnh viện Chuyên khoa Sản nhi Long An, đồng thời triển khai thành công chương trình "Nhịp đập yêu thương với mùa xuân 2020" nhằm mang đến một mùa xuân ấm áp cho các trẻ em mắc bệnh tim có hoàn cảnh khó khăn tại Khoa Tim Mạch Bệnh viện Nhi đồng 1.

KHỐI KINH DOANH TIỀN TỆ



THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TIỀN TỆ VÀ KINH DOANH NGOẠI HỐI VƯỢT MỐC

900
TỶ ĐỒNG

Hoạt động kinh doanh tiền tệ và kinh doanh ngoại hối của SCB ghi nhận kết quả ấn tượng với thu nhập đạt hơn 947 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ năm 2019, đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng. Trong năm 2020, SCB thiết lập thành công quan hệ với các đối tác xuất nhập khẩu ngoại tệ, giúp nâng cao vị thế cạnh tranh của Ngân hàng trên thị trường thông qua cơ hội tiếp cận nguồn Khách hàng tiềm năng sử dụng dịch vụ kiều hối của đối tác. Bên cạnh đó, việc duy trì mối quan hệ đối tác truyền thống với các định chế tài chính lớn trong nước và quốc tế, SCB có thể cung cấp đầy đủ các đồng tiền của các quốc gia trên thế giới cho Khách hàng có nhu cầu với tỷ giá

cạnh tranh, thời gian thực hiện nhanh chóng, thủ tục đơn giản.

Với hệ thống mạng lưới trải dài khắp cả nước, tiềm lực tài chính dồi dào, SCB luôn đáp ứng đầy đủ kịp thời các nhu cầu giao dịch ngoại tệ hợp pháp của các Khách hàng cá nhân lẫn doanh nghiệp. Trong thời gian tới, SCB sẽ tiếp tục phát huy vị thế này trên thị trường để có thể cung cấp cho Khách hàng các giải pháp kinh doanh trọn gói với tỷ giá hợp lý, giúp Khách hàng an tâm thực hiện các phương án kinh doanh và đầu tư tại Việt Nam.





KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

QUẢN LÝ RỦI RO



SCB chú trọng củng cố hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro, hướng đến mục tiêu đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN về hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng thương mại và quản lý rủi ro hiệu quả theo tiêu chuẩn Basel II. Theo đó, năm 2020, Ngân hàng đã hoàn thành cơ bản các mục tiêu chiến lược quản lý rủi ro như:



Hoàn thiện Hệ thống các văn bản đảm bảo công tác QLRR tuân thủ theo quy định tại Thông tư 13 và phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh của SCB.



Nâng cao chất lượng, hiệu quả QLRR trong công tác giám sát toàn bộ hoạt động Ngân hàng theo mô hình tổ chức ba tuyến bảo vệ "*Chủ động rà soát về mặt hệ thống, quy trình, quy định, chính sách - Hỗ trợ cảnh báo rủi ro đến Khách hàng - Khách hàng tự bảo vệ*".



Vận hành công cụ giám sát rủi ro; Tuân thủ trên hệ thống Công nghệ thông tin.



Tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý rủi ro đối với từng loại rủi ro trọng yếu gồm Rủi ro tín dụng, Rủi ro thanh khoản, Rủi ro thị trường, Rủi ro lãi suất trên sổ Ngân hàng và Rủi ro hoạt động.



Hình thành văn hóa tuân thủ trong toàn hàng nhằm kịp thời phát hiện các sự kiện tổn thất và chủ động đề ra các phương án xử lý phù hợp, các hạn mức rủi ro được giám sát chặt chẽ và các quy định nội bộ được thẩm định đáp ứng yêu cầu tuân thủ pháp luật, chuẩn mực quốc tế và phục vụ nhu cầu vận hành thực tế của SCB.



HƯỚNG ĐẾN QUẢN LÝ RỦI RO
HIỆU QUẢ THEO TIÊU CHUẨN **BASEL II**



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

KIỆN TOÀN NỘI TẠI



2020 là năm đầu tiên đánh dấu quá trình chuyển đổi toàn diện của SCB giai đoạn 2020-2030. Để tạo nền tảng vững chắc nhất cho quá trình chuyển đổi này, SCB đã và đang tiến hành tối ưu hóa quy trình vận hành và củng cố phát triển con người. Từ đó, hiện thực hóa hành trình chuyển đổi toàn diện về cả nội tại và phát triển kinh doanh.



HOÀN THIỆN CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ

Trong năm 2020, SCB đã cố gắng nỗ lực để hoàn thiện cơ cấu tổ chức nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển trong giai đoạn mới - giai đoạn chuyển đổi toàn diện 2020-2030. Trên cơ sở hoàn thiện cơ cấu tổ chức này, SCB đã đồng thời thực hiện điều chỉnh hệ thống chức danh công việc và triển khai công tác xây dựng định biên nhân sự hợp lý tại các đơn vị, đảm bảo phù hợp với cơ cấu tổ chức và nhu cầu phát triển của Ngân hàng trong thời kỳ mới.

tính nhất quán trong cấu trúc tổng thể. Bên cạnh đó, việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức tại Hội sở cũng đáp ứng tối đa nhu cầu hỗ trợ phát triển các hoạt động kinh doanh của các đơn vị kinh doanh.

Tại đơn vị kinh doanh, SCB xác định rõ cách thức quản lý để đảm bảo phát triển kinh doanh của cả 02 mảng Dịch vụ Ngân hàng và Tài chính Cá nhân và Doanh nghiệp, đồng thời tạo dựng sự hài hòa, đảm bảo tính kết nối trong toàn hệ thống.

Tại Hội sở, SCB đã tiến hành quy định rõ nguyên tắc tổ chức, các loại hình đơn vị nhằm đảm bảo

KIỆN TOÀN CON NGƯỜI VÀ QUY TRÌNH, HƯỚNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ CAO CẤP

Nhận thức rõ về việc chìa khóa của sự thành công trong cạnh tranh là duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, SCB đã liên tục triển khai các hoạt động nhằm cải tiến quá trình giao dịch tại quầy, tăng cường triển khai các hoạt động liên quan đến việc nâng cao chất lượng dịch vụ, đồng thời tổ chức đào tạo và truyền thông định kỳ nhằm nâng cao kỹ năng cho cán bộ nhân viên.

của Pháp luật và an toàn trong hoạt động. Song song với cải tiến quy trình quy định, SCB cũng nỗ lực không ngừng để tối ưu hóa quy trình hệ thống tại các chương trình quản lý nhằm đồng bộ giữa quy trình quy định với quy trình ứng xử trên hệ thống, giúp vận hành thông suốt, hiệu quả và giảm thiểu thao tác của người dùng, hạn chế sai sót, kiểm soát rủi ro vận hành.

Đối với quy trình giao dịch tại quầy, SCB chủ trương cải tiến theo hướng tinh gọn các thủ tục, điều chỉnh và đơn giản hóa các biểu mẫu giao dịch nhằm phù hợp với tình hình thực tế giao dịch tại đơn vị. Bên cạnh đó, tiến hành giảm thiểu chữ ký của Khách hàng nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ quy định

Đối với triển khai hoạt động liên quan đến nâng cao chất lượng dịch vụ, SCB đang ngày một hoàn thiện Bộ tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ, Cơ chế tính điểm và Quy trình triển khai các kênh đánh giá đối với đơn vị kinh doanh. Thông qua việc triển khai kiểm tra giám sát, số lượng lỗi bình quân hàng kỳ giảm đáng

kể so với năm 2019, tỷ lệ Khách hàng hài lòng với dịch vụ của SCB cũng ngày một tăng lên. Việc quy hoạch, chuẩn hóa và đồng bộ không gian giao dịch tại các đơn vị kinh doanh cũng góp phần nâng cao trải nghiệm Khách hàng. Từ đó, hoàn thành mục tiêu tại mỗi điểm “chạm” với SCB, Khách hàng sẽ có trải nghiệm tốt nhất và hài lòng nhất.

đào tạo tập trung và học trực tuyến Elearning với mục đích chia sẻ các chính sách, kỹ năng, kinh nghiệm về vận hành và chất lượng dịch vụ đến toàn bộ đội ngũ. Ngoài ra, nhằm truyền tải kiến thức đến gần hơn với thực tế, cũng như tạo môi trường thích hợp để bản thân mỗi cán bộ nhân viên được trao đổi, giải đáp những thắc mắc, khó khăn trong quá trình phục vụ Khách hàng ở đơn vị kinh doanh, SCB đã rất tập trung chú trọng các buổi Workshop và Revisit. Với sự tham gia và đóng góp nhiệt tình từ phía cán bộ nhân viên, SCB kỳ vọng về một thế hệ nhân viên có đầy đủ tố chất để có thể phục vụ tốt nhất cho Khách hàng của mình.

Ngoài ra, với mục tiêu nâng cao chất lượng dịch vụ thì việc tập trung đào tạo kiến thức và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ nhân viên - đối tượng phục vụ trực tiếp Khách hàng, là vô cùng quan trọng và thiết yếu. Trong năm 2020, Ngân hàng đã tiến hành

ĐẢM BẢO AN TOÀN THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Số hóa là chìa khóa trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và là xu hướng tất yếu để các doanh nghiệp tồn tại và phát triển. Đặc biệt là đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Ngân hàng thì việc tận dụng cuộc cách mạng công nghệ 4.0 không chỉ tạo tiền đề để phát triển, mà còn hỗ trợ trong việc giảm thiểu chi phí vận hành lâu dài. Tuy nhiên, thách thức đặt ra cho ngành Ngân hàng nói chung

và SCB nói riêng là làm thế nào để có thể vừa sử dụng công nghệ vào vận hành, vừa đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin cho Khách hàng và cho toàn hệ thống. Để cân bằng giữa lợi ích và đảm bảo yêu cầu quản lý rủi ro, SCB đã áp dụng các cơ chế giám sát và tăng cường an toàn bảo mật thông tin với các tuyến phòng thủ nhất định.

• Tuyến phòng thủ thứ nhất - Chủ động rà soát về mặt hệ thống, quy trình, quy định và chính sách.

Quy trình hoạt động luôn được SCB giám sát chặt chẽ để đảm bảo mọi sự cập nhật hoặc thay đổi trong hệ thống luôn luôn có cấp thực hiện và cấp kiểm soát theo quy định rõ ràng về cơ chế xác thực và phê duyệt, nhằm giảm thiểu rủi ro cho Khách hàng và cho chính Ngân hàng.

Bên cạnh đó, các hệ thống và giải pháp công nghệ khi được triển khai không chỉ tuân thủ theo tiêu chuẩn an toàn mà còn được giám sát và kiểm soát bằng hệ thống kiểm soát giao dịch bất thường, qua đó, giúp các sự cố được nhận biết nhanh chóng và có biện pháp xử lý kịp thời.

• Tuyến phòng thủ thứ hai - Hỗ trợ cảnh báo rủi ro đến Khách hàng.

Giống như một phễu lọc rủi ro, đối với những rủi ro có thể vượt qua được tuyến phòng thủ thứ nhất, thì tuyến phòng thủ từ việc cảnh báo rủi ro đến Khách hàng sẽ được triển khai. Cảnh báo rủi ro đến Khách hàng ở đây xuất phát từ cả hai phía: Khách hàng và SCB. Bên cạnh các

dịch vụ cho phép Khách hàng tự chủ động bảo vệ, SCB cũng triển khai cơ chế giám sát hệ thống, thực hiện giám sát 24/7 với đội ngũ nhân viên nhiều kinh nghiệm nhằm giúp Khách hàng kịp thời phát hiện, ngăn chặn rủi ro và nhanh chóng trợ giúp khi phát sinh sự cố.

• Tuyến phòng thủ thứ ba - Khách hàng tự bảo vệ.

SCB luôn nỗ lực để xây dựng và phát triển các ứng dụng trên Mobile Banking và Internet Banking, nhằm cho phép Khách hàng chủ động bảo vệ thông tin của mình. Các hình thức phòng thủ chủ yếu là: mở - khóa thẻ, mở - khóa tính năng giao dịch thẻ trực tuyến, xác thực

nâng cao với mã OTP,... Ngoài ra, nhằm nâng cao khả năng tự bảo vệ của Khách hàng, SCB thường xuyên thông tin đến Khách hàng hướng dẫn nhận diện những rủi ro có thể xảy ra và cách thức để phòng ngừa những rủi ro đó.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

KIỆN TOÀN NỘI TẠI

ĐẨY MẠNH HỆ SINH THÁI THANH TOÁN KHÔNG DỪNG TIỀN MẶT

Thế giới hậu Covid-19 đã đem đến nhiều sự thay đổi, và một thay đổi quan trọng trong số đó là việc phát triển mạnh mẽ của thanh toán trực tuyến. Trong tình trạng giãn cách xã hội để phòng chống dịch, thì việc tạo điều kiện để Khách hàng có thể thanh toán trực tuyến là một xu thế tất yếu trong thị trường các Ngân hàng. Do đó mà trong năm 2020, SCB đã triển khai xây dựng hệ sinh thái không dùng tiền mặt gồm thanh toán thẻ, thanh toán trên các thiết bị di động và thương mại điện tử. Đồng thời, không ngừng mở rộng liên kết cổng thanh toán

trực tuyến với các đối tác nhằm mở rộng mạng lưới thanh toán cho Khách hàng, đa dạng hóa phương thức thanh toán và từ đó, tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Và để đáp ứng nhu cầu của Khách hàng một cách nhanh nhất và tốt nhất, SCB đã tiếp tục triển khai tự động hóa và tinh gọn hóa trong công tác vận hành thông qua việc xây dựng các ứng dụng, báo cáo tự động. Từ đó góp phần giảm thiểu chi phí do tiết kiệm được thời gian vận hành, giảm rủi ro phát sinh và nâng cao hiệu quả hoạt động.

TRÂN TRỌNG NGƯỜI SCB

Nâng cấp hệ thống quản lý hiệu suất và đánh giá thành tích nhân viên

Trong năm 2020, SCB tiếp tục thực hiện nhiều chính sách phát triển nguồn nhân lực, đáng chú ý là Dự án Quản lý đánh giá KPIs và lương hiệu suất cho lực lượng kinh doanh tại đơn vị kinh doanh. Mỗi cán bộ nhân viên tại đơn vị kinh doanh đều được giao chỉ tiêu theo Bộ chỉ tiêu KPIs và được đánh giá tự động trên hệ thống định kỳ hàng tháng/hàng quý. Qua đó, lương hiệu suất sẽ được tính tự động dựa trên kết quả KPIs đã thực hiện

một cách khách quan và chính xác nhất. Ngoài ra, cổng thông tin nhân viên HR Portal tiếp tục được nâng cấp và cải thiện. Thông qua cổng thông tin này, Ban điều hành có thể chủ động và nhanh chóng trong việc theo dõi trạng thái, tình trạng sức khỏe nguồn nhân lực của SCB và từ đó, có thể đưa ra các quyết định trong chính sách nhân sự chính xác và kịp thời.



Duy trì chế độ đãi ngộ và tạo môi trường gắn kết nội bộ

Năm 2020 với nhiều khó khăn và biến động đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của toàn nền kinh tế, trong đó có cả SCB. Trong tình trạng mà nhiều doanh nghiệp để khắc phục trước sự sụt giảm kinh doanh đã phải cắt giảm phúc lợi của nhân viên, hay thậm chí là cắt giảm nhân sự, SCB vẫn nỗ lực hết mình để có thể duy trì chế độ phúc lợi cho cán bộ nhân viên. Và đó là một điều đáng tự hào trước sự nỗ lực của bản thân người làm doanh nghiệp trong việc bảo vệ người lao động của mình.

Trong thời gian xảy ra dịch Covid-19, SCB đã chủ động thực hiện nghiêm túc và quyết liệt nhiều biện pháp phòng chống dịch theo khuyến cáo của Bộ Y tế để giảm thiểu nguy cơ lây lan cho bản thân cán bộ nhân viên SCB và cho cộng đồng. Cụ thể, nhằm thực hiện theo yêu cầu 5K của Bộ Y tế, SCB đã nhanh chóng cung cấp khẩu trang y tế cho toàn bộ cán bộ nhân viên kèm theo quy định mang khẩu trang tại nơi làm việc. Ngoài ra, hàng tuần, SCB tiến hành xịt khử khuẩn tại toàn bộ văn phòng làm việc ở Hội sở và đơn vị kinh doanh. Do đó, dù ban đầu gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh, nhưng với sự chung sức và nỗ lực đóng góp của toàn thể cán bộ nhân viên, hoạt động kinh doanh năm 2020 của SCB vẫn đạt kết quả tốt.

Nếu như các năm trước, ngoài việc tập trung chăm sóc Khách hàng và phát triển kinh doanh, SCB cũng rất chú trọng đến việc phát triển môi trường làm việc

thông qua các hoạt động tập thể để tăng tính gắn kết trong nội bộ, như các chương trình: teambuilding, tất niên, tân niên, hội thao hay nổi bật là chương trình Hành trình vinh quang. Thì năm nay, với những tác động khôn lường của dịch Covid-19, những chương trình gặp mặt trực tiếp như thường lệ phải tạm gác lại, để ưu tiên cho mục tiêu phòng chống dịch bệnh. Tuy nhiên, không vì thế mà tập thể SCB ngừng nỗ lực để cùng nhau xây dựng một tập thể gắn kết và vững mạnh. Và nỗ lực này được lan truyền từ chính đội ngũ lãnh đạo của SCB. Khi không thể gặp mặt tất cả cán bộ nhân viên, đội ngũ lãnh đạo đã đến thăm hỏi từng phòng, nhằm động viên tinh thần và lắng nghe những ý kiến, phản hồi trực tiếp từ cán bộ nhân viên. Và hành động đầy ý nghĩa này đã đem lại cho cán bộ nhân viên một sự khích lệ rất lớn.

Nhằm ủng hộ mọi người chia sẻ câu chuyện thay đổi bản thân, SCB phát động phong trào chia sẻ câu chuyện truyền cảm hứng của mình qua cuộc thi nội bộ "I Changed". Thông qua cuộc thi này, cán bộ nhân viên có cơ hội truyền cảm hứng thay đổi bản thân cho những người đồng nghiệp từ chính câu chuyện của mình. Điều này không chỉ tạo động lực để mỗi cán bộ nhân viên thực hiện quá trình thay đổi và hoàn thiện bản thân, mà còn tạo cơ hội để mọi người thêm thấu hiểu nhau hơn, từ đó cùng nhau hợp tác tốt hơn trong công việc.

"Chuyển đổi toàn diện - Hiện thực khát vọng" trong công tác đào tạo cán bộ nhân viên

Nhằm đảm bảo cho yêu cầu về đào tạo ngày càng cao, từ đó cải tiến và phát triển không ngừng chất lượng dịch vụ từ mỗi nhân viên, lực lượng giảng viên nội bộ phải được phát triển cả về chuyên môn và nghiệp vụ không ngừng. Để đáp ứng chất lượng nội dung truyền tải cho học viên, SCB đã phát huy tối đa nguồn lực có sẵn, là chính lãnh đạo tại các đơn vị kinh doanh - người hiểu rõ nhất khoảng cách năng lực của cán bộ nhân viên so với tiêu chuẩn năng lực của mỗi chức danh. Nhờ đó mà việc đào tạo luôn bám sát định hướng kinh doanh, cũng như định hướng nguồn nhân lực của SCB, tạo điều kiện để phát triển đội ngũ cán bộ nhân viên vững vàng về chuyên môn và thành thạo trong kĩ năng.

Bên cạnh việc nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kiện toàn trong công tác quản trị điều

hành của cấp quản lý cũng là một trong những mục tiêu quan trọng trong công tác đào tạo trong năm 2020. Các chương trình như Phát triển năng lực lãnh đạo - Crestcom, Nâng cao năng lực lãnh đạo SCB - NextGene đã tạo tiền đề để xây dựng một đội ngũ lãnh đạo SCB kế nhiệm có đầy đủ tố chất, nội lực và tầm nhìn, để có thể vững bước đồng hành cùng tiến trình phát triển của SCB.

Với cấp thừa hành và giám sát, SCB cũng tập trung đào tạo không chỉ ở mặt chuyên môn mà còn đào tạo năng lực lãnh đạo bản thân. Năm 2020 với việc tổ chức chuỗi lớp học "Lãnh đạo không chức danh - LKC" đã tạo được tiếng vang lớn, bởi ngoài việc phát triển và làm giàu kĩ năng lãnh đạo, cán bộ nhân viên còn được đánh thức tiềm năng lãnh đạo và hiểu rõ hơn về năng lực của bản thân, từ đó nâng cao nhận thức về giá trị trong công việc và cuộc sống.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

SẼ CHIA GIÁ TRỊ

SCB luôn nhận thức được tầm quan trọng to lớn của sức mạnh cộng đồng trong quá trình phát triển kinh tế Việt Nam nói chung và SCB nói riêng. Để phát triển bền vững, ngoài việc tập trung phát triển hiệu quả kinh doanh, SCB luôn tâm niệm về vai trò đồng hành với các hoạt động vì lợi ích cộng đồng. Trải qua một năm đầy biến động từ dịch bệnh và thiên tai, bên cạnh việc nỗ lực để khắc phục những khó khăn trong nội tại Ngân hàng, SCB đã nỗ lực hỗ trợ hết mình để sẻ chia giá trị đến Khách hàng và cộng đồng nhiều nhất có thể. Nhìn lại năm 2020, SCB tự hào đã chia sẻ được một phần giá trị của mình đến cộng đồng, với con số trên 40 tỷ đồng.

CHUNG TAY HỖ TRỢ CÁC DOANH NGHIỆP DƯỚI ẢNH HƯỞNG DỊCH COVID-19

Với phương châm đồng hành cùng các doanh nghiệp bị ảnh hưởng từ dịch Covid-19, SCB đã triển khai nhiều chương trình hỗ trợ Khách hàng như: cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với Khách hàng chịu ảnh hưởng từ dịch Covid-19 theo quy định tại Thông tư 01/2020 TT-NHNN; triển khai chuỗi hoạt động "SCB chung tay vì sức khỏe

cộng đồng", gồm những chính sách ưu đãi thiết thực cho Khách hàng, hỗ trợ vượt qua ảnh hưởng của dịch bệnh như cấp sổ tiết kiệm online tích hợp mã QR qua email, miễn phí nhiều dịch vụ online, xem xét giảm lãi suất cho các doanh nghiệp gặp khó khăn vì đợt dịch bệnh trong thời gian qua.

HỖ TRỢ CỘNG ĐỒNG THOÁT KHỎI KHÓ KHĂN TỪ DỊCH BỆNH

Bên cạnh việc hỗ trợ Khách hàng, SCB cũng dành sự quan tâm đặc biệt đến những bệnh nhân và những vùng chịu ảnh hưởng của dịch bệnh. Cụ thể, trong năm 2020, nhằm tài trợ phòng chống dịch Covid-19 và tài trợ y tế, SCB đã triển khai các hoạt động như: tài trợ giường y tế cho các bệnh viện trong công tác phòng dịch tại Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Trị và TP.HCM; tài trợ ủng hộ UBMTTQVN TPHCM; tài trợ bộ đội biên phòng; tài trợ ủng hộ công tác phòng chống dịch tại Đồng Nai và Thanh Hóa; tài trợ chương trình thiện nguyện vì bệnh nhân nghèo "Sự sống hồi sinh từ ECMO" tại Bệnh viện Chợ Rẫy TP.HCM. Phần lớn nguồn kinh phí cho những tài trợ

này đến từ tập thể cán bộ nhân viên SCB. Với tinh thần tập thể SCB sẵn sàng sẻ chia vì cộng đồng, cùng chung tay đem đến những giá trị tốt đẹp hơn cho xã hội, ngay từ những ngày đầu dịch bệnh, mỗi cá nhân trong tập thể SCB đã chủ động trong công tác phòng chống dịch và nhanh chóng phát động phong trào quyên góp để ủng hộ cho các bệnh nhân và vùng dịch một cách tự nguyện và chân thành nhất.



CHUNG TAY ƯỚM MẮM THẾ HỆ TƯƠNG LAI

Nhận thức được tầm quan trọng của thế hệ tương lai - những mầm non của đất nước, SCB cũng đặc biệt chú trọng đến việc hỗ trợ phát triển giáo dục cho thiếu nhi, học sinh, sinh viên. Tài trợ học bổng cho các học sinh nghèo tại các địa bàn chịu ảnh hưởng của bão lũ miền Trung, tài trợ học bổng cho học sinh nghèo dịp khai giảng, tài trợ quỹ học bổng của Ngân hàng Nhà nước, tài trợ chương trình "Chia sẻ yêu thương" nhằm hỗ trợ xây dựng trường học cho

học sinh nghèo, tổ chức chương trình "Tiếp bước em đến trường" tại Bình Thuận. Còn gì bằng việc góp một phần công sức nhỏ bé của mình vào công cuộc nâng cao trình độ của lực lượng lao động Việt Nam từ những việc làm hết sức thiết thực này, để rồi một ngày không xa, các em có thể tự tin đứng trên đôi chân của mình, để phát triển gia đình, xóm làng, đất nước và có thể là có cả tương lai của SCB ở đó.

CHIA SẼ GIÁ TRỊ ĐẾN NHỮNG HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN

Tinh thần "Lá lành đùm lá rách" ở SCB là những hành động thiết thực, được thể hiện qua những việc như: tài trợ cho người nghèo nhân dịp Tết Canh Tý với mong muốn cùng sẻ chia một cái Tết ấm áp và no đủ với mọi người, đặc biệt là những người có hoàn cảnh khó khăn; tài trợ cho Quỹ người nghèo của Trung ương và của TP.HCM; tài trợ nhà tình nghĩa, tình thương cho các gia đình chính sách khó khăn; tài trợ cho Hội Thanh niên khuyết tật TP.HCM,

cùng nhiều chương trình tài trợ ý nghĩa khác. Bên cạnh đó, SCB cũng quan tâm đến việc phục vụ an sinh xã hội tại các địa phương, như tài trợ máy lọc nước và ly giấy tại Côn Đảo. Hay là hành động chăm lo bồi dưỡng tinh thần cho cộng đồng thông qua việc tài trợ các công trình lớn nhằm phục vụ cộng đồng như tài trợ xây dựng Đài phun nước, tài trợ Lễ hội Ánh sáng Countdown Light 2021, tài trợ Đường hoa Nguyễn Huệ và Đường đèn Nguyễn Huệ nhân dịp Tết Tân Sửu 2021.

CHIA SẼ ĐƯỢC
MỘT PHẦN GIÁ TRỊ CỦA MÌNH
ĐẾN CỘNG ĐỒNG

40
TỶ ĐỒNG





BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

58

ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH

66

ĐỊNH HƯỚNG QUẢN TRỊ





ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH

CHIẾN LƯỢC KINH DOANH VỚI SỰ TƯ VẤN CỦA MCKINSEY



Nếu như ví “quá trình chuyển đổi bao gồm việc cắt lực đẩy một cái bánh đà vừa to vừa nặng theo một hướng nhất định” thì 2021 chính là thời điểm vàng để SCB sử dụng bàn đạp công nghệ, kích hoạt quá trình tạo đà và nhảy vọt của mình trong chiến lược 10 năm, tầm nhìn đến 2030.



Chuyển đổi không phải chỉ là một động tác, cũng không thể chỉ bắt nguồn từ một cơ hội. Chuyển đổi là một hành trình dài, một nỗ lực trường kỳ, cần sự bản lĩnh của nhà lãnh đạo, sự đồng lòng của cả tổ chức và sự tận lực của một nhà tư vấn chuyên nghiệp. Do đó, trên hành trình của mình, SCB chọn McKinsey & Company Vietnam trở thành đối tác đồng hành, đây cũng là sự hợp tác đúng thời điểm, mang tính chất chiến lược trong giai đoạn chuyển đổi. Với hơn 90 năm kinh nghiệm tại 65 quốc gia trong vai trò là công ty tư vấn quản lý và chiến lược hàng đầu thế giới - McKinsey & Company sẽ góp phần quan trọng giúp SCB tối đa hóa hiệu quả kinh doanh, gia tăng vị thế và hoàn thành tất cả các mục tiêu trong “Chiến lược chuyển đổi và phát triển bền vững giai đoạn 2020-2030”.

Khát vọng

Với nguồn lực vững mạnh và niềm tin vào chiến lược đúng đắn, SCB trong 05 năm tới định hướng sẽ trở thành Ngân hàng phía Nam hàng đầu phục vụ doanh nhân và giới trí thức, từ đó trở thành top 5 Ngân hàng có lợi nhuận cao nhất với ROE 18-20%.



Phân khúc Khách hàng mục tiêu tiềm năng

Trong sự phát triển kinh tế và tăng trưởng thu nhập bình quân quốc gia, tầng lớp trung lưu Việt Nam đã và đang hình thành, chiếm 13% dân số và dự kiến tăng gấp đôi tỷ lệ này vào năm 2026. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế thị trường đã làm hình thành tầng lớp trung lưu chiếm đa số là nhóm doanh nhân, chuyên gia trình độ chuyên môn cao và giới quản lý. Do đó, trong giai đoạn 05 năm tiếp theo, việc tăng nhanh tỷ lệ tầng lớp trung lưu sẽ đem đến cho ngành dịch vụ tài chính nói chung và SCB nói riêng cơ hội khai thác vượt trội. Đây là nhóm Khách hàng với thu nhập khả dụng lớn và gia tăng nhanh, quy mô tiền nhàn rỗi kéo theo nhu cầu tiết kiệm và đầu tư gia tăng.

Đồng thời, nhóm Khách hàng doanh nhân tri thức với những yêu cầu ngày càng khắt khe về chất lượng sản phẩm, trải nghiệm dịch vụ không chỉ đem lại cho SCB thách thức mà còn là cơ hội để SCB nâng chất lượng phục vụ xứng tầm, tạo nền móng cho các phát kiến đột phá và khác biệt.



Nền tảng thị trường cơ sở và nền kinh tế tăng trưởng nổi bật

Nếu năm 2021 là thời điểm khó khăn đối với các nền kinh tế khác trên thế giới, đặc biệt là đối với các quốc gia đang phát triển khi vừa phải chống lại chu kỳ kinh tế đi xuống, vừa chịu hậu quả vô cùng nặng nề của dịch bệnh, thì đây lại là cơ hội lớn để kinh tế Việt Nam nói chung và ngành Ngân hàng nói riêng vươn lên và chiếm lĩnh khi mà quốc gia vừa hoàn thành mục tiêu kép về chống dịch và tăng trưởng kinh tế.

Niềm tin vào chính sách giúp dòng tiền lớn quay trở lại các kênh huy động sau một năm nhiều nốt trầm. Kiên định với tính đúng đắn của chiến lược mười năm, nhanh chóng nắm bắt thời cơ, SCB năm 2021 chính thức khởi động dự án chuyển đổi toàn diện, hiện đại và dẫn đầu.



Nếu như chất lượng dịch vụ là điều kiện cần để SCB tiếp cận Khách hàng, thì điều kiện đủ để Khách hàng ở lại chính là việc đón đầu và làm chủ công nghệ. Sau thời gian nghiên cứu và phân tích thị trường, SCB đặt mục tiêu củng cố, chất lọc và khai thác các cơ hội, tiềm năng kinh doanh của ngành Ngân hàng trong kỷ nguyên số mới, lựa chọn giải pháp toàn diện nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh với mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng cao, nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm cho Khách hàng.



Mạng lưới hoạt động và con người đầy tiềm năng

Với mạng lưới phân phối rộng khắp và đang không ngừng mở rộng, trải dài từ Bắc vào Nam, tập trung vào các thành phố lớn và phát triển, SCB đang có vị thế rất thuận lợi để chinh phục các khát vọng đề ra. Ngoài bộ máy lãnh đạo giàu kinh nghiệm và tầm nhìn, SCB đã, đang và tiếp tục xây dựng lực lượng nhân sự trẻ chủ động, nhiệt huyết và nắm bắt công nghệ tốt nhất.

Yếu tố con người chính là cốt lõi và có giá trị lâu dài tạo nên thành công cho doanh nghiệp. SCB với sự tư vấn của đối tác McKinsey & Company đặt ra mục tiêu kiện toàn bộ máy, xây dựng một khối đoàn kết vững chắc để hoàn thành mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận vượt trội và chiếm lĩnh thị trường miền Nam, tạo đà thành công để vươn ra thị trường toàn quốc và khu vực.





ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH

CHIẾN LƯỢC KINH DOANH VỚI SỰ TƯ VẤN CỦA MCKINSEY

Hiện thực hóa khát vọng

Dịch chuyển về chiến lược

- Từ Ngân hàng 'Ưu tiên Cho vay' tới 'Ưu tiên Huy động' với chi phí thấp bền vững

Cùng lợi thế là Ngân hàng có chất lượng huy động vốn hàng đầu thị trường với tổng tài sản đứng đầu nhóm Ngân hàng thương mại ngoài quốc doanh, SCB ngày nay đã thành công khai thác và đạt được sự tin tưởng bởi nhóm Khách hàng huy động quy mô lớn. Việc định vị chính xác giá trị nội tại đã giúp SCB quyết định ưu tiên khai thác thế mạnh, xác định nhóm Khách hàng mục tiêu và chiến lược mạng lưới để huy động vốn bền vững với chi phí tối thiểu.

Do đó, trong năm tới, mục tiêu huy động vốn của SCB là CASA ở mức tỷ trọng hai con số, tạo ra nguồn thanh khoản dồi dào, linh hoạt và chi phí huy động cực kỳ cạnh tranh. Để đạt được mục tiêu này, tập thể Ban Lãnh đạo và đội ngũ chăm sóc dịch vụ SCB đã dành nhiều tâm huyết và sẵn sàng để cho ra đời các gói sản phẩm dịch vụ xứng tầm, xuất phát từ nhu cầu giao dịch thường xuyên, nhanh chóng, tiết kiệm chi phí của Khách hàng.

- Từ nghiệp vụ Ngân hàng đến các dịch vụ tài chính đầy đủ

Đa năng - hiện đại - bền vững - lấy Khách hàng làm trọng tâm là hình ảnh SCB quyết tâm xây dựng trong giai đoạn mới. Để thực hiện được mục tiêu này, SCB triển khai kế hoạch "tái định vị thương hiệu" đi liền với việc mở rộng, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ. Ngân hàng hiện đại không còn là tổ chức tài chính đơn thuần chỉ cung cấp nghiệp vụ Ngân hàng mà dần trở thành một doanh nghiệp dịch vụ tài chính đa năng. Với tiềm lực tài chính vững mạnh, nền tảng công nghệ hiện đại, chất lượng dịch vụ không ngừng nâng cao, cơ sở đối tác đa dạng, SCB có đầy đủ điều kiện để đáp ứng các nhu cầu dịch vụ tài chính của Khách hàng một cách hiệu quả và khoa học. SCB năm 2021 hướng tới xây dựng

Đi từ nhu cầu và sự hài lòng của Khách hàng chính là bí quyết giúp SCB liên tục đạt mục tiêu huy động trong nhiều năm qua và cũng là niềm tin, là cơ sở chắc chắn để tổ chức kiên định tiếp tục triển khai các chương trình đẩy mạnh tiến gửi thanh toán sắp tới.

Hơn nữa, trong giai đoạn toàn hệ thống tổ chức tín dụng đang tập trung cơ cấu nợ, xử lý nợ xấu, việc rời bỏ mục tiêu "Ưu tiên cho vay" thời điểm này cho phép SCB dành nhiều nguồn lực để nâng cao chất lượng tín dụng, giảm dần chi phí trích lập dự phòng qua các năm, đồng thời đáp ứng toàn diện các yêu cầu của tổ chức điều hành. Bên cạnh đó, việc đa dạng hóa và cân bằng danh mục cho vay cũng sẽ được tập thể Ngân hàng chú trọng và tích cực triển khai. Việc tạo ra một danh mục cân bằng sẽ giúp SCB nắm bắt tốt các cơ hội, tạo giá trị thận trọng với tỷ lệ nợ xấu thấp, đặc biệt khai thác tối ưu nhóm Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ.

hệ sinh thái sản phẩm là tổ hợp các dịch vụ tài chính đầy đủ, hỗ trợ Khách hàng một cách linh hoạt, nhanh chóng và tận tâm.

Quyết định rời bỏ văn hóa tổ chức Ngân hàng truyền thống cứng nhắc, SCB chuyển mình, năng động, linh hoạt, trở thành một doanh nghiệp hiện đại thực sự, cung cấp hàng hóa là các sản phẩm dịch vụ Ngân hàng - phi Ngân hàng một cách chuyên nghiệp và thống nhất. Đây cũng là cách mà SCB khai thác lợi thế về Khách hàng, tận dụng làn sóng chuyển đổi trên quy mô toàn nền kinh tế, đặt vị thế của tổ chức trong sự biến động chung của thị trường.



Giai đoạn 2021-2030, SCB sẽ tiến hành các hợp tác mang tính chiến lược nhằm thu tóm năng lực để cung cấp dịch vụ tài chính ngoài các nghiệp vụ Ngân hàng, thông qua hệ sinh thái phát triển nội tại và được cung cấp bởi các đối tác.



Cụ thể hóa mục tiêu bằng sản phẩm khác biệt

- Cho vay tiêu dùng

Mảng cho vay tiêu dùng hiện tại đã khẳng định vị thế trên thị trường tín dụng Việt Nam, đồng thời cũng đặt ra thách thức lớn về chất lượng tín dụng có khả năng bị giảm sút. SCB chọn đẩy mạnh phát triển cho vay tiêu dùng trên cơ sở phân tích thị trường, khai thác thế mạnh nền tảng Khách hàng hiện hữu và Khách hàng tiềm năng, ưu tiên hướng tới nhóm Khách hàng trung lưu, đồng thời áp dụng phương pháp, hệ thống và quy trình quản lý rủi ro tốt nhất ngành.

- Quản lý gia sản (Wealth management)

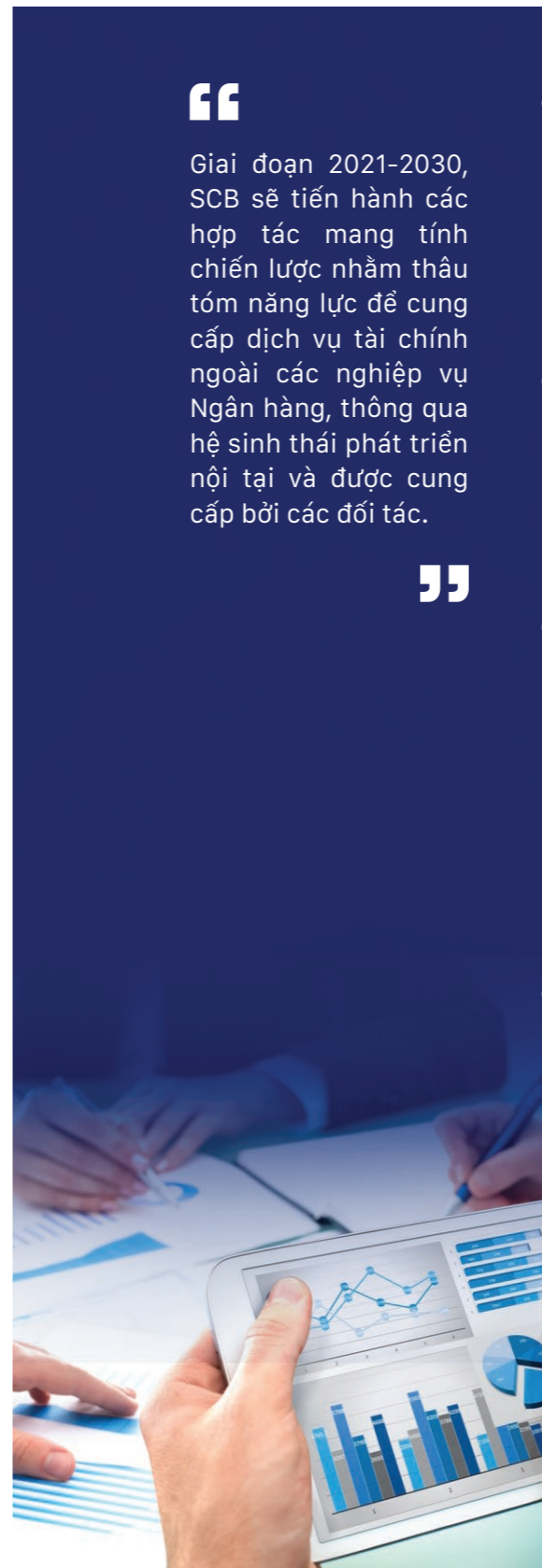
Xác định phân khúc Khách hàng mục tiêu trong giai đoạn sắp tới là tầng lớp doanh nhân, trí thức với lịch trình làm việc bận rộn, nhu cầu quản lý tài chính cá nhân tách bạch với quản lý tài chính doanh nghiệp và yêu cầu khắt khe về sản phẩm dịch vụ, SCB năm 2021 chính thức thiết lập mảng quản lý gia sản bao gồm hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tư vấn tài chính để thu hút và phục vụ toàn diện các dịch vụ tài chính liên quan.

- Ngân hàng SME

Doanh nghiệp vừa và nhỏ hiện chiếm hơn 96% tổng số lượng doanh nghiệp trên cả nước với mức đóng góp hơn 40% tổng sản phẩm quốc nội, đồng thời cũng ngày càng nhận được sự quan tâm và hỗ trợ thể chế bởi Nhà nước. Đây là nhóm Khách hàng doanh nghiệp tiềm năng với quy mô và tiềm lực phát triển ngày càng lớn mạnh, nhưng cũng rất cần sự hỗ trợ của các tổ chức tài chính. SCB định hướng xây dựng Ngân hàng SMEs khác biệt thông qua năng lực bán hàng, quy trình thẩm định và bộ máy thẩm định tín dụng tốt nhất, trở thành tối tác tin cậy, không chỉ cung cấp nguồn vốn kịp thời mà còn phát triển dịch vụ tư vấn tài chính toàn diện cho Khách hàng.

- Năng suất bán hàng tại đơn vị kinh doanh

Với nguồn nhân sự được đào tạo bài bản, lấy Khách hàng làm trọng tâm trong xây dựng giá trị cốt lõi, hệ thống KPIs triển khai toàn diện cùng sự hỗ trợ của công nghệ mới, SCB đẩy mạnh năng suất bán hàng tại chi nhánh thông qua tăng tỷ lệ thâm nhập Bancassurance, tăng số lượng Khách hàng hoạt động, tăng doanh thu trung bình theo từng đơn vị. Việc giao kế hoạch, giám sát và đánh giá hiệu quả theo từng chi nhánh giúp lãnh đạo các cấp từng bước định hình được năng lực phát triển theo khu vực, năng suất kinh doanh đơn vị và đối tượng Khách hàng để triển khai và đẩy mạnh các sản phẩm dịch vụ theo từng hệ sinh thái phù hợp; hơn thế, lãnh đạo tại đơn vị kinh doanh với lợi thế quen thuộc về địa bàn, am hiểu cộng đồng doanh nghiệp địa phương sẽ là thuận lợi trong việc triển khai kế hoạch và giám sát kinh doanh. Đồng thời, đặt tăng trưởng đơn vị trong tương quan tăng trưởng từng Vùng/Khu vực cụ thể để xác định được thế mạnh về địa lý, quy mô và phân khúc Khách hàng. Phát triển năng suất bán theo thế mạnh từng đơn vị trong sự thống nhất định hướng toàn hàng để đảm bảo tính độc lập, chủ động và trọng tâm trong tổng hòa SCB.





ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH

CHÚ TRỌNG HIỆU QUẢ KINH DOANH GẮN LIỀN ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG VỚI TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI



Giá trị đem lại cho cộng đồng vẫn là giá trị cao cấp nhất, là mục tiêu cuối cùng mà mọi hoạt động của SCB kiên quyết hướng tới. Hiệu quả của quá trình kinh doanh SCB xây dựng không chỉ là theo đuổi mục tiêu lợi nhuận mà còn là những giá trị cụ thể mà Ngân hàng đem lại cho cộng đồng. Phát triển hiệu quả kinh doanh được gắn liền với trách nhiệm xã hội là động lực mạnh mẽ và cao quý giúp tổ chức không ngừng nỗ lực và đạt đến thành công. Trên cơ sở đó, định hướng hoạt động gắn liền với trách nhiệm xã hội năm 2021 của SCB sẽ bao gồm: Hiệu quả kinh doanh, Sản phẩm và Thương hiệu gắn liền giá trị cộng đồng.



Hiệu quả kinh doanh gắn liền sẽ chia giá trị

Mỗi một đồng lợi nhuận được tạo ra là từ sự đóng góp không ngừng của đội ngũ người lao động, sự tin tưởng của Khách hàng trên nền tảng sự phát triển của thị trường và xã hội. Do đó, SCB hiểu được trách nhiệm chia sẻ lợi nhuận để đóng góp bằng mọi khả năng vào mục tiêu phát triển bền vững của đất nước.

lo cho đời sống cán bộ nhân viên và gia đình, làm cơ sở mở rộng mô hình chia sẻ hiệu quả lợi nhuận để hỗ trợ các dịch vụ đảm bảo sức khỏe cộng đồng. Để làm được điều đó, SCB định hướng tăng cường mô hình hợp tác với các tổ chức bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, cung cấp dịch vụ tài chính Ngân hàng đi kèm với các dịch vụ bảo vệ sức khỏe toàn diện, chất lượng cao trong thời đại mới.

Trên hết, SCB đề cao trọng trách đảm bảo quyền lợi tối ưu cho tập thể gần 7.000 cán bộ nhân viên, đặc biệt là quyền được chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, phúc lợi cho cá nhân và gia đình. Sức khỏe cán bộ nhân viên nói riêng, sức khỏe cộng đồng nói chung cũng quan trọng như sức khỏe tài chính của doanh nghiệp. Đây là mối quan hệ cộng sinh không thể tách rời mà SCB đặt mục tiêu phát triển toàn diện bằng tất cả khả năng và nguồn lực của mình.

Do đó, năm 2021 SCB hướng đến chú trọng khâu phát triển và chăm



SCB ĐỀ CAO TRỌNG TRÁCH ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI TỐI ƯU CHO TẬP THỂ GẦN

7.000

CÁN BỘ NHÂN VIÊN, ĐẶC BIỆT LÀ QUYỀN ĐƯỢC CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ SỨC KHỎE, PHÚC LỢI CHO CÁ NHÂN VÀ GIA ĐÌNH.



Gửi gắm thông điệp qua Sản phẩm

Sản phẩm là bức thông điệp rõ ràng, có giá trị tác động nhất mà qua đó doanh nghiệp muốn truyền tải đến Khách hàng, nhà đầu tư và xã hội. Mỗi lần sản phẩm Ngân hàng được lựa chọn sử dụng là thêm một lần SCB thành công trong việc chia sẻ giá trị. Tận dụng lợi thế ngành kinh doanh đặc biệt có tần suất Khách hàng sử dụng sản phẩm thường xuyên, SCB nỗ lực đẩy mạnh thực hiện trách nhiệm cộng đồng trong mỗi sản phẩm dịch vụ đưa ra thị trường.

SCB bằng kinh nghiệm triển khai các chương trình "Sẻ chia giá trị xã hội" thành công trong các năm qua, tiếp tục dành nhiều tâm huyết để nghiên cứu và phát triển sản phẩm tích hợp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, gắn nhu cầu đầu tư với nhu cầu bảo hiểm cuộc sống, gắn liền quản lý tài chính cá nhân với việc quản lý sức khỏe và hiệu quả hóa chi tiêu cho chất lượng cuộc sống.



ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH

CHÚ TRỌNG HIỆU QUẢ KINH DOANH GẮN LIỀN ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG VỚI TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Lan tỏa hình ảnh Thương hiệu

Giá trị được khai thác tối đa là khi lan tỏa rộng rãi đến cộng đồng và xã hội. Từ bức thông điệp nhiều ý nghĩa của mình, SCB mong muốn mang đến cho xã hội không chỉ là những chia sẻ mang tính trách nhiệm, mà còn là giá trị mang tính nhân văn sâu sắc về sức khỏe và chất lượng cuộc sống. Mỗi Khách hàng, mỗi cán bộ nhân viên bước ra từ SCB với môi trường chia sẻ, hỗ trợ, tôn trọng và chăm sóc chu đáo sẽ trở thành một đại diện thương hiệu hoàn chỉnh, đưa dấu ấn cộng đồng của SCB đi đến mọi miền tổ quốc.

“

Trên hành trình chuyển đổi của mình, SCB vẫn luôn mang theo trách nhiệm của một tổ chức tài chính đối với xã hội, từng bước góp gió thành bão, từng bước lan tỏa giá trị đến đông đảo Khách hàng trong khu vực kinh doanh và cả nước. Thành công về truyền thông mà SCB dày công vun đắp trên nền tảng công nghệ hiện đại, chiến lược mở rộng toàn diện sẽ truyền tải đầy đủ những giá trị trong cuộc sống mà tổ chức muốn gửi gắm đến cộng đồng.

”



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

ĐỊNH HƯỚNG QUẢN TRỊ



Chuyển đổi thật sự là một chặng đường dài, nhiều cam go nhưng đầy triển vọng. Đó là quá trình chèo lái con tàu tổ chức vượt đại dương cập bến thành công. SCB cần xác định con đường chuyển đổi đúng hướng, kiên định, từng bước cố gắng và bỏ vào nhiều năng lượng, tâm huyết để đi đến mục đích cuối cùng là trở nên vượt trội và bền vững. Trong quá trình đó, định hướng quản trị chính là xương sống, là huyết mạch giúp cho mọi hành động không bị rời xa mục tiêu, mọi nỗ lực của tập thể Ban Lãnh đạo và Cán bộ nhân viên không có một chút phí hoài.



PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NỀN TẢNG

Xuất phát điểm đi sau trong việc ứng dụng nền tảng công nghệ vào một số khía cạnh quản trị vừa là thách thức, vừa là cơ hội cho SCB trong giai đoạn mới. Điều này đòi hỏi các quyết định lựa chọn mô hình triển khai phải chính xác, quá trình triển khai phải được diễn ra một cách quyết liệt và đồng bộ. Thách thức này không chỉ đòi hỏi cần một nhà tư vấn chuyên nghiệp mà còn cần cả sự quán triệt và thống nhất của cả tổ chức.

Đầu tư mạnh về hạ tầng công nghệ, hướng tới đột phá dẫn đầu

Xã hội hiện đại đã phát triển ở mức độ mà công nghệ đã lan tỏa đến mọi góc ngách của nền kinh tế, trở thành điều kiện cần trong mọi hoạt động kinh doanh. Do đó, công nghệ thực sự có thể làm nên sự thành công của doanh nghiệp phải là công nghệ tiên phong, được chọn lọc phù hợp. Khi được áp dụng đúng, công nghệ trở thành một chất xúc tác mạnh mẽ thúc đẩy tiến trình thành công của doanh nghiệp.



Nền tảng hạ tầng công nghệ được chú trọng đầu tư

SCB đang không ngừng xây dựng và hoàn thiện nền tảng Openbanking - Ngân hàng mở, xây dựng các phương thức kết nối hoàn thiện hệ sinh thái gồm Ngân hàng và các nhà cung cấp tin cậy, từ đó mang đến những giá trị trải nghiệm và phục vụ Khách hàng của SCB một cách tối ưu.

Chiến lược đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số vào hoạt động Ngân hàng để nâng cao trải nghiệm Khách hàng, lấy sự chuyển biến công nghệ làm nền tảng cải tiến chính sách và quy trình quy định. Cụ thể, dựa trên nền tảng công nghệ eKYC, SCB triển khai xây dựng hệ sinh thái trải nghiệm eKYC rộng khắp từ kênh tại quầy đến online. Từ đó, Khách hàng có thể mở tài khoản và/hoặc tự thực hiện các dịch vụ Ngân hàng mà không cần phải tới điểm giao dịch của SCB. Đồng thời, tiếp tục cải tiến các chương trình giao dịch tại quầy đối với các nhóm nghiệp vụ phổ biến như Thông tin Khách hàng (CIF), tài khoản thanh toán, tài khoản tiền gửi, phát hành thẻ ghi nợ, eBanking và giao dịch vay cầm cố,... với mục tiêu mang đến trải nghiệm "All in one" đối với người dùng, rút ngắn thời gian giao dịch và phục vụ Khách hàng nhanh chóng, hiệu quả.

Định vị đột phá và tiên phong sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích nâng cao (AA)

Mặc dù thuật ngữ trí tuệ nhân tạo trong Ngân hàng đã được sử dụng thông dụng trong thời gian qua, nhưng vẫn chưa được chú ý để ứng dụng rộng rãi. So với các lĩnh vực khác như sản xuất, chăm sóc sức khỏe và thương mại điện tử, việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong Ngân hàng còn rất hạn chế vì Ngân hàng cần duy trì và bảo vệ tính bảo mật cực kỳ khắt khe. Do đó, SCB lên kế hoạch xây dựng một hệ thống vừa hiện đại vừa tạo ra giá trị cao với yêu cầu đảm bảo bảo mật toàn diện.



Trong bối cảnh toàn nền kinh tế đang cùng chạy đua theo làn sóng công nghệ, sau thời gian dài nghiên cứu và chuẩn bị, kết hợp với văn hóa hiệu suất, SCB quyết tâm chọn cho mình ngọn sóng an toàn nhất, vững vàng nhất và có khả năng chắc chắn nhất để vươn lên và dẫn đầu.



Năng lực công nghệ và dữ liệu hiện đại đóng vai trò là nền tảng cho đổi mới, sáng tạo tại SCB

Năng lực công nghệ hay khả năng triển khai công nghệ sẵn có một cách hiệu quả và thành công là bài toán được Ban Lãnh đạo SCB đặt ra trong nhiều năm. Kết hợp với kho dữ liệu lớn, chất lượng, SCB bước sang giai đoạn chuyển đổi số mới đã chuẩn bị sẵn sàng để sử dụng công nghệ để làm nền tảng cho đổi mới sáng tạo. Bên cạnh đó, yêu cầu tiên quyết về tính an toàn dữ liệu tiếp tục được Ngân hàng đặt lên hàng đầu, đây là cách mà SCB sử dụng để duy trì, phát huy sự tin tưởng và hài lòng của Khách hàng.

Ứng dụng cơ chế quản lý rủi ro vượt trội với các quy trình tín dụng tự động và tinh gọn

Hiểu được tầm quan trọng của việc xây dựng năng lực nền tảng vững chắc, toàn diện, SCB với sự tư vấn của đối tác McKinsey & Company từ năm 2021 sẽ bắt đầu triển khai các mô hình quản trị trên cơ sở ứng dụng công nghệ một cách vừa linh hoạt vừa thống nhất.

Quản trị rủi ro sẽ là một trong những năng lực đầu tiên SCB xác định cần chuẩn hóa trong giai đoạn chuyển đổi của mình. Việc xây dựng mô hình dự báo và quản lý rủi ro tín dụng sẽ đặt lên hàng đầu, nhằm chủ động hạn chế tối đa nợ xấu của Ngân hàng. Bên cạnh đó, quy trình tín dụng tự động và tinh gọn được đưa vào vận hành không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quy trình quản lý, nâng cao hiệu suất của cán bộ nhân viên mà còn giúp cung cấp cho Khách hàng nguồn vốn linh hoạt, kịp thời.



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

ĐỊNH HƯỚNG QUẢN TRỊ

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NỀN TẢNG

Quản lý nhân sự toàn diện, nâng cao phúc lợi và các chủ trương thu hút nhân tài

Trong giai đoạn chuyển đổi toàn diện sắp tới, SCB xác định nhân tố quyết định tạo nên thành công chính là “con người”. Đầu tư vào con người chính là khoản đầu tư đem lại lợi ích bền vững, tuy nhiên cũng cần rất nhiều tâm huyết để chuẩn hóa quy trình đào tạo, hệ thống hóa quy trình quản lý. Trong đó, tiêu chuẩn “đúng người - đúng việc” được SCB đặt lên hàng đầu, vì “con người phù hợp” mới là tài sản quý giá nhất của tổ chức.



Quản lý nhân sự toàn diện, xây dựng năng lực, quản lý hiệu suất

Hệ thống quản lý trên nền tảng công nghệ cũng được chú trọng triển khai trên toàn Ngân hàng, đảm bảo tính công bằng, hiệu quả, tương xứng phân minh. SCB kiện toàn bộ máy cơ cấu tổ chức và chú trọng công tác đào tạo phát triển năng lực cá nhân, thực hiện quy hoạch phát triển nhân tài theo chiến lược phát triển bền vững tại SCB.

Ngoài ra, SCB thường xuyên nâng cao năng suất, hiệu quả nhân sự thông qua cơ chế quản lý hiệu suất với việc giao KPIs rõ ràng, chi tiết đến từng CBNV, kèm theo cơ chế ghi nhận đánh giá linh hoạt kết hợp phản hồi 360°. Bên cạnh đó, tiếp tục hoàn thiện hệ thống báo cáo nhân sự tự động cung cấp các chỉ số sức khỏe nguồn nhân lực phục vụ cho công tác quản trị, dự báo xu hướng nguồn lực của SCB.



Nâng cao phúc lợi và thu hút nhân tài

Với sức khỏe tài chính đủ mạnh, SCB thực hiện nâng cao chính sách phúc lợi nhân sự ngày càng cạnh tranh với những Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam hàng đầu để thu hút và giữ chân nhân sự, hiện thực hóa chiến lược kinh doanh.

Trong giai đoạn chuyển đổi, SCB cũng rất cần những làn gió mới, những “con người phù hợp”, những “nhân tài” tham gia vào tổng hòa một cách hệ thống để khai phá năng lực không giới hạn. Do đó Ban Lãnh đạo cũng dành nhiều tâm huyết trong việc xây dựng một hệ thống tuyển dụng chuẩn hóa, cơ chế đãi ngộ xứng đáng, hấp dẫn để có được đội ngũ người lao động tương thích nhất - tài sản quý giá nhất của tổ chức trong chặng đường nhiều hứa hẹn phía trước.



Trên con thuyền chuyển đổi phía trước, SCB không chỉ cần thuyền trưởng bản lĩnh, mà người quyết định thành công hơn cả chính là gần 7.000 cán bộ nhân viên SCB với sự nỗ lực, nhiệt huyết và sáng tạo không ngừng.



CÙNG CỐ NĂNG LỰC QUẢN TRỊ VÀ GIA TĂNG HIỆU QUẢ KINH DOANH

Trong nền kinh tế, hệ thống Ngân hàng thương mại đóng vai trò truyền dẫn chính sách, đồng thời hỗ trợ cấp vốn cho doanh nghiệp và dân cư, khơi thông nguồn lực và hỗ trợ tích cực cho dòng chảy kinh tế. Để làm được điều này, Ngân hàng cần phải có đủ sức khỏe tài chính, bao gồm chiến lược thích hợp trong việc quản lý rủi ro và phát triển kinh doanh, đảm bảo an toàn hệ thống đi đôi với hỗ trợ tối đa cho nền kinh tế.

Củng cố năng lực quản trị

Hiện thực hóa mục tiêu, SCB năm 2021 tiếp tục nỗ lực đáp ứng các yêu cầu về tỷ lệ an toàn thông qua các dự án chuyển đổi về quản trị điều hành, quản lý rủi ro, quản lý vốn theo chuẩn mực quốc tế. Triển khai chương trình hành động thông qua việc minh bạch hóa thông tin, tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, đồng thời đẩy mạnh áp dụng các biện pháp tăng vốn theo quy định. Là một phần quan trọng trong mục tiêu quản trị, việc SCB chú trọng triển khai Basel II bằng mọi nguồn lực và khả năng sẽ góp phần thúc đẩy một hệ thống tài chính nói chung và quản trị Ngân hàng nói riêng ngày một minh bạch, bền vững và hiệu quả.

Bên cạnh đó, SCB chú trọng triển khai hệ thống quản trị rủi ro kiên cố, ứng dụng công nghệ thông tin một cách chọn lọc và chủ động. Cụ thể, SCB tăng cường ứng dụng công nghệ trong việc quản lý hệ thống văn bản, đảm bảo tất cả các quy định nội bộ trên toàn hệ thống được kiểm tra, kiểm soát đầy đủ, kịp thời theo Thông tư 13 và phục vụ mục tiêu chiến lược của SCB. Điều này củng cố thực tiễn kiểm tra, kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro cho từng hoạt động để tăng cường năng lực phát hiện và cảnh báo sớm về các rủi ro mới xuất hiện trong hoạt động của SCB. Triển khai dự án xây dựng công cụ công nghệ thông tin, mô hình lượng hóa quản lý rủi ro và nâng cấp hệ thống giám sát tuần thủ, đảm bảo mục tiêu tiếp cận chuẩn mực quốc tế.





ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

ĐỊNH HƯỚNG QUẢN TRỊ

CỦNG CỐ NĂNG LỰC QUẢN TRỊ VÀ GIA TĂNG HIỆU QUẢ KINH DOANH

Gia tăng hiệu quả kinh doanh



Hành động chuyển đổi đang được thực hiện toàn diện từ Ban Lãnh đạo, ban chuyển đổi chuyên trách và tất cả những "Người SCB". Trong đó, SCB chú trọng đầu tư nền tảng tài chính kiên cố, củng cố sức mạnh của cấu trúc kinh tế, làm bàn đạp vươn ra thị trường quốc gia và khu vực. Bên cạnh đó, gia tăng hiệu suất kinh doanh còn là mục tiêu kép để SCB chính thức niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2023 với một tâm thế vững vàng, quyết liệt, cam kết đem đến lợi ích tối đa cho Khách hàng và Cổ đông.



Tối thiểu hóa chi phí vốn bằng tăng trưởng CASA

Huy động vốn tiếp tục xác định là hoạt động kinh doanh cốt lõi của SCB với vai trò hình thành nên quy mô hoạt động và quy mô tín dụng của Ngân hàng, thể hiện uy tín của tổ chức trên thị trường tài chính. Với lợi thế nguồn vốn huy động dài hạn, phần lớn được tích lũy từ dân cư trong nhiều năm qua, SCB mở rộng triển khai đa dạng hóa sản phẩm huy động, trong đó đẩy mạnh và chú trọng các sản phẩm liên quan đến tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi thanh toán, cùng với cơ chế tính lãi FTP để hiệu quả chi phí huy động vốn ở mức tối đa.

SCB chủ động sáng tạo và triển khai các dịch vụ đón đầu xu hướng, thành công trở thành lựa chọn hàng đầu của Khách hàng trong thị trường các Ngân hàng cung cấp dịch vụ tiền gửi thanh toán để tối ưu hóa chi phí lãi, làm nền tảng để dẫn mở rộng và cung các sản phẩm cho vay cạnh tranh, tối đa hóa lợi nhuận.

Tập trung nâng cao chất lượng tín dụng

Tăng trưởng tín dụng phát triển đều qua các năm, là một trong những động lực tăng trưởng quan trọng của SCB, vừa góp phần cung ứng và điều hòa vốn trong nền kinh tế, khơi thông nguồn lực, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển. Với định hướng tăng trưởng cho vay tiêu dùng và cho vay doanh nghiệp SME, SCB lựa chọn phát triển tín dụng vào các lĩnh vực tiềm năng nhất của xu hướng thị trường và phù hợp nhất với chỉ đạo của Chính phủ.

Bằng cách triển khai nền tảng công nghệ, chuẩn hóa quy trình, chất lượng tín dụng luôn được chú trọng kiểm soát thông qua việc nâng cao chất lượng thẩm định và phê duyệt tín dụng; giám sát chặt chẽ tình hình sử dụng vốn và nguồn thu để thu hồi nợ đúng hạn. SCB chú trọng tuân thủ nghiêm ngặt các tỷ lệ, quy định về an toàn hoạt động tín dụng theo đúng quy định Ngân hàng Nhà nước. Kiểm soát nợ quá hạn, nợ xấu được triển khai đến từng đơn vị, là chỉ tiêu quan trọng đánh giá kết quả, chất lượng phát triển kinh doanh, điều này sẽ được phản ánh qua tỷ lệ nợ xấu rất thấp so với giới hạn cho phép của NHNN.

Đa dạng và hiệu quả từ dịch vụ tài chính đầy đủ

Từ các sản phẩm dịch vụ thế mạnh và kinh nghiệm triển khai đa dạng sản phẩm dịch vụ Ngân hàng, SCB tiếp tục thông qua hệ thống đối tác rộng khắp, xây dựng hệ sinh thái dịch vụ tài chính đa dạng, đáp ứng mọi nhu cầu tiết kiệm, đầu tư, bảo hiểm, quản lý tài sản... của Khách hàng. Lợi nhuận đạt được từ cơ sở sự hài lòng và tin tưởng của Khách hàng là động lực để SCB liên tục cải tiến và sáng tạo các phát kiến vượt trội trên thị trường tài chính.

Bên cạnh đó, SCB lên kế hoạch tiếp tục thiết lập, duy trì mối quan hệ Ngân hàng đại lý với đối tác là các định chế tài chính lớn uy tín trong và ngoài nước nhằm phát triển, thúc đẩy cơ hội hợp tác tài trợ thương mại, nguồn vốn và kinh doanh quốc tế.

Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

Tăng trưởng an toàn và tương thích với quy mô tổng tài sản là một trọng tâm trong chiến lược chuyển đổi và phát triển bền vững giai đoạn 2020-2030, vì vậy ưu tiên hàng đầu của SCB là đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro nhằm bảo vệ SCB, nhân sự và Khách hàng. SCB đang từng bước xây dựng, phát triển và liên tục cải tiến hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro một cách đồng bộ, hiệu quả và chuyên nghiệp. Với chủ trương bám sát các chuẩn mực quốc tế trong công tác quản lý rủi ro, SCB tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý rủi ro đối với từng loại rủi ro. Trong đó chú trọng:

- Củng cố thực tiễn kiểm tra kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro cho từng hoạt động để tăng cường năng lực phát hiện và cảnh báo sớm về các rủi ro mới xuất hiện trong hoạt động của SCB. SCB đang từng bước xây dựng, phát triển, liên tục cải tiến hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro một cách đồng bộ, hiệu quả và chuyên nghiệp.
- Triển khai các dự án xây dựng công cụ công nghệ thông tin, mô hình lượng hóa quản lý rủi ro và nâng cấp hệ thống giám sát tuân thủ đảm bảo mục tiêu triển khai Basel II.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hệ thống văn bản, bảo đảm tất cả các quy định nội bộ trên toàn hệ thống được kiểm tra, kiểm soát đầy đủ, kịp thời theo Thông tư 13 và phục vụ mục tiêu chiến lược của SCB.
- Duy trì và nâng cao văn hóa kiểm soát trên phạm vi toàn Ngân hàng thông qua việc triển khai các chương trình truyền thông hướng đến từng cán bộ nhân viên.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

74

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)

75

BÁO CÁO CỦA ỦY BAN TRỰC THUỘC HĐQT

79

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT (BKS)

80

THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)

Cơ cấu thành viên	Chức danh
Ông Bùi Anh Dũng	Chủ tịch HĐQT
Ông Henry Sun Ka Ziang	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Đinh Văn Thành	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Thanh Hải	Thành viên HĐQT
Ông Võ Tấn Hoàng Văn	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Phương Hồng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên HĐQT độc lập

HĐQT họp thường kỳ ít nhất mỗi quý một lần, ngoài ra HĐQT họp bất thường và lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Hàng năm, HĐQT định hướng chiến lược hoạt động của Ngân hàng, từ đó ấn định các mục tiêu tài chính, phê duyệt kế hoạch

kinh doanh và giao Ban Điều hành triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, trên cơ sở phê duyệt Đề án Tái cơ cấu của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, HĐQT thực hiện chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ngân hàng, đảm bảo tuân thủ lộ trình kế hoạch đề ra.

BÁO CÁO CỦA ỦY BAN TRỰC THUỘC HĐQT

ỦY BAN NHÂN SỰ, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Cơ cấu thành viên	Chức danh
Ông Bùi Anh Dũng	Chủ tịch Ủy ban nhân sự, khen thưởng và kỷ luật
Bà Phạm Thị Thanh Nga	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân sự, khen thưởng và kỷ luật
Bà Lê Ánh Tuyết	Thành viên Ủy ban nhân sự, khen thưởng và kỷ luật
Bà Trâm Ngọc Yến	Thành viên Ủy ban nhân sự, khen thưởng và kỷ luật
Bà Hoàng Thị Thu Thanh	Thư ký Ủy ban nhân sự, khen thưởng và kỷ luật

Ủy ban nhân sự, khen thưởng và kỷ luật duy trì chế độ họp định kỳ lần/tuần hoặc đột xuất. Các hoạt động chính trong năm 2020 gồm:

- Tham mưu và đề xuất cho HĐQT các vấn đề nhân sự của toàn hệ thống nhằm phù hợp với quy mô hoạt động, chiến lược phát triển, đồng thời theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của SCB, cụ thể: các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên Ban Điều hành, tuyển dụng/tái ký/chấm dứt Hợp đồng lao động/điều động/phân công/bổ nhiệm nhân sự thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT.
- Đóng góp các ý kiến cho Ban Điều Hành, tham mưu cho HĐQT các quy chế liên quan đến mảng Nhân sự - Đào tạo như: Quy chế cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành, mô hình tổ chức hoạt động và cơ cấu tổ chức của công ty con thuộc SCB, chế độ thù lao, tiền lương/tiền thưởng, các chính sách đãi ngộ khác và các Quy chế liên quan đến đào tạo trong toàn hàng.
- Tham mưu cho HĐQT trong các chương trình thi đua khen thưởng hoặc kỷ luật nhân sự, đảm bảo duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả thông qua việc khuyến khích xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, công bằng, ghi nhận thành tích và có chế độ đãi ngộ đối với CBNV ở mọi cấp bậc.

ỦY BAN TÁI CƠ CẤU

Cơ cấu thành viên	Chức danh
Ông Bùi Anh Dũng	Chủ tịch Ủy ban Tái cơ cấu
Ông Diệp Bảo Châu	Phó Chủ tịch Ủy ban Tái cơ cấu
Ông Trương Khánh Hoàng	Thành viên Ủy ban Tái cơ cấu
Bà Trần Thị Mỹ Dung	Thành viên Ủy ban Tái cơ cấu
Bà Trịnh Thị Thanh	Thành viên Ủy ban Tái cơ cấu
Bà Đào Thị Ngọc Trúc	Thư ký Ủy ban Tái cơ cấu



BÁO CÁO CỦA ỦY BAN TRỰC THUỘC HĐQT

ỦY BAN TÁI CƠ CẤU

Ủy ban Tái cơ cấu duy trì chế độ họp định kỳ hàng tháng. Các hoạt động chính trong năm 2020 gồm:

- Thực hiện báo cáo tổng hợp về tình hình thực hiện Đề án Tái cơ cấu.
- Thực hiện các báo cáo chuyên đề về tình hình hoạt động của Ngân hàng trong giai đoạn Tái cơ cấu bao gồm các báo cáo về thực trạng hoạt động tín dụng của Ngân hàng và các nội dung khác có liên quan đến Đề án Tái cơ cấu.
- Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc đồng thời đưa ra đề xuất và kiến nghị liên quan.

ỦY BAN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ

Cơ cấu thành viên	Chức danh
Ông Đỗ Phú Huy	Chủ tịch Ủy ban Kinh doanh và đầu tư
Ông Lê Tiến Dũng	Phó Chủ tịch Ủy ban Kinh doanh và đầu tư
Bà Tạ Minh Châu	Thành viên Ủy ban Kinh doanh và đầu tư
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên Ủy ban Kinh doanh và đầu tư
Ông Đỗ Quang Trường	Thành viên Ủy ban Kinh doanh và đầu tư
Ông Trần Quang Ngọc	Thư ký Ủy ban Kinh doanh và đầu tư

Ủy ban Kinh doanh và Đầu tư duy trì chế độ họp định kỳ 02 tuần/lần. Các hoạt động chính trong năm 2020 gồm:

- Tham mưu cho HĐQT các vấn đề về xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh và đầu tư trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, phù hợp với định hướng phát triển chung của SCB trong từng thời kỳ.
- Tham mưu cho HĐQT các vấn đề liên quan đến quy chế, các biện pháp nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng nguồn vốn một cách hiệu quả, đề ra các giải pháp khai thác tốt các cơ hội kinh doanh và đầu tư, các chính sách về lãi suất, dịch vụ, chính sách Khách hàng, phát triển sản phẩm, nghiệp vụ mới liên quan đến hoạt động kinh doanh và đầu tư.
- Tham mưu cho HĐQT/Hội đồng Kinh doanh & Đầu tư Trung ương các dự án/phương án kinh doanh và đầu tư khả thi; Tham mưu các hồ sơ kinh doanh và đầu tư vượt thẩm quyền phán quyết của Tổng Giám đốc.
- Giám sát việc tổ chức thực hiện các quyết định, Nghị quyết của HĐQT/Hội đồng Kinh doanh & Đầu tư Trung ương liên quan đến các hoạt động kinh doanh và đầu tư.

ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO

Cơ cấu thành viên	Chức danh
Ông Nguyễn Tiến Thành	Chủ tịch Ủy ban Quản lý rủi ro
Bà Nguyễn Kim Ngân	Phó Chủ tịch Ủy ban Quản lý rủi ro
Bà Nguyễn Phương Hồng	Thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro
Bà Đặng Thị Bích Hằng	Thành viên kiêm Thư ký Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban Quản lý rủi ro duy trì chế độ họp định kỳ 2 tuần/lần hoặc đột xuất. Các hoạt động chính trong năm 2020 gồm:

- Đề xuất các biện pháp nhằm đảm bảo công tác quản lý rủi ro tại SCB được tổ chức, triển khai và duy trì phù hợp với quy định pháp luật, chiến lược quản lý rủi ro, khung quản lý rủi ro, chính sách quản lý rủi ro và tình hình kinh doanh của SCB trong từng thời kỳ.
- Xem xét, đánh giá tính phù hợp của quy trình, chính sách quản lý rủi ro hiện hành của SCB để đưa ra các giải pháp, kiến nghị, đề xuất với HĐQT về những yêu cầu thay đổi của quy trình, chính sách hiện hành, đảm bảo theo sát chiến lược hoạt động của Ngân hàng.
- Phối hợp xây dựng/hoàn thiện các quy chế, chính sách cũng như nghiên cứu, triển khai xây dựng hệ thống quản lý rủi ro và quản lý Tài sản - Nợ phải trả.
- Giám sát và phối hợp triển khai định hướng Chính sách quản lý rủi ro giai đoạn 2020-2025 theo Quyết định số 357/SCB-HĐQT.19 ngày 30/07/2019.



BÁO CÁO CỦA ỦY BAN TRỰC THUỘC HĐQT

ỦY BAN XỬ LÝ RỦI RO VÀ KHAI THÁC THU HỒI NỢ

Cơ cấu thành viên	Chức danh
Ông Nguyễn Minh Trúc	Chủ tịch Ủy ban Xử lý rủi ro và Khai thác thu hồi nợ
Ông Trần Chơn Lý	Phó Chủ tịch Ủy ban Xử lý rủi ro và Khai thác thu hồi nợ
Ông Nguyễn Minh Danh	Thành viên Ủy ban Xử lý rủi ro và Khai thác thu hồi nợ
Ông Đặng Công Quang	Thành viên Ủy ban Xử lý rủi ro và Khai thác thu hồi nợ
Ông Nguyễn Ngọc Tông	Thành viên kiêm Thư ký Ủy ban Xử lý rủi ro và Khai thác thu hồi nợ

Ủy ban Xử lý rủi ro và Khai thác thu hồi nợ duy trì chế độ họp định kỳ hàng tuần. Các hoạt động chính trong năm 2020 gồm:

- Tham mưu đóng góp ý kiến cho HĐQT trong việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ Khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 theo Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/03/2020 của Ngân hàng Nhà nước.
- Tham mưu HĐQT xem xét thông qua các phương thức xử lý nợ khác nhau (giải chấp/bán tài sản, chuộc lại tài sản, bán khoản nợ...) của các khoản nợ xấu và khoản nợ có khả năng trở thành nợ xấu, nhằm đẩy mạnh công tác thu hồi nợ.
- Tham mưu trình HĐQT thông qua các phương án miễn giảm lãi vay, phí và dịch vụ của Khách hàng vượt hạn mức phán quyết.
- Theo dõi tiến độ thanh toán tiền của các Khách hàng nhận chuộc lại tài sản/mua trả chậm các tài sản mà SCB nhận cầm trả nợ.
- Tham gia đóng góp ý kiến đối với việc xây dựng và ban hành các tài liệu chất lượng gồm Kế hoạch kinh doanh tổng thể của Ngân hàng, Quy chế phân công và ủy quyền trong hoạt động Ngân hàng và các quy chế khác thuộc các lĩnh vực tín dụng, đầu tư, tài sản đảm bảo.
- Phối hợp tham gia xử lý các khoản nợ quá hạn tại SCB cũng như các khoản cho vay có khả năng phát sinh thành nợ quá hạn, trực tiếp tìm hiểu thực tế các tài sản hiện là tài sản đảm bảo của các khoản nợ quá hạn tại SCB.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Cơ cấu thành viên	Chức danh
Ông Lưu Quốc Thắng	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Vũ Mạnh Tường	Thành viên Chuyên trách Ban Kiểm soát
Ông Trần Chấn Nam	Thành viên Chuyên trách Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát tổ chức họp định kỳ hàng quý hoặc đột xuất theo quy định tại Điều lệ của SCB, tham dự các phiên họp với HĐQT, Ban Điều hành và thường xuyên tổ chức trao đổi với HĐQT, Ban Điều hành đối với các vấn đề liên quan đến việc quản lý, điều hành của SCB. Các hoạt động trong năm 2020 gồm:

- Giám sát tuân thủ các quy định Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, đồng thời giám sát tình hình thực hiện đề án Tái cơ cấu đã được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt. Công tác giám sát của Ban Kiểm soát luôn bám sát các định hướng chỉ đạo điều hành của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước đối với hoạt động của các Tổ chức tín dụng.
- Thẩm định báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu báo cáo tài chính, trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của SCB.
- Thông qua hoạt động kiểm soát, đề xuất các ý kiến, kiến nghị với HĐQT, Ban Điều hành về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ của SCB nhằm, nâng cao hiệu quả hoạt động và hoàn thành các mục tiêu, định hướng kinh doanh năm 2020.
- Định hướng Kiểm toán nội bộ triển khai kế hoạch kiểm toán hàng năm. Kế hoạch kiểm toán được xây dựng trên nguyên tắc đánh giá rủi ro ở nhiều khía cạnh, nhằm đảm bảo bao quát được các rủi ro chính trong các hoạt động của SCB. Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã chỉ đạo Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm tra toàn diện hoạt động tại 34 Đơn vị kinh doanh theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt, đồng thời chỉ đạo thực hiện kiểm tra ngoài kế hoạch một số hồ sơ cho vay lớn, hồ sơ mua bán nợ, hoạt động Khối kinh doanh nhằm phát hiện, ngăn ngừa và kiến nghị xử lý kịp thời các sai sót, tồn tại trong hoạt động.
- Bên cạnh việc kiểm tra trực tiếp, Ban Kiểm soát chú trọng thực hiện và duy trì hoạt động giám sát từ xa đối với các Đơn vị trong hệ thống, qua đó báo cáo và cảnh báo rủi ro có thể xảy ra để HĐQT tăng cường quản trị rủi ro và Ban Điều hành hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Ban Kiểm soát thường xuyên tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ cho Kiểm toán nội bộ, tăng cường trao đổi kinh nghiệm và cập nhật liên tục các phương pháp kiểm toán mới.

THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Trên cơ sở mức thù lao được Đại hội đồng Cổ đông duyệt thuận, Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định và điều chỉnh mức thù lao, các lợi ích khác đối với thành viên phù hợp, nhằm đảm bảo công tác quản trị điều hành đạt hiệu quả cao nhất. Thù lao năm 2020 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 108/NQ-ĐHĐCĐ.20.00 ngày 29/05/2020. Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm tài chính 2020 là 11 tỷ đồng.



LỜI NHẮN

Mỗi hành trình đi qua, thành công để lại chính là cách mà tổ chức bước qua thử thách, trải nghiệm những đổi đời của thời đại và của chính nội tại. Kể từ khi chính thức giảng buồm ra khơi, mỗi ngày qua là những cống hiến và sáng tạo không ngừng, con thuyền SCB đã vượt qua không ít biến động và tự hào mang về nhiều quả ngọt. Một thập kỷ với những phương án, giải pháp và chiến lược, tất cả vì một mục tiêu duy nhất: Cùng Khách hàng kiến tạo những giá trị bền vững, khẳng định vị thế của một Ngân hàng đẳng cấp quốc tế. 10 năm nhìn lại: những ngày đầu tiên triển khai Ngân hàng lỗi cho toàn bộ hệ thống SCB, ngày đầu tiên được công nhận nằm trong Top 10 Nhà tạo lập thị trường, thời điểm ký kết hợp đồng với đối tác Bảo hiểm Manulife và đạt được những bước tăng trưởng đột phá... SCB thật tự hào khi nói rằng, cùng với sự đồng hành, ủng hộ và hợp tác của Quý Cổ đông, Đối tác, Khách hàng và tinh thần đoàn kết, đồng lòng của tập thể CBNV, SCB đã có một hành trình tuyệt vời như thế.

Năm 2020, trái với kỳ vọng về một mở đầu thập niên rực rỡ, lại là một năm khó khăn với nền kinh tế thế giới. Nhưng "lửa thử vàng", kinh tế Việt Nam đã trải qua một năm với nỗ lực không ngừng nghỉ, khẳng định vị thế quốc gia trên bản đồ khu vực và trường quốc tế với mức tăng trưởng ổn định và vượt trội. Ngành Ngân hàng nói chung và SCB nói riêng, với vai trò là một tổ chức tài chính ngoài quốc doanh nòng cốt, đã có một năm nhìn lại, củng cố nội tại, chuẩn bị những bước cần thiết cho công cuộc đổi mới toàn diện và phát triển bền vững.

Kiên định và bản lĩnh, SCB năm 2021 tiếp tục cam kết lấy Khách hàng là trọng tâm, đồng thời đẩy mạnh giá trị Ngân hàng bằng những chuyển dịch về định hướng kinh doanh, xây dựng nền tảng tài chính vững vàng, hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ đa dạng, chọn lọc và tận dụng công nghệ nhằm thích ứng và đón đầu xu hướng kinh tế hiện đại của kỷ nguyên mới.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

84

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

88

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

89

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

91

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

94

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

96

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

98

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng số	283/GP-NHNN 29/GP-NHNN	ngày 26 tháng 12 năm 2011 ngày 4 tháng 3 năm 2020
Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng được cấp bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và có hiệu lực trong vòng 99 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.		
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	0311449990	26 tháng 12 năm 2001
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0311449990 ngày 11 tháng 12 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên và các Giấy Chứng nhận Kinh doanh điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.		
Hội đồng Quản trị	Ông Bùi Anh Dũng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2020) Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2020)
	Ông Nguyễn Văn Thanh Hải	Thành viên (bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2021) Phó Chủ tịch thường trực (bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020 và miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2021) Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020)
	Ông Đinh Văn Thành	Thành viên (bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2020) Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2020)
	Ông Henry Sun Ka Ziang	Phó Chủ tịch
	Ông Võ Tấn Hoàng Văn	Thành viên
	Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên độc lập
	Bà Nguyễn Phương Hồng	Thành viên
	Bà Mai Thị Thanh Thủy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2020)
Ban Kiểm soát	Ông Lưu Quốc Thắng	Trưởng Ban
	Ông Trần Chấn Nam	Thành viên
	Ông Vũ Mạnh Tường	Thành viên
	Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2020)

Ban Điều hành

Ông Chen Yi Chung	Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2020) Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2020 và miễn nhiệm ngày 9 tháng 10 năm 2020)
Ông Trương Khánh Hoàng	Phó Tổng giám đốc thường trực (bổ nhiệm ngày 6 tháng 1 năm 2021) Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 9 tháng 11 năm 2020 và miễn nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2021) Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Tái thẩm định (miễn nhiệm ngày 8 tháng 11 năm 2020)
Ông Lại Quốc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thống Nhất	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Đức Hưng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Quản trị Nguồn nhân lực (bổ nhiệm ngày 9 tháng 11 năm 2020) Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực (bổ nhiệm ngày 6 tháng 8 năm 2020 và miễn nhiệm ngày 8 tháng 11 năm 2020)
Ông Nguyễn Ngọc Nhã Nam	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Vận hành và Công nghệ (bổ nhiệm ngày 9 tháng 11 năm 2020) Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ (bổ nhiệm ngày 2 tháng 7 năm 2020 và miễn nhiệm ngày 8 tháng 11 năm 2020)
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Kế toán kiêm Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2021)
Ông Nguyễn Cửu Tính	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Dịch vụ Ngân hàng và Tài chính Cá nhân (bổ nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2021) Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng và Tài chính Cá nhân (bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2020 và miễn nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2021)
Bà Trịnh Thị Thanh	Giám đốc Khối Quản trị Tài chính và Nguồn vốn (bổ nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2021) Quyền Giám đốc Khối Quản trị Tài chính và Nguồn vốn (bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2020 và miễn nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2021)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Ban Điều hành (tiếp theo)	Ông Đinh Trọng Khôi	Quyền Giám đốc Khối Quản trị Nội chính (bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2020 và miễn nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2021)
	Ông Trần Châu Tuấn	Giám Đốc Khối Quản trị Nội chính (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2021) Quyền Giám đốc Khối Quản trị Nội chính (bổ nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2021 và miễn nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2021)
	Ông Lê Văn Chánh	Giám Đốc Khối Hỗ trợ Kinh doanh (bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2020)
	Bà Trần Thị Mỹ Dung	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Phê duyệt Tín dụng và Xử lý nợ (bổ nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2021) Quyền Giám đốc Khối Phê duyệt Tín dụng và Xử lý nợ (bổ nhiệm ngày 9 tháng 11 năm 2020 và miễn nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2021)
	Bà Đặng Thị Bảo Châu	Quyền Giám đốc Khối Doanh nghiệp (bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2020)
	Ông Diệp Bảo Châu	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Quản lý Rủi ro kiêm Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban Tái cơ cấu (bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2021) Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Quản lý Rủi ro (miễn nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2020)
	Bà Trần Thị Minh Thảo	Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng và Tài chính Cá nhân (miễn nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2020)
	Ông Huỳnh Trung Minh	Giám đốc Khối Hỗ trợ Kinh doanh (miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2020)
	Bà Nguyễn Thụy Ngọc Châu	Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực (bổ nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2020 và miễn nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2020)
	Ông Nguyễn Đức Hiếu	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Kinh doanh tiền tệ (miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2021)

Ban Điều hành

(tiếp theo)

Ông Hoàng Minh Hoàn	Phó Tổng Giám đốc thường trực (bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2020 và miễn nhiệm ngày 3 tháng 1 năm 2021) Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2020 và miễn nhiệm ngày 9 tháng 10 năm 2020) Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Quản trị Tài chính và Nguồn vốn (miễn nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2020)
Ông Võ Tấn Hoàng Văn	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2020)
Ông Bùi Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Doanh nghiệp (miễn nhiệm ngày 8 tháng 11 năm 2020)
Ông Lê Quang Huy	Giám đốc Khối Thẻ và Ngân hàng số (miễn nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2020)
Bà Đoàn Quế Thanh	Giám đốc Khối Quản trị Nội chính (bổ nhiệm ngày 6 tháng 3 năm 2020 và miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2020) Giám đốc Khối Quản trị (miễn nhiệm ngày 5 tháng 3 năm 2020)
Ông Lê Thiết Hùng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Xử lý nợ và Khai thác tài sản (miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2020)
Ông Ngô Nam Phong	Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ (miễn nhiệm ngày 7 tháng 5 năm 2020)
Trụ sở đăng ký	Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1 đến tầng 8 Số 19-21-23-25 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wash Tower,
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng và công ty con (được gọi chung là "SCB") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Ngân hàng:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 84 đến trang 189 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của SCB tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của SCB cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Ngân hàng cho rằng SCB sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Điều hành

Chen Yi Chung

Quyền Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh,
Ngày 4 tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn ("Ngân hàng") và công ty con (được gọi chung là "SCB"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 4 tháng 5 năm 2021, được trình bày từ trang 84 đến trang 189.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Ngân hàng, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Việt Nam và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 3, 4(h), 4(i), 4(y) và 10 của báo cáo tài chính hợp nhất trong đó mô tả chính sách kế toán về phân loại nợ, ghi nhận dự phòng và xử lý các khoản lãi dự thu được áp dụng riêng cho các khoản vay thuộc Đề án cơ cấu lại Ngân hàng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2019 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 ("Đề án cơ cấu lại") và các khoản nợ phát sinh đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 nằm trong Đề án cơ cấu lại với phương án cơ cấu lại chủ động đã được NHNNVN phê duyệt theo Quyết định số 19/QĐ-NHNN và Công văn số 185/NHNN-TTGSNH. Ý kiến của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của SCB cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 9 tháng 4 năm 2020.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00227-20-4



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 5 năm 2021

Trần Đình Vinh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề Kiểm toán số 0339-2018-007-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B02/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Đơn vị: Triệu VND

	Thuyết minh	31/12/2020	31/12/2019
A TÀI SẢN			
I Tiền mặt và vàng	5	4.116.403	3.399.135
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6	15.686.729	11.719.490
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	7	12.098.736	29.495.605
1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		12.098.736	29.495.605
IV Chứng khoán kinh doanh	8	66.053	46.473
1 Chứng khoán kinh doanh		69.971	57.226
2 Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(3.918)	(10.753)
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	9	200.430	75.390
VI Cho vay Khách hàng		348.053.170	330.940.748
1 Cho vay Khách hàng	10	351.386.402	333.878.849
3 Dự phòng rủi ro cho vay Khách hàng	11	(3.333.232)	(2.938.101)
VII Hoạt động mua nợ	12	11.755	11.755
1 Mua nợ		12.374	12.374
2 Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(619)	(619)
VIII Chứng khoán đầu tư	13	73.525.726	55.434.773
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		42.616.093	28.941.938
2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		38.396.890	33.413.398
3 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(7.487.257)	(6.920.563)
IX Góp vốn, đầu tư dài hạn	14	25.565	26.303
4 Đầu tư dài hạn khác		26.688	26.688
5 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(1.123)	(385)
X Tài sản cố định		3.800.869	3.850.805
1 Tài sản cố định hữu hình	15	1.820.299	1.840.137
a Nguyên giá		3.041.561	2.959.657
b Giá trị hao mòn lũy kế		(1.221.262)	(1.119.520)
3 Tài sản cố định vô hình	16	1.980.570	2.010.668
a Nguyên giá		2.359.251	2.351.114
b Giá trị hao mòn lũy kế		(378.681)	(340.446)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B02/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Đơn vị: Triệu VND

	Thuyết minh	31/12/2020	31/12/2019
XII Tài sản Có khác	17	176.211.533	132.912.717
1 Các khoản phải thu		81.434.019	80.967.805
2 Các khoản lãi, phí phải thu		72.317.631	52.913.759
3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		17.160	6.621
4 Tài sản Có khác		24.530.365	664.294
5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(2.087.642)	(1.639.762)
TỔNG TÀI SẢN		633.796.969	567.913.194
B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
NỢ PHẢI TRẢ			
I Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	18	18.665	24.110
II Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	19	17.174.769	45.812.297
1 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		12.336.904	30.903.378
2 Vay các tổ chức tín dụng khác		4.837.865	14.908.919
III Tiền gửi của khách hàng	20	467.722.306	438.287.293
VI Phát hành giấy tờ có giá	21	110.101.789	49.804.252
VII Các khoản nợ khác	22	22.165.175	17.337.357
1 Các khoản lãi, phí phải trả		15.704.283	12.531.319
3 Các khoản phải trả và công nợ khác		6.460.892	4.806.038
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		617.182.704	551.265.309
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
VIII Vốn chủ sở hữu	24	16.614.265	16.647.885
1 Vốn		15.249.373	15.249.373
a Vốn điều lệ		15.231.688	15.231.688
b Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định		45	45
c Thặng dư vốn cổ phần		95.912	95.912
d Cổ phiếu quỹ		(87.709)	(87.709)
e Vốn khác		9.437	9.437
2 Các quỹ		529.825	521.109

Đơn vị: Triệu VND

	Thuyết minh	31/12/2020	31/12/2019
5 Lợi nhuận chưa phân phối		665.445	713.435
6 Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát		169.622	163.968
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		16.614.265	16.647.885
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		633.796.969	567.913.194
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
1 Bảo lãnh vay vốn	39	15.936	15.936
2 Cam kết giao dịch hối đoái	39	85.753.758	54.890.178
Trong đó			
• Cam kết mua ngoại tệ		6.276.380	3.814.851
• Cam kết bán ngoại tệ		2.347.170	1.728.636
• Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ		77.130.208	49.346.691
4 Cam kết trong nghiệp vụ L/C	39	512.527	244.570
5 Bảo lãnh khác	39	6.202.329	6.119.175
6 Các cam kết khác	39	13.591	1.547

Ngày 4 tháng 5 năm 2021

Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Giám đốc Chính sách và
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát

Nguyễn Văn Hùng

Phó Tổng Giám đốc kiêm
Kế toán trưởng



Người phê duyệt

Chen Yi Chung

Quyền Tổng Giám đốc



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B03/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Đơn vị: Triệu VND

	Thuyết minh	2020	2019
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	42.599.074	39.581.740
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(39.089.272)	(35.552.518)
I	Thu nhập lãi thuần	3.509.802	4.029.222
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.222.945	2.425.235
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	(1.228.990)	(1.005.381)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.993.955	1.419.854
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	198.756	68.946
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	9.281	1.687
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	489.999	440.281
5	Thu nhập từ hoạt động khác	99.864	1.485.561
6	Chi phí hoạt động khác	(317.314)	(320.343)
VI	(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động khác	(217.450)	1.165.218
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	5.673	5.925
VIII	Chi phí hoạt động	(4.560.903)	(4.537.786)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.429.113	2.593.347
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(1.337.879)	(2.372.978)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Đơn vị: Triệu VND

	Thuyết minh	2020	2019
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế	91.234	220.369
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(34.644)	(50.266)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	10.539	67
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(24.105)	(50.199)
XIII	Lợi nhuận sau thuế	67.129	170.170
XIV	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	12.117	7.560
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	36	45

Ngày 4 tháng 5 năm 2021

Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Giám đốc Chính sách và
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát

Nguyễn Văn Hùng

Phó Tổng Giám đốc kiêm
Kế toán trưởng



Người phê duyệt

Chen Yi Chung

Quyển Tổng Giám đốc



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (theo phương pháp trực tiếp)

Mẫu B04/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Đơn vị: Triệu VND

		2020	2019
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	15.020.586	33.616.321
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(35.886.265)	(33.281.184)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	1.993.955	1.401.284
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán	632.118	460.539
05	(Chi phí)/thu nhập khác	(24.838)	1.044.558
06	Tiền thu từ các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	9.312	83.389
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(4.197.256)	(3.881.858)
08	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(35.331)	(57.412)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động		(22.487.719)	(614.363)
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09	Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(158.236)	252.156
10	(Tăng)/giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	(8.665.634)	12.024.649
11	Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(125.040)	(10.201)
12	Tăng các khoản cho vay Khách hàng	(47.160.093)	(53.403.047)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)	(24.719)	(7.152)
14	Giảm/(tăng) khác về tài sản hoạt động	3.333.884	(5.556.839)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15	Giảm các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	(5.445)	(5.110.213)
16	Giảm tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	(28.637.528)	(9.877.279)
17	Tăng tiền gửi của Khách hàng	29.435.013	53.373.283
18	Tăng phát hành giấy tờ có giá	58.544.537	15.639.034
21	Tăng khác về nợ hoạt động	1.414.938	1.879.052
22	Chi từ các quỹ của Ngân hàng	-	(3.885)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Đơn vị: Triệu VND

		2020	2019
I	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	(14.536.042)	8.585.195
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định	(181.157)	(199.128)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	37.521	2.610
03	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(23)	(22)
04	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	5.673	5.925
II	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(137.986)	(190.615)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
02	Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	2.095.000	2.078.000
03	Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	(342.000)	(1.337.000)
04	Cổ tức trả cho Cổ đông	(5.259)	(5.982)
III	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	1.747.741	735.018
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	(12.926.287)	9.129.598
V	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	44.212.161	35.057.233
VI	ĐIỀU CHỈNH ẢNH HƯỞNG CỦA THAY ĐỔI TỶ GIÁ	55.689	25.330
VII	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM (THUYẾT MINH 35)	31.341.563	44.212.161

Ngày 4 tháng 5 năm 2021

Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Giám đốc Chính sách và Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát

Nguyễn Văn Hùng

Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng



Người phê duyệt

Chen Yi Chung

Quyền Tổng Giám đốc



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Thành lập và hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn (“Ngân hàng”) là Ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký hoạt động tại Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 283/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp ngày 26 tháng 12 năm 2011 và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0311449990 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 12 năm 2011. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Ngân hàng có giá trị 99 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác; phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài; cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; bảo lãnh Ngân hàng; phát hành thẻ tín dụng; bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế; mở tài khoản thanh toán cho Khách hàng; cung ứng các phương tiện thanh toán; thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ Ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ; thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế; vay vốn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; mở tài khoản tiền gửi tại NHNN và duy trì trên tài khoản tiền gửi này số dư bình quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc; mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng khác; mở tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối; tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên Ngân hàng quốc gia; tham gia hệ thống thanh toán quốc tế; góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật; tham gia thị trường tiền tệ như đấu thầu tín phiếu Kho bạc, mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ; kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định; ủy thác, nhận ủy thác trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động Ngân hàng theo quy định của NHNN; tư vấn Ngân hàng, tài chính; mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; kinh doanh vàng; dịch vụ quản lý tiền mặt, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; đại lý bảo hiểm; dịch vụ môi giới tiền tệ; hoạt động mua nợ và đầu tư hợp đồng tương lai Trái phiếu Chính phủ.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng và công ty con (được gọi chung là “SCB”).

(b) Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ của Ngân hàng là 15.231.688 triệu đồng. Ngân hàng đã phát hành 1.523.168.810 cổ phiếu phổ thông, với mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 đồng.

(c) Địa điểm và mạng lưới hoạt động

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1 đến tầng 8, số 19-21-23-25 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại các ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 2020, Ngân hàng có một (1) hội sở chính, năm mươi (50) chi nhánh, một trăm tám mươi chín (189) phòng giao dịch trên toàn quốc.

(d) Cấu trúc SCB

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng có hai công ty con như sau:

Tên công ty	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	
			31/12/2020	31/12/2019
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn	Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0312083851 ngày 11 tháng 12 năm 2012	Quản lý nợ, mua bán nợ, xác định giá trị tài sản, khai thác và quản lý tài sản	100%	100%
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long	Giấy phép đăng ký kinh doanh số 059614 ngày 02 tháng 8 năm 1995	Kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất, đầu tư tài chính	81,8%	81,8%

(e) Tổng số nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, SCB có 7.748 nhân viên (31/12/2019: 7.763 nhân viên).



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực và quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và các chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của SCB theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của SCB là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của SCB là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, được làm tròn tới hàng triệu gần nhất ("Triệu VND").

(e) Hình thức sổ kế toán áp dụng

SCB sử dụng hình thức phần mềm kế toán để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

3. CÁC NỘI DUNG PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM ĐỐI VỚI ĐỀ ÁN CƠ CẤU LẠI

Ngày 11 tháng 3 năm 2020, NHNNVN đã phê duyệt Đề án cơ cấu lại Ngân hàng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2019 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 ("Đề án cơ cấu lại") với phương án cơ cấu lại chủ động đã được NHNNVN phê duyệt theo Quyết định số 19/QĐ-NHNN và Công văn số 185/NHNN-TTGSNH. Nội dung phê duyệt các giải pháp, kiến nghị của Ngân hàng và các cơ chế hỗ trợ của NHNNVN tại các văn bản nêu trên là cơ sở ghi nhận, đánh giá và trình bày các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính này, bao gồm:

- » Cho phép Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản vay thuộc Đề án cơ cấu lại và không hạch toán dự thu đối với lãi của các khoản vay trên từ ngày 12 tháng 3 năm 2020; cho phép thực hiện các biện pháp xử lý đối với các khoản dự thu đã được ghi nhận trước ngày 12 tháng 3 năm 2020 như: cơ cấu lại lịch trả nợ lãi, thu hồi hoặc phân bổ vào chi phí theo lộ trình cụ thể được quy định trong Đề án cơ cấu lại.

- » Cho phép Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo năng lực tài chính (chỉ áp dụng đối với dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể) đối với các khoản nợ phát sinh đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, đảm bảo đến hết năm 2025 trích lập đầy đủ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định. Đối với các khoản nợ phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo đúng quy định.

Ngoài ra, Đề án cơ cấu lại bao gồm các giải pháp tăng vốn, nâng cao năng lực tài chính, năng lực quản trị, kiểm soát, điều hành và tính minh bạch trong hoạt động và minh bạch hóa sở hữu. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành Ngân hàng đã và đang triển khai các công việc cần thiết để thực hiện theo các nội dung đã được phê duyệt tại Đề án cơ cấu lại nói trên.

Ảnh hưởng của việc áp dụng Đề án cơ cấu lại đến báo cáo tài chính hợp nhất của SCB được trình bày tại Thuyết minh 4(h), 4(i), 4(y) và 10.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được SCB áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của SCB. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Khi có sự khác biệt giữa chính sách kế toán của công ty con và Ngân hàng thì các điều chỉnh cần thiết được thực hiện nhằm đảm bảo tính nhất quán của các chính sách kế toán được áp dụng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Ngân hàng có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên doanh là những công ty mà Ngân hàng có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Ngân hàng trong tài sản thuần của đơn vị nhận đầu tư.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà SCB được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của SCB, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà SCB phải chia sẻ vượt quá lợi ích của SCB trong đơn vị nhận đầu tư, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà SCB có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

(a) Cơ sở hợp nhất

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ SCB và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của SCB tại đơn vị nhận đầu tư. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được điều chỉnh khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

(iv) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho SCB. Sự kiểm soát tồn tại khi SCB có quyền chỉ phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của SCB trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của Cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của Cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của Cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của Cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của Cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay của đồng ngoại tệ đó ("tỷ giá giao ngay") (đối với vàng quy đổi theo tỷ giá bình quân mua bán vàng) tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán tháng, quý, năm của SCB nếu tỷ giá này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm. Trường hợp tỷ giá giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm thì SCB sử dụng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm để quy đổi. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao ngay tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các giao dịch liên quan đến thu nhập/chi phí bằng ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc vốn chủ sở hữu và được kết chuyển sang khoản mục "Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Xem chi tiết tỷ giá hối đoái của các ngoại tệ chính được áp dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm trong Thuyết minh 42(c)(ii).

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng, tiền gửi tại NHNNVN, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, cho vay các tổ chức tín dụng khác với kỳ hạn gốc không quá ba tháng, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện chiết khấu với NHNNVN, các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.

Vàng được đánh giá lại tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(d) Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác trừ tiền gửi thanh toán bao gồm tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

Cho vay các tổ chức tín dụng khác bao gồm các khoản cho vay có kỳ hạn gốc không quá 12 tháng.

Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 1 năm 2013 ("Thông tư 02") do NHNNVN ban hành và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 3 năm 2014 ("Thông tư 09") do NHNNVN ban hành về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02. Theo đó, SCB trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 4(i).

Theo Thông tư 02, SCB không phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(e) Chứng khoán kinh doanh

(i) Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn hoặc có bằng chứng về việc kinh doanh các chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

Ngân hàng ghi nhận chứng khoán kinh doanh vào ngày Ngân hàng trở thành một bên đối tác của hợp đồng cung cấp các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

(ii) Đo lường

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập đối với chứng khoán nợ kinh doanh là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết. Dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập theo quy định của Thông tư 02 và 09 như trình bày tại Thuyết minh 4(i).

Dự phòng giảm giá chứng khoán được trích lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá đang ghi nhận trên sổ sách kế toán theo quy định tại Thông tư số 48/2019-TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019.

Đối với các loại chứng khoán kinh doanh đã niêm yết tại Việt Nam, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM"), giá thị trường là giá đóng cửa của thị trường UPCOM tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường OTC, giá thị trường là giá bình quân của các giá giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND.

(iii) Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc SCB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(f) Các công cụ tài chính phái sinh

Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ và các hợp đồng hoán đổi tiền tệ.

SCB ký kết các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ nhằm tạo điều kiện cho Khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của SCB.

Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất theo tỷ giá giao ngay tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm và được trình bày theo giá trị thuần trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch do đánh giá lại cuối năm được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên bảng cân đối kế toán mỗi tháng và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vào thời điểm cuối kỳ kế toán năm hoặc khi đáo hạn hợp đồng. Chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết mua và bán cùng một lượng ngoại tệ (chỉ có hai đồng tiền được sử dụng trong giao dịch) với cùng một đối tác, trong đó một giao dịch có thời hạn thanh toán giao ngay và một giao dịch có thời hạn thanh toán xác định trong tương lai và tỷ giá của hai giao dịch được xác định đồng thời tại thời điểm xác nhận giao dịch giao ngay. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

(g) Các hợp đồng bán/cam kết mua lại chứng khoán và mua/cam kết bán lại chứng khoán

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết sẽ mua lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản phải thu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết sẽ bán lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng. Các khoản phải thu từ các hợp đồng mua và cam kết bán lại được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng phải thu khó đòi được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thị trường hay giá trị hợp lý của các chứng khoán được mua và giá trị ghi sổ tương ứng của khoản phải thu.

(h) Cho vay Khách hàng

Cho vay Khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng. Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể và dự phòng rủi ro tín dụng chung.

Cho vay ngắn hạn là các khoản cho vay có kỳ hạn dưới một năm kể từ ngày giải ngân; cho vay trung hạn có kỳ hạn từ một năm đến năm năm kể từ ngày giải ngân và cho vay dài hạn có kỳ hạn trên năm năm kể từ ngày giải ngân.

Các khoản cho vay được dừng ghi nhận khi quyền lợi theo hợp đồng của SCB đối với các dòng tiền phát sinh từ các khoản vay này chấm dứt, hay khi SCB chuyển giao các khoản cho vay này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với khoản cho vay được chuyển giao cho bên khác.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(h) Cho vay Khách hàng (tiếp theo)

Riêng đối với các khoản cho vay được bán cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC"), Ngân hàng thực hiện bán nợ cho VAMC theo giá trị ghi sổ tuân thủ theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ban hành ngày 9 tháng 7 năm 2013 về "Thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của TCTD Việt Nam", Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ban hành ngày 6 tháng 9 năm 2013 về "Quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam" ("Thông tư 19"), Thông tư số 14/2015/TT-NHNN và Thông tư 08/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư 19, Công văn số 8499/NHNN-TCKT ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2013 và Công văn số 925/NHNN-TCKT ban hành ngày 19 tháng 2 năm 2014 về "Hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ xấu của VAMC và TCTD". Theo đó, giá bán là số dư nợ gốc của Khách hàng vay trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó và nhận dưới dạng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành.

Sau khi hoàn thành thủ tục bán nợ xấu cho VAMC, Ngân hàng tiến hành hạch toán tất toán gốc và dự phòng cho vay Khách hàng và ghi nhận mệnh giá trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng cụ thể đã trích của khoản nợ bán. Khi nhận lại khoản nợ đã bán cho VAMC, Ngân hàng sử dụng nguồn dự phòng rủi ro cụ thể đã trích hàng năm cho trái phiếu đặc biệt để xử lý nợ xấu, phần chênh lệch giữa dự phòng rủi ro đã trích và giá trị khoản vay/trái phiếu còn lại chưa thu hồi sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Thu nhập khác".

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cho các khoản cho vay Khách hàng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 trừ các khoản vay thuộc Đề án cơ cấu lại và các khoản nợ phát sinh đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 nằm trong Đề án cơ cấu lại như được trình bày tại Thuyết minh 4(i).

(i) Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

(i) Phân loại nợ

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác (trừ tiền gửi thanh toán), mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay Khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là "các khoản nợ"), các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền được thực hiện theo phương pháp dựa trên yếu tố định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02. SCB thực hiện phân loại nợ hàng quý dựa trên số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của quý trước.

Nhóm nợ	Tình trạng quá hạn
1 Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.
2 Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu. (a) Nợ quá hạn từ 91 đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do Khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: » Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc » Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc » Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng.
3 Nợ dưới tiêu chuẩn	(e) Nợ đang thu hồi theo kết luận thanh tra. (a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng đã quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.
4 Nợ nghi ngờ	



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(i) Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

(i) Phân loại nợ (tiếp theo)

Nhóm nợ	Tình trạng quá hạn
5 Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc
	(b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc
	(c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc
	(d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc
	(e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc
	(f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng đã quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc
	(g) Nợ của Khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNNVN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.

Nợ xấu là các khoản nợ thuộc các Nhóm 3, 4, 5.

Đối với các khoản trả thay cam kết ngoại bảng, SCB phân loại nợ dựa trên số ngày quá hạn tính từ ngày SCB thực hiện nghĩa vụ theo cam kết:

- » Nhóm 3 – Nợ dưới tiêu chuẩn: nếu quá hạn dưới 30 ngày;
- » Nhóm 4 – Nợ nghi ngờ: nếu quá hạn từ 30 ngày đến dưới 90 ngày;
- » Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn: nếu quá hạn từ 90 ngày trở lên;

Trường hợp một Khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với SCB mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì SCB buộc phải phân loại các khoản nợ còn lại của Khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi SCB tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là Ngân hàng đầu mối, SCB so sánh đánh giá của Ngân hàng đầu mối và đánh giá của các Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn với đánh giá của SCB để thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của Khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn.

SCB cũng thu thập kết quả phân loại nợ đối với Khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng thuộc NHNNVN ("CIC") cung cấp tại thời điểm phân loại nợ để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ. Trường hợp nợ và cam kết ngoại bảng của Khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, SCB điều chỉnh kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Từ ngày 13 tháng 3 năm 2020, SCB đã áp dụng Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ("Thông tư 01") do NHNN ban hành quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ Khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19, theo đó các khoản nợ được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại theo quy định của NHNN tại thời điểm gần nhất trước ngày 23 tháng 1 năm 2020. Thông tư 01 cho phép cơ cấu lại các khoản nợ phát sinh nghĩa vụ trả nợ trong khoảng thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến sau 3 tháng kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch Covid-19.

Áp dụng chính sách kế toán riêng về ghi nhận dự phòng cho các khoản nợ, các khoản lãi dự thu và các tài sản tồn đọng thực hiện theo Đề án cơ cấu lại.

Áp dụng chính sách kế toán riêng theo Đề án cơ cấu lại nêu tại Thuyết minh 3, đối với các khoản cho vay thuộc phạm vi Đề án cơ cấu lại, SCB thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn. Trong trường hợp các khoản vay này phát sinh gốc và/hoặc lãi quá hạn theo thời hạn cơ cấu lại, SCB thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng theo Thông tư 02 và Thông tư 09 căn cứ theo thời hạn trả nợ đã cơ cấu lại.

(ii) Dự phòng rủi ro tín dụng

Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng chung và dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể.

Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể cho các khoản nợ tại cuối mỗi quý được xác định dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc của các khoản vay.

Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể đối với từng nhóm nợ như sau:

Nhóm nợ	Tỷ lệ dự phòng
Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
Nhóm 2 – Nợ cần chú ý	5%
Nhóm 3 – Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
Nhóm 4 – Nợ nghi ngờ	50%
Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn	100%



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm được xác định theo các quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09, cụ thể như sau:

- » Tài sản bảo đảm có giá trị từ 50 tỷ VND trở lên đối với khoản nợ của Khách hàng là bên có liên quan của Ngân hàng và các đối tượng khác theo quy định tại Điều 127 của Luật các tổ chức tín dụng và tài sản bảo đảm có giá trị từ 200 tỷ VND phải được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá; và
- » Đối với các trường hợp khác các trường hợp nêu trên, tài sản bảo đảm được định giá theo quy định và quy trình nội bộ của SCB.

Tài sản bảo đảm nào không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Khoản 3, Điều 12 của Thông tư 02 thì giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đó thì xem như bằng không.

Áp dụng chính sách kế toán riêng về ghi nhận dự phòng cho các khoản nợ, các khoản lãi dự thu và các tài sản tồn đọng thực hiện theo Đề án cơ cấu lại.

Áp dụng chính sách kế toán riêng theo Đề án cơ cấu lại nêu tại Thuyết minh 3, SCB thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể theo năng lực tài chính đối với các khoản nợ phát sinh đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, đảm bảo đến hết năm 2025 trích lập đầy đủ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại Thông tư 02 và 09.

Dự phòng rủi ro tín dụng chung

Theo Thông tư 02, một khoản dự phòng rủi ro tín dụng chung được trích lập với mức bằng 0,75% tổng số dư nợ gốc của các khoản nợ (trừ các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào Nhóm nợ có khả năng mất vốn).

(iv) Xử lý nợ xấu

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, các khoản nợ sẽ được xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro sau khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi Khách hàng vay bị phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp Khách hàng vay là tổ chức, doanh nghiệp), hoặc khi Khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp Khách hàng vay là cá nhân).

Các khoản nợ đã được xử lý rủi ro bằng nguồn dự phòng được ghi nhận vào tài khoản ngoại bảng phù hợp để theo dõi và thu nợ. Số tiền thu hồi được từ nợ đã xử lý rủi ro, kể cả số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản bảo đảm, được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thu được.

(v) Dự phòng đối với các cam kết ngoại bảng

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, việc phân loại nợ các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. SCB không phải trích lập dự phòng cho các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng, trừ khi SCB được yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ trả thay theo hợp đồng bảo lãnh, trong trường hợp đó, khoản trả thay được phân loại và trích lập dự phòng theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 4(i).

(j) Hoạt động mua nợ

(i) Mua nợ

Giá trị khoản mua nợ được ghi nhận là một khoản cho vay/phải thu khác theo giá mua theo hợp đồng. Khoản tiền lãi nhận được được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ khoản tiền lãi phát sinh từ trước khi SCB mua nợ được ghi giảm giá trị khoản mua nợ.

(ii) Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ

Các khoản nợ mua về được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm mà khoản nợ đó được phân loại bởi bên bán trước khi mua và được trích lập dự phòng theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh 4(i).

(k) Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. SCB phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, SCB được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi phân loại lần đầu tại thời điểm mua.

(i) Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Phân loại

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được mua và nắm giữ trong thời hạn không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào.

Ghi nhận

SCB ghi nhận chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán vào ngày SCB trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

Đo lường

Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được thực hiện theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày tại Thuyết minh 4(i).

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, phí Ngân hàng (nếu có). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá đang ghi nhận trên sổ sách và giá thị trường với số lỗ giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giá thị trường của chứng khoán sẵn sàng để bán đã niêm yết là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán đã niêm yết là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước kết thúc kỳ kế toán năm, dự phòng giảm giá của các loại chứng khoán này được trích lập theo chính sách kế toán như được trình bày tại Thuyết minh 4(l).

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("sàn UPCOM") là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, dự phòng giảm giá của các loại chứng khoán này được trích lập theo chính sách kế toán như được trình bày tại Thuyết minh 4(l).

Đối với chứng khoán vốn chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, trong trường hợp có cơ sở cho thấy việc suy giảm giá trị thì các chứng khoán này được trích lập dự phòng theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 4(l).

Đối với các loại chứng khoán nợ đã niêm yết, giá thị trường giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm, SCB không trích lập dự phòng cho các chứng khoán này.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ đầu tư sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của các chứng khoán đó, trường hợp chứng khoán đó được bán trước ngày đáo hạn thì giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu chưa phân bổ được ghi nhận toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày bán.

Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi SCB mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

Dự phòng rủi ro tín dụng của trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết và dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán khác được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc SCB đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu các chứng khoán này.

(ii) Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Phân loại

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và có kỳ đáo hạn cố định mà SCB có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Trong trường hợp chứng khoán được bán trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Ghi nhận

SCB ghi nhận chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn vào ngày SCB trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

Đo lường

Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được thực hiện theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày trong Thuyết minh 4(i).

Các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá được trích lập khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc có bằng chứng chắc chắn là SCB khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư và SCB không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đối với những thay đổi giá trong ngắn hạn.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của các chứng khoán đó.

Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Dự phòng rủi ro tín dụng của trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết giữ đến ngày đáo hạn và dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

(iii) Trái phiếu đặc biệt do Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") phát hành

Phân loại

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của SCB và được phân loại là chứng khoán đầu tư được giữ đến ngày đáo hạn.

Ghi nhận

Ngân hàng kế toán nghiệp vụ mua bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt theo hướng dẫn của Công văn 8499/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2013 ("Công văn 8499") và Công văn 925/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 19 tháng 2 năm 2014 ("Công văn 925"). Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và sau đó được phản ánh theo mệnh giá trừ dự phòng rủi ro.

Đo lường

Cho mỗi khoản nợ xấu được bán cho VAMC, SCB nhận được tương ứng một trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Mệnh giá trái phiếu đặc biệt tương ứng với giá trị ghi sổ của dư nợ gốc của khoản nợ xấu sau khi khấu trừ số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ xấu đó.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Khi hoàn thành thủ tục mua bán nợ xấu, SCB ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản nợ xấu, sử dụng dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng và tất toán tài khoản ngoại bảng theo dõi lãi chưa thu được của khoản nợ xấu đó. Đồng thời, SCB ghi nhận trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành vào tài khoản chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành được giữ đến ngày đáo hạn.

Đối với các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, dự phòng cụ thể được tính và trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 6 tháng 9 năm 2013 ("Thông tư 19") do NHNNVN ban hành quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC và Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 ("Thông tư 14"), Thông tư số 08/2016/TT-NHNN ngày 16 tháng 6 năm 2016 ("Thông tư 08") và Thông tư số 09/2017/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 8 năm 2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19. Theo đó, dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập mỗi năm trong năm hạn của trái phiếu đặc biệt là khoản chênh lệch dương giữa 20% mệnh giá của trái phiếu đặc biệt đối với trái phiếu có kỳ hạn 5 năm và số tiền thu hồi được từ khoản nợ xấu có liên quan. Riêng đối với các trái phiếu đặc biệt được gia hạn thời hạn từ 5 năm lên 10 năm theo các văn bản khác có liên quan của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, SCB trích lập dự phòng cho khoản chênh lệch dương giữa 10% mệnh giá của trái phiếu đặc biệt và số tiền thu hồi được từ khoản nợ xấu có liên quan. Hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Dự phòng rủi ro cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Theo Khoản 15, Điều 1, Thông tư 08, hàng năm, Ngân hàng rà soát phần vượt giữa chênh lệch thu chi trước thuế thực tế của Ngân hàng và chênh lệch thu chi trước thuế dự kiến đã báo cáo NHNNVN trong văn bản xin gia hạn trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành từ 5 năm lên 10 năm ("Trái phiếu đặc biệt VAMC được gia hạn"). Nếu chênh lệch thu chi trước thuế thực tế của Ngân hàng lớn hơn chênh lệch thu chi trước thuế dự kiến đã báo cáo NHNNVN thì Ngân hàng sẽ sử dụng tối đa phần vượt này để trích lập bổ sung dự phòng đối với Trái phiếu đặc biệt VAMC được gia hạn ngay trong năm đó cho đến khi số tiền dự phòng đối với trái phiếu đặc biệt sau khi được trích lập bổ sung bằng số tiền dự phòng phải trích lập đối với trái phiếu đặc biệt khi tính theo thời hạn gốc (xem Thuyết minh 13(iv)).

SCB không phải trích lập dự phòng chung cho các trái phiếu đặc biệt này.

(l) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác mà Ngân hàng không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp khoản đầu tư bị suy giảm giá trị so với giá trị đầu tư của SCB. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận góp vốn trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận góp vốn nhân với (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của SCB tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư đó tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

(m) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

» nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
» máy móc thiết bị	3 - 15 năm
» phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
» thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
» tài sản cố định khác	4 - 10 năm

(n) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất có thời hạn bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 35 - 50 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được phản ánh theo nguyên giá và không được khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất vô thời hạn bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới, mà phần mềm máy vi tính này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và được hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 7 năm.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(o) Tài sản Có khác

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. SCB không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(ii) Các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng

Các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro. Các khoản phải thu này được SCB thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 4(i).

(iii) Các tài sản Có khác

Các tài sản Có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng như được mô tả tại Thuyết minh 4(o) (ii), được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng.

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng được trích lập theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm.

Đối với các tài sản Có đã quá hạn thanh toán, SCB áp dụng mức trích lập dự phòng theo thời gian quá hạn, cụ thể như sau:

Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

SCB trích lập dự phòng rủi ro cho các tổn thất có thể xảy ra đối với các tài sản Có khác chưa đến hạn thanh toán sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các tài sản này.

(p) Dự phòng

Một khoản dự phòng, trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, SCB có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(q) Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo giá gốc.

(r) Tiền gửi của Khách hàng

Tiền gửi của Khách hàng được phản ánh theo giá gốc.

(s) Phát hành giấy tờ có giá

Giấy tờ có giá đã phát hành được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản phân bổ phụ trội và chiết khấu. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

(t) Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(u) Các phúc lợi của nhân viên

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi người lao động làm việc cho SCB từ 12 tháng trở lên ("người lao động đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Trước năm 2012, dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho SCB và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được SCB chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC ("Thông tư 180") hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư này quy định rằng khi lập báo cáo tài chính năm 2012, nếu nguồn quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp còn số dư, doanh nghiệp phải hạch toán tăng thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư quỹ sang năm sau sử dụng. Theo đó, SCB đã hoàn nhập số dư dự phòng trợ cấp thôi việc. Việc thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ năm 2012.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, SCB và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Bảo hiểm thất nghiệp do SCB đóng cho thời gian làm việc của nhân viên được ghi nhận vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(v) Vốn

(i) Vốn điều lệ

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các Cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(iii) Cổ phiếu quỹ

Khi Ngân hàng mua lại cổ phiếu đã phát hành của chính Ngân hàng ("cổ phiếu quỹ"), tổng số tiền thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu quỹ, sẽ ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Các cổ phiếu này được phân loại là cổ phiếu quỹ và được trình bày là một khoản giảm trừ tổng vốn chủ sở hữu.

Khi các cổ phiếu quỹ này được phát hành lại sau đó, số tiền nhận được sẽ được ghi nhận là khoản tăng vốn chủ sở hữu và chênh lệch giữa giá phát hành lại và giá ghi sổ của cổ phiếu quỹ được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần.

(w) Các quỹ

(i) Quỹ dự trữ bắt buộc của Ngân hàng

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017 về chế độ tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng ("Nghị định 93"), Ngân hàng phải trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí; sử dụng cho các mục đích khác theo quy định của pháp luật. Các quỹ dự trữ bắt buộc này không được phép phân phối và được ghi nhận như là một phần của vốn chủ sở hữu.

(ii) Các quỹ dự trữ của các công ty con

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn phải thực hiện trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh 4(w).

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ("Công ty"). Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% trên lợi nhuận sau thuế trong năm hoạt động, và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ Công ty theo quy định hiện hành.

(iii) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi không do pháp luật quy định và được phép phân phối hết, chủ yếu được dùng để chi trả cho cán bộ, công nhân viên của SCB. Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và được ghi nhận trong nợ phải trả của SCB. Tỷ lệ trích lập do Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng quyết định.

(iv) Các quỹ dự trữ khác

Các quỹ dự trữ khác bao gồm quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của SCB theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng. Các quỹ dự trữ này không do pháp luật quy định, được phép phân phối hết và được ghi nhận như là một phần của vốn chủ sở hữu.

(x) Các chi tiêu ngoại bảng

Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Tại bất cứ thời điểm nào SCB cũng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. SCB cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của Khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không nhất thiết phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

(y) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 4(i) và các khoản nợ được giữ nguyên Nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn) do thực hiện chính sách của Nhà nước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi SCB thực sự thu được. Khi một khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 4(i) thì số lãi dự thu được xuất toán và được ghi nhận ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thu được.

Khi một khoản nợ được giữ nguyên Nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước thì số lãi phải thu phát sinh trong năm không được hạch toán là thu nhập và Ngân hàng thực hiện theo dõi ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thu được.

Áp dụng chính sách kế toán riêng về ghi nhận các khoản lãi dự thu theo Đề án cơ cấu lại

Áp dụng chính sách kế toán riêng theo Đề án cơ cấu lại nêu tại Thuyết minh 3, đối với các khoản cho vay được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo Đề án cơ cấu lại, SCB không hạch toán lãi dự thu từ ngày 12 tháng 3 năm 2020, thực hiện các biện pháp cơ cấu lại lịch trả nợ lãi, thu hồi và phân bổ vào chi phí đối với các khoản dự thu đã được ghi nhận trước ngày 12 tháng 3 năm 2020 theo lộ trình cụ thể được quy định trong Đề án cơ cấu lại.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(z) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(aa) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ bao gồm phí nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ bảo lãnh, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(bb) Chi phí hoạt động dịch vụ

Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

(cc) Thu nhập cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của SCB được xác lập.

Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập và SCB chỉ cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(dd) Doanh thu bán tài sản

Doanh thu bán tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng tài sản bị trả lại.

(ee) Doanh thu và chi phí bán nợ

Doanh thu và chi phí bán nợ được ghi nhận theo Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của NHNNVN quy định về hoạt động mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài. Theo đó, phần chênh lệch giữa giá mua, bán nợ và giá trị ghi sổ của bên bán nợ được xử lý như sau:

- » Đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng:

Trường hợp giá bán nợ cao hơn giá trị ghi sổ khoản nợ thì phần chênh lệch cao hơn được hạch toán vào thu nhập trong năm của SCB;

Trường hợp giá bán nợ thấp hơn giá trị ghi sổ khoản nợ thì phần chênh lệch thấp hơn được bù đắp từ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể (trong trường hợp tổn thất đã được xác định do cá nhân, tập thể gây ra và phải bồi thường theo quy định), tiền bảo hiểm của tổ chức bảo hiểm và quỹ dự phòng rủi ro đã được trích lập trong chi phí, phần còn thiếu được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong năm của SCB.

- » Đối với các khoản nợ đang được theo dõi ngoại bảng, khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán, thì số tiền bán khoản nợ được hạch toán vào thu nhập khác của SCB.

(ff) Doanh thu, chi phí hoạt động bảo hiểm, ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm và các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được công ty con của Ngân hàng là Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ("Công ty") ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC ("Thông tư 50") hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư số 01/2019/TT-BTC ngày 2 tháng 1 năm 2019 do Bộ tài chính ban hành có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 16 tháng 2 năm 2019 với các sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2017/TT-BTC.

Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau:

- » Hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm, đồng thời bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc
- » Có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc
- » Hợp đồng bảo hiểm được giao kết và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm thì doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm vẫn phải hạch toán vào doanh thu khoản phí bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm mặc dù bên mua bảo hiểm chưa đóng phí bảo hiểm. Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn) không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm.

Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, Công ty hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm. Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm của kỳ đóng phí đầu tiên (bao gồm cả thời gian gia hạn) không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm. Công ty chỉ hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của các kỳ đóng phí bảo hiểm tiếp theo khi bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm đã thỏa thuận, nếu Công ty không có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí theo quy định tại mục d, điểm 1.1, khoản 1, điều 21, Thông tư 50, hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm. Công ty không được thỏa thuận với bên mua bảo hiểm thay đổi thời hạn thanh toán phí bảo hiểm và các kỳ phí bảo hiểm trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa phát sinh trách nhiệm bảo hiểm tại ngày cuối năm hoạt động được ghi nhận vào "Các khoản phải trả và công nợ khác" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho Khách hàng theo đề nghị của Khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào tạm ứng chi phí bồi thường trong mục "Tài sản Có khác" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Chi phí hoa hồng chỉ được ghi nhận khi phát sinh. Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc phát sinh trong năm hoạt động và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm hoạt động. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ nhất định phù hợp với Thông tư 50. Tại thời điểm cuối năm hoạt động, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ hoạt động hiện tại tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ hoạt động sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

(i) Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời đã được xác lập và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận này đã được ghi nhận. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận. Tại thời điểm cuối năm hoạt động, khoản hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu kỳ hoạt động hiện tại tương ứng với phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ hoạt động sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

(ii) Nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định:

- » Doanh thu và chi phí liên quan đến các hoạt động nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi Công ty nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời:

- » Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời đã được xác lập và Công ty đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm;
- » Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và Công ty nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm; và
- » Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận và Công ty nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm cuối năm hoạt động, khoản hoa hồng nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ hoạt động hiện tại tương ứng với doanh thu phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ hoạt động sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ bao gồm (i) dự phòng phí chưa được hưởng, (ii) dự phòng bồi thường và (iii) dự phòng dao động lớn được ghi nhận vào "Các khoản phải trả và công nợ khác" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư 50 của Bộ Tài chính và Công văn số 792/BTC-QLBH ngày 19 tháng 1 năm 2018 của Bộ Tài chính ("Công văn 792") về việc xác nhận việc đăng ký trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm. Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ như sau:

(i) Đối với nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ:

Dự phòng phí chưa được hưởng

Theo Công văn 792, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập như sau: Công ty tính dự phòng phí chưa được hưởng theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm (phương pháp 1/24). Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một tháng của Công ty được phân bổ đều trong tháng, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một tháng cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa tháng đó. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \text{Phí bảo hiểm giữ lại} \times \text{Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng}$$

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo nhưng đến cuối năm hoạt động chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm hoạt động chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc Khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm hoạt động, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhà nhận tái bảo hiểm; và

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo (IBNR) được trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Dự phòng dao động lớn

Theo Công văn 792, dự phòng dao động lớn được trích lập mỗi kỳ hoạt động cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong năm hoạt động và mức trích lập hàng năm là 1% trên phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 ("VAS 19") – Hợp đồng bảo hiểm, các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, hiện tại chưa có các hướng dẫn chính thức của Bộ Tài chính liên quan đến Chuẩn mực này nên dự phòng dao động lớn được tiếp tục trích lập theo hướng dẫn của Thông tư 50 và Công văn 792. Theo đó, Tổng Công ty thực hiện trích lập theo tỉ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm và được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại trong năm hoạt động.

(ii) Đối với nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe:

Dự phòng toán học

Theo Công văn 792, dự phòng toán học áp dụng đối với các hợp đồng có thời hạn trên một (1) năm và được trích lập như sau:

Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe (trừ các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn):



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Công ty tính dự phòng toán học theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm (phương pháp 1/8). Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một quý của Công ty được phân bổ đều giữa các tháng của quý, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một quý cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa quý đó. Dự phòng toán học được tính theo công thức sau:

Dự phòng toán học = Phí bảo hiểm giữ lại x Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng

Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn:

Công ty tính dự phòng toán học theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm (phương pháp tính theo từng ngày). Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một ngày của Công ty được phân bổ đều cuối ngày hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một ngày cụ thể được giả định là có hiệu lực vào cuối ngày đó. Dự phòng toán học được tính theo công thức sau:

Dự phòng toán học = $\frac{\text{Phí bảo hiểm} \times \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}$

Dự phòng phí chưa được hưởng:

Theo Công văn 792, dự phòng phí chưa được hưởng áp dụng đối với các hợp đồng có thời hạn dưới một (1) năm và được trích lập như sau: Công ty tính dự phòng phí chưa được hưởng theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm (phương pháp 1/24). Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một tháng của Công ty được phân bổ đều trong tháng, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một tháng cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa tháng đó. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo công thức sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng = Phí bảo hiểm giữ lại x Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo nhưng đến cuối năm hoạt động chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm hoạt động chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc Khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm hoạt động, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhà nhận tái bảo hiểm; và

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo (IBNR) được trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Dự phòng đảm bảo cân đối

Theo Công văn 792, dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập mỗi năm với mức trích lập hàng năm là 1% trên phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

(gg) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(hh) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ kế toán năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm kế toán, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(ii) Lãi trên cổ phiếu

SCB trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về Cổ đông phổ thông của Ngân hàng chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về Cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(jj) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của SCB nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi SCB và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(kk) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận cần báo cáo là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của SCB tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của SCB được chia theo khu vực địa lý và mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu được chia theo hoạt động kinh doanh.

(ll) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của SCB và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, SCB phân loại các công cụ tài chính như sau:



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- » Tài sản tài chính được SCB phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, SCB xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà SCB có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- » các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- » các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- » các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- » các khoản mà SCB có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được SCB xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- » các khoản được SCB xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- » các khoản mà SCB có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- » các khoản cho vay và phải thu;
- » các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- » các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- » Nợ phải trả tài chính được SCB phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- » Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, SCB xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(mm) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 49/2014/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2014 mà không được thể hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất này thì được hiểu là có số dư bằng không.

5. TIỀN MẶT VÀ VÀNG

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Tiền mặt bằng VND	2.822.074	1.727.336
Tiền mặt bằng ngoại tệ	1.228.632	1.620.055
Vàng	65.697	51.744
	4.116.403	3.399.135



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các Ngân hàng duy trì dự trữ bắt buộc trên tài khoản thanh toán được mở tại NHNNVN. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn tỷ lệ dự trữ bắt buộc nhân với bình quân số dư tiền gửi của tháng trước tại Ngân hàng như sau:

Đơn vị: Triệu VND

Tiền gửi tại Ngân hàng	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2020	31/12/2019
Số dư tiền gửi bình quân tháng trước của:		
Khách hàng:		
» Tiền gửi bằng ngoại tệ không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	8%	8%
» Tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	6%	6%
» Tiền gửi bằng VND không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	3%	3%
» Tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	1%	1%
Tổ chức tín dụng nước ngoài:		
» Tiền gửi bằng ngoại tệ	1%	1%
Tài khoản tiền gửi thanh toán và quỹ dự trữ bắt buộc	31/12/2020	31/12/2019
» Bằng VND	10.374.957	9.993.827
» Bằng USD	5.311.772	1.725.663
	15.686.729	11.719.490

7. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		
Tiền gửi không kỳ hạn		
» Bằng VND	6.187.100	19.782.617
» Bằng ngoại tệ	2.480.111	1.522.439
Tiền gửi có kỳ hạn		
» Bằng VND	311.000	402.069
» Bằng ngoại tệ	3.120.525	7.788.480
	12.098.736	29.495.605

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác như sau:

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	3.431.525	8.190.549

8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Chứng khoán vốn		
Do các TCKT trong nước phát hành – đã niêm yết	50.009	52.400
Do các TCKT trong nước phát hành – chưa niêm yết	19.962	4.826
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (i)	(3.918)	(10.753)
	66.053	46.473



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(i) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

Đơn vị: Triệu VND

	2020	2019
Số dư đầu năm	10.753	13.148
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 28)	(6.835)	(2.395)
Số dư cuối năm	3.918	10.753

9. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

Đơn vị: Triệu VND

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2020)	
		Tài sản	Nợ phải trả
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020			
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ			
» Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	14.193.501	17.359	-
» Giao dịch hoán đổi tiền tệ	74.196.001	183.071	-
	88.389.502	200.430	-
	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2019)	
		Tài sản	Nợ phải trả
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ			
» Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	6.613.051	-	6.598
» Giao dịch hoán đổi tiền tệ	47.293.188	81.988	-
	53.906.239	81.988	6.598

Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phát sinh từ các công cụ tài chính phái sinh được trình bày theo giá trị thuần trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của SCB tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	351.360.124	333.851.088
Các khoản trả thay Khách hàng	26.278	26.350
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	-	1.411
	351.386.402	333.878.849

Việc phân loại nợ được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09. Trong đó, các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm phí lãi và giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 01 sẽ được giữ nguyên nhóm nợ tại thời điểm gần nhất trước ngày 23 tháng 1 năm 2020 (Thuyết minh 4(i)).

Như được trình bày tại Thuyết minh 4(i), Ngân hàng đã áp dụng chính sách kế toán riêng về ghi nhận dự phòng cho các khoản nợ xấu, các khoản lãi dự thu và các tài sản tồn đọng theo Đề án cơ cấu lại.

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay Khách hàng như sau:

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	341.918.173	330.866.553
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	1.247.534	1.368.188
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	650.237	301.025
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	555.902	273.654
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	7.014.556	1.069.429
	351.386.402	333.878.849

Phân tích dư nợ cho vay Khách hàng theo thời hạn cho vay như sau:

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Nợ ngắn hạn	154.943.188	178.844.420
Nợ trung hạn	76.870.187	69.561.344
Nợ dài hạn	119.573.027	85.473.085
	351.386.402	333.878.849



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phân tích dư nợ cho vay Khách hàng theo ngành nghề kinh doanh như sau:

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Hoạt động dịch vụ khác	247.292.940	217.684.562
Xây dựng	92.309.846	103.459.566
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	3.584.548	3.802.413
Hoạt động kinh doanh bất động sản	2.603.134	2.785.850
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.888.842	1.897.407
Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	1.459.222	2.056.953
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	1.276.674	1.323.169
Vận tải kho bãi	516.772	515.368
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	243.231	120.066
Công nghiệp chế biến và chế tạo	160.308	188.928
Giáo dục và đào tạo	22.322	21.994
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	21.308	5.204
Khai khoáng	5.410	5.933
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	1.103	4.523
Hoạt động tài chính, Ngân hàng và bảo hiểm	283	466
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	267	5.904
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	32	287
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	160	256
	351.386.402	333.878.849

Phân tích dư nợ cho vay Khách hàng theo đối tượng Khách hàng và loại hình doanh nghiệp như sau:

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Công ty cổ phần khác	243.169.892	212.321.130
Hộ kinh doanh và cá nhân	92.256.093	109.344.985
Công ty trách nhiệm hữu hạn khác	13.619.403	9.839.039
Doanh nghiệp tư nhân	1.368.933	1.380.573
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	716.812	719.174
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	192.218	192.302
Công ty Nhà nước	25.601	25.673
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, Đoàn thể và Hiệp hội	24.962	32.576
Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước	3.822	7.309
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước	1.355	2.775
Các tổ chức khác	7.311	13.313
	351.386.402	333.878.849

11. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Biến động dự phòng rủi ro cho vay Khách hàng như sau:

Đơn vị: Triệu VND

	Dự phòng chung	Cụ thể	Tổng
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2018	2.252.361	465.666	2.718.027
Trích lập dự phòng trong năm	159.486	67.740	227.226
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(7.152)	(7.152)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2019	2.411.847	526.254	2.938.101
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	170.943	248.907	419.850
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(24.719)	(24.719)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2020	2.582.790	750.442	3.333.232



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

12. HOẠT ĐỘNG MUA NỢ

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Mua nợ bằng VND	12.374	12.374
Dự phòng rủi ro	(619)	(619)
	11.755	11.755

Giá trị nợ gốc và lãi của các khoản nợ đã mua như sau:

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Nợ gốc đã mua	12.289	12.289
Lãi của khoản nợ đã mua	56	56
	12.345	12.345

13. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
» Trái phiếu Chính phủ	41.838.926	26.914.532
» Do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	750.027	2.000.266
<i>Chứng khoán vốn</i>		
» Do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	18.140	18.140
» Do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	9.000	9.000
	42.616.093	28.941.938
<i>Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (i)</i>	<i>(12.838)</i>	<i>(15.293)</i>
» Dự phòng rủi ro chung chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(5.625)	(15.002)
» Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán	(7.213)	(291)
	42.603.255	28.926.645

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
» Do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	-	1.550.000
» Do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	91.513	116.514
Dự phòng rủi ro chung chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn (ii)	(2.178)	(2.748)
<i>Trong đó:</i>		
» Dự phòng chung	(675)	(863)
» Dự phòng cụ thể	(1.503)	(1.503)
» Dự phòng giảm giá chứng khoán	-	(382)
	89.335	1.663.766
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành		
» Mệnh giá trái phiếu đặc biệt (iii)	38.305.377	31.746.884
» Dự phòng trái phiếu đặc biệt (iv)	(7.472.241)	(6.902.522)
	30.833.136	24.844.362
	73.525.726	55.434.773



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(i) Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán trong năm như sau:

Đơn vị: Triệu VND

	Dự phòng chung	Dự phòng giảm giá chứng khoán	Tổng
Số dư đầu năm	15.002	291	15.293
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 29)	(9.377)	6.922	(2.455)
Số dư cuối năm	5.625	7.213	12.838

(ii) Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành) trong năm như sau:

Đơn vị: Triệu VND

	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Dự phòng giảm giá chứng khoán	Tổng
Số dư đầu năm	863	1.503	382	2.748
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 29)	(188)	-	(382)	(570)
Số dư cuối năm	675	1.503	-	2.178

(iii) Biến động trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành trong năm như sau:

Đơn vị: Triệu VND

	2020	2019
Số dư đầu năm	31.746.884	26.685.183
Tăng trong năm	10.178.000	14.421.000
Tắt toán trong năm	(3.619.507)	(9.359.299)
Số dư cuối năm	38.305.377	31.746.884

Số dư này phản ánh mệnh giá của các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành nhằm mua lại các khoản nợ xấu của Ngân hàng với lãi suất 0%, bao gồm các trái phiếu trị giá 10.178.000 triệu VND có kỳ hạn 5 năm và các trái phiếu trị giá 28.127.377 triệu VND có kỳ hạn 10 năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (31/12/2019: 22.530.000 triệu VND kỳ hạn 5 năm và 9.216.884 triệu VND kỳ hạn 10 năm).

(iv) Biến động dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành trong năm như sau:

Đơn vị: Triệu VND

	2020	2019
Số dư đầu năm	6.902.522	4.806.697
Trích lập trong năm (Thuyết minh 32) (*)	569.719	2.095.825
Số dư cuối năm	7.472.241	6.902.522

(*) Số trích lập dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành trong năm bao gồm 237.292 triệu VND khoản dự phòng trích lập bổ sung từ phần vượt giữa chênh lệch thu chi trước thuế thực tế của Ngân hàng và chênh lệch thu chi trước thuế dự kiến đã báo cáo NHNNVN trong văn bản xin gia hạn trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành từ 5 năm lên 10 năm (chênh lệch thu chi trước thuế thực tế của Ngân hàng lớn hơn chênh lệch thu chi trước thuế dự kiến đã báo cáo NHNNVN) của năm 2020 (Thuyết minh 4(k)(iii)).

14. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Đầu tư dài hạn khác	26.688	26.688
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.123)	(385)
	25.565	26.303

	31/12/2020		31/12/2019	
	Tỷ lệ năm giữ (%)	Giá gốc của các khoản đầu tư (Triệu VND)	Tỷ lệ năm giữ (%)	Giá gốc của các khoản đầu tư (Triệu VND)
Đầu tư dài hạn khác				
Công ty CP Du lịch Khách sạn Sài Gòn Hạ Long	5,69%	9.900	5,69%	9.900
Công ty CP Thông tin Tín dụng Việt Nam (PCB)	6,64%	7.962	6,64%	7.962
Công ty CP Sài Gòn Kim Liên	9,90%	7.326	9,90%	7.326
Công ty CP Du lịch Sài Gòn Vĩnh Long	1,0%	1.500	1,0%	1.500
		26.688		26.688
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác		(1.123)		(385)
		25.565		26.303



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Đơn vị: Triệu VND

2020	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	2.071.846	690.315	144.453	28.908	24.135	2.959.657
Tăng trong năm	49.415	74.297	11.065	3.225	7.654	145.656
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.335	-	-	-	-	2.335
Tăng khác	193	161	-	-	92	446
Phân loại lại	1	(602)	541	125	(65)	-
Thanh lý	(424)	(45.103)	(16.746)	(2.027)	(2.233)	(66.533)
Số dư cuối năm	2.123.366	719.068	139.313	30.231	29.583	3.041.561
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	522.981	448.036	112.825	22.061	13.617	1.119.520
Khấu hao trong năm	59.449	92.885	7.868	2.384	5.214	167.800
Phân loại lại	1	(300)	182	115	2	-
Thanh lý	(394)	(45.103)	(16.557)	(2.027)	(1.977)	(66.058)
Số dư cuối năm	582.037	495.518	104.318	22.533	16.856	1.221.262
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	1.548.865	242.279	31.628	6.847	10.518	1.840.137
Số dư cuối năm	1.541.329	223.550	34.995	7.698	12.727	1.820.299

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, bao gồm trong tài sản cố định hữu hình là các tài sản có nguyên giá 399.296 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2019: 439.576 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tạm thời không được sử dụng vào sản xuất kinh doanh là 26.573 triệu VND (31/12/2019: 228 triệu VND).

16. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: Triệu VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020			
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.962.206	388.908	2.351.114
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.290	184	6.474
Tăng trong năm	-	18.780	18.780
Tăng/(giảm) khác	(1.535)	7.525	5.990
Thanh lý	(17.890)	(5.217)	(23.107)
Số dư cuối năm	1.949.071	410.180	2.359.251
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	32.082	308.364	340.446
Khấu hao trong năm	2.501	40.951	43.452
Thanh lý	-	(5.217)	(5.217)
Số dư cuối năm	34.583	344.098	378.681
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.930.124	80.544	2.010.668
Số dư cuối năm	1.914.488	66.082	1.980.570

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, bao gồm trong tài sản cố định vô hình là các tài sản có nguyên giá 170.680 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2019: 92.668 triệu VND).



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

17. TÀI SẢN CÓ KHÁC

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Các khoản phải thu		
Mua sắm tài sản cố định (i)	104.528	107.396
Chi phí xây dựng cơ bản	4.106	17.085
Các khoản phải thu nội bộ (**)	12.979	319.328
Các khoản phải thu bên ngoài		
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu từ bán nợ (ii) (*)	64.827.524	57.144.754
Phải thu từ việc chuyển nhượng các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán trả chậm (iii) (**)	7.548.000	7.548.000
Phải thu từ bán các khoản nợ mua lại từ VAMC (iv) (*)	4.275.434	5.614.970
Phải thu chuyển tiền nhanh 24/7 (**)	1.866.336	1.164.896
Phải thu tiền ký quỹ, đặt cọc và tạm ứng (**)	633.204	609.893
Phải thu hoạt động bảo hiểm của Bảo Long (**)	481.267	363.209
Tạm ứng phải trả NAPAS (**)	356.730	549.725
Ký quỹ thẻ quốc tế (**)	281.802	247.824
Phải thu từ việc cho chuộc lại và chuyển nhượng tài sản gán nợ dài hạn (v) (**)	244.420	6.559.967
Thu phí dịch vụ tư vấn tài chính (**)	230.970	28.000
Phải thu từ chuyển nhượng quyền mua tài sản (**)	140.000	140.000
Chờ thu để thanh toán UPAS L/C (**)	104.171	49.101
Tạm ứng mua lại các khoản nợ (**)	46.250	19.233
Tạm ứng chi phí kinh doanh Bảo Long (**)	26.771	16.865
Tạm ứng bồi thường nghiệp vụ bảo hiểm của Bảo Long (**)	21.165	10.653
Ký quỹ bảo hiểm (**)	12.000	12.000
Tạm ứng thuế TNDN	6.419	608

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Phải thu từ bán nợ cho VAMC (**)	-	390.357
Các khoản phải thu khác (**)	209.943	53.941
	81.434.019	80.967.805
Các khoản lãi, phí phải thu	72.317.631	52.913.759
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	17.160	6.621
Tài sản Có khác		
Bất động sản cấn trừ nợ vay (vi)	23.834.006	48.850
Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm của Bảo Long	348.553	322.933
Chi phí trả trước và chờ phân bổ	308.507	209.683
Tài sản xiết nợ đã chuyển quyền sở hữu	9.511	9.511
Ủy thác đầu tư	-	30.000
Tài sản Có khác	29.788	43.317
	24.530.365	664.294
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác (vii)	(2.087.642)	(1.639.762)
	176.211.533	132.912.717

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng với giá trị là 69.102.958 triệu VND được phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 4(i).

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các tài sản có rủi ro tín dụng khác với giá trị là 84.533.639 triệu VND được trích lập dự phòng rủi ro theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 4(o)(iii).

(i) Bao gồm trong các khoản mua sắm tài sản cố định có các công trình lớn như sau:

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Công trình tại 1F Thái Hà, Hà Nội	90.000	90.000
Các khoản khác	14.528	17.396
	104.528	107.396



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(ii) Đây là các khoản phải thu phát sinh từ nghiệp vụ bán nợ trả chậm cho các bên thứ ba. Các khoản phải thu này được đảm bảo bằng bất động sản. SCB đã thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo chính sách kế toán tại Thuyết minh 4(i).

(iii) Đây là các khoản phải thu từ các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần liên quan đến các hợp đồng mua và cam kết bán lại cổ phiếu ("repo") ký kết ngày 28 tháng 11 năm 2014 với thời hạn thanh toán trong vòng 8 năm. Khoản phải thu này được đảm bảo bằng cổ phiếu của các tổ chức kinh tế được giao dịch trong các hợp đồng repo này.

(iv) Đây là các khoản phải thu phát sinh từ nghiệp vụ bán nợ đã mua lại từ VAMC cho các bên thứ ba, được thanh toán chậm. Khoản phải thu này được đảm bảo bằng tài sản bảo đảm của chính khoản nợ đã bán. SCB đã thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo chính sách kế toán tại Thuyết minh 4(i).

(v) Đây là các khoản phải thu phát sinh khi Ngân hàng bán tài sản gán nợ của Khách hàng cho bên thứ ba để cản trở nợ vay của Khách hàng tại Ngân hàng, được đảm bảo bằng các bất động sản.

(vi) Đây là các tài sản thế chấp SCB nhận để cản trở nợ vay của Khách hàng và các khoản phải thu của Ngân hàng theo luật định, và Khách hàng hoặc bên bảo lãnh (chủ sở hữu tài sản) chưa hoàn tất thủ tục chuyển quyền sở hữu các tài sản này cho Ngân hàng.

(vii) Biến động dự phòng rủi ro các tài sản Có nội bảng khác trong năm như sau:

Đơn vị: Triệu VND

	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Dự phòng cho tài sản Có khác	Tổng
Số dư đầu năm	358.847	688.342	592.573	1.639.762
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 31 và 32)	142.994	205.316	99.570	447.880
Số dư cuối năm	501.841	893.658	692.143	2.087.642

(viii) Phân tích chất lượng tài sản Có khác được phân loại là tài sản Có rủi ro tín dụng:

» Đối với các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng:

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	42.913.822	61.316.867
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	778.179	-
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	22.247.050	-
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	973.099	489.100
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	2.190.808	953.757
	69.102.958	62.759.724

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng được phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 do phát sinh 2.751.130 triệu VND (31/12/2019: 1.442.857 triệu VND) gốc quá hạn.

» Đối với các tài sản Có khác

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Chưa quá hạn	83.396.156	64.269.912
Quá hạn dưới 6 tháng	5.283	5.628.718
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	754.800	1.098.121
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	377.400	-
	84.533.639	70.996.751



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

18. CÁC KHOẢN NỢ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Vay NHNNVN		
Bằng VND	18.665	24.110

19. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Tiền gửi không kỳ hạn		
» Bằng VND	6.046.569	19.436.578
Tiền gửi có kỳ hạn		
» Bằng VND	6.290.335	10.423.700
» Bằng ngoại tệ	-	1.043.100
	12.336.904	30.903.378
Vay		
» Bằng VND	4.717.398	14.856.725
» Bằng ngoại tệ	120.467	52.194
	4.837.865	14.908.919
	17.174.769	45.812.297

20. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Tiền gửi không kỳ hạn		
» Bằng VND	20.183.255	14.965.750
» Bằng ngoại tệ	9.204.493	22.420.394
Tiền gửi có kỳ hạn		
» Bằng VND	27.195.639	32.753.056
» Bằng ngoại tệ	46.263	72.837

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn		
» Bằng VND	1.348	1.375
» Bằng ngoại tệ	1.513	4.084
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn		
» Bằng VND	405.807.053	362.963.878
» Bằng ngoại tệ	3.329.273	3.895.628
Tiền gửi vốn chuyên dùng		
» Bằng VND	985.340	307.169
» Bằng ngoại tệ	773.291	769.622
Tiền gửi ký quỹ		
» Bằng VND	194.611	127.801
» Bằng ngoại tệ	227	5.699
	467.722.306	438.287.293

Tiền gửi của Khách hàng theo đối tượng Khách hàng và loại hình doanh nghiệp như sau:

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Tiền gửi của tổ chức kinh tế		
» Công ty trách nhiệm hữu hạn khác	15.762.826	34.658.139
» Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	7.024.009	668.290
» Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối	27.057	6.180
» Công ty cổ phần khác	13.240.307	9.529.022
» Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	5.006.661	4.346.176
» Đơn vị hành chính sự nghiệp, đảng, đoàn thể và hiệp hội	3.636.905	2.681.164
» Công ty Nhà nước	1.012.083	1.401.895
» Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước	279.397	89.472



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
» Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	60.397	52.432
» Công ty hợp danh	24.775	11.606
» Doanh nghiệp tư nhân	4.480	6.115
Tiền gửi của cá nhân	420.397.290	383.623.792
Tiền gửi của các đối tượng khác	1.246.119	1.213.010
	467.722.306	438.287.293

21. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Chứng chỉ tiền gửi		
» Dưới 12 tháng	33.550.514	25.175.552
» Từ 12 tháng đến 5 năm	66.346.275	12.626.700
» Từ 5 năm trở lên	10.204.000	8.433.000
Kỳ phiếu		
» Dưới 12 tháng	-	3.550.000
Trái phiếu thường		
» Từ 5 năm trở lên	1.000	19.000
	110.101.789	49.804.252

22. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Các khoản lãi, phí phải trả	15.704.283	12.531.319
Các khoản phải trả nội bộ		
» Các khoản phải trả nhân viên	361.187	313.841
» Quỹ khen thưởng và phúc lợi (i)	355.438	261.152
Các khoản phải trả bên ngoài		
» Các khoản phải trả chờ thanh toán	2.598.861	2.066.588
» Dự phòng trong nghiệp vụ bảo hiểm của Bảo Long	1.079.344	889.712
» Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	920.745	417.948
» Phải trả trong nghiệp vụ bảo hiểm của Bảo Long	520.239	430.264
» Các khoản phải trả liên quan đến dịch vụ thanh toán thẻ & NHĐT	180.665	49.481
» Chờ thanh toán mua tài sản cố định	169.645	167.148
» Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	84.270	40.189
» Doanh thu chờ phân bổ	100.453	91.163
» Phải trả Cổ đông	7.216	6.012
» Các khoản phải trả khác	82.829	72.540
	22.165.175	17.337.357

(i) Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

Đơn vị: Triệu VND

	2020	2019
Số dư đầu năm	261.152	171.197
Trích lập từ lợi nhuận giữ lại (Thuyết minh 24(a))	94.286	93.839
Sử dụng trong năm	-	(4.130)
Biến động khác	-	246
Số dư cuối năm	355.438	261.152



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

23. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Đơn vị: Triệu VND

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Số dư đầu năm Phải trả	Phát sinh trong năm			Số dư cuối năm	
		Số phát sinh	Số cần trừ	Số đã nộp	Nợ thừa	Phải trả
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.988	34.644	-	(35.331)	6.419	18.720
Thuế giá trị gia tăng phải trả	25.807	194.468	(10.207)	(164.557)	11	45.522
Thuế thu nhập cá nhân	13.594	116.482	-	(110.562)	-	19.514
Các loại thuế khác	527	2.181	-	(2.194)	-	514
	52.916	347.775	(10.207)	(312.644)	6.430	84.270

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

(a) Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

Đơn vị: Triệu VND

	Vốn điều lệ	Vốn đầu tư XDCB và mua sắm TSCĐ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác	Vốn khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	15.231.688	45	95.912	(87.709)	164.797	318.551	4.709	6.313	9.437	671.402	162.391	16.577.536
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	162.610	7.560	170.170
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(93.839)	-	(93.839)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(5.983)	(5.983)
Tạm trích quỹ trong năm	-	-	-	-	7.874	15.661	87	3.116	-	(26.738)	-	-
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(1)	2	-	-	-	-	-	1
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	15.231.688	45	95.912	(87.709)	172.670	334.214	4.796	9.429	9.437	713.435	163.968	16.647.885
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	55.012	12.117	67.129
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(94.286)	-	(94.286)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(6.463)	(6.463)
Tạm trích quỹ trong năm	-	-	-	-	1.488	2.716	260	4.252	-	(8.716)	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	15.231.688	45	95.912	(87.709)	174.158	336.930	5.056	13.681	9.437	665.445	169.622	16.614.265



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(b) Vốn điều lệ

	31/12/2020		31/12/2019	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá (Triệu VND)	Số cổ phiếu	Mệnh giá (Triệu VND)
Vốn điều lệ được duyệt	1.523.168.810	15.231.688	1.523.168.810	15.231.688
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.523.168.810	15.231.688	1.523.168.810	15.231.688
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(4.385.457)	(43.855)	(4.385.457)	(43.855)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.518.783.353	15.187.833	1.518.783.353	15.187.833

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp Cổ đông của Ngân hàng. Các Cổ đông có quyền nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Ngân hàng mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi các cổ phiếu này được phát hành lại.

25. THU NHẬP LÃI THUẦN

Đơn vị: Triệu VND

	2020	2019
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự từ		
» Thu nhập lãi cho vay Khách hàng và các TCTD khác	34.826.575	37.013.280
» Thu nhập lãi từ đầu tư chứng khoán Nợ	1.507.560	2.108.071
» Thu nhập lãi tiền gửi	224.390	402.500
» Thu nhập từ nghiệp vụ bảo lãnh	27.792	57.889
» Thu nhập khác từ hoạt động tín dụng	6.012.757	-
	42.599.074	39.581.740
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự cho		
» Trả lãi tiền gửi	(32.131.926)	(31.807.750)
» Trả lãi tiền vay	(212.652)	(746.344)
» Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	(6.737.282)	(2.959.729)
» Chi phí khác cho hoạt động tín dụng	(7.412)	(38.695)
	(39.089.272)	(35.552.518)
Thu nhập lãi thuần	3.509.802	4.029.222

26. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

Đơn vị: Triệu VND

	2020	2019
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
» Hoạt động bảo hiểm	1.059.408	869.590
» Dịch vụ thanh toán	587.225	679.362
» Hoạt động bảo lãnh và ngân quỹ	3.011	4.528
» Dịch vụ đại lý	854.040	403.079
» Thu phí dịch vụ khác	719.261	468.676
	3.222.945	2.425.235
Chi phí hoạt động dịch vụ		
» Hoạt động bảo hiểm	(841.005)	(678.375)
» Dịch vụ thanh toán	(336.219)	(266.199)
» Hoạt động bảo lãnh và ngân quỹ	(6.159)	(8.258)
» Dịch vụ đại lý	(3.044)	(11.701)
» Chi phí dịch vụ khác	(42.563)	(40.848)
	(1.228.990)	(1.005.381)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.993.955	1.419.854

27. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

Đơn vị: Triệu VND

	2020	2019
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
» Lãi từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	281.404	228.296
» Lãi từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	383.195	401.027
» Lãi từ kinh doanh vàng	22.413	10.692
	687.012	640.015
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối		
» Lỗ từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(23.987)	(55.765)
» Lỗ từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(464.116)	(514.337)
» Lỗ từ kinh doanh vàng	(153)	(967)
	(488.256)	(571.069)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	198.756	68.946



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

28. LỖ THUẬN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Đơn vị: Triệu VND

	2020	2019
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	14.441	8.622
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(11.995)	(9.330)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 8(i))	6.835	2.395
Lãi thuận từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	9.281	1.687

29. LÃI THUẬN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

Đơn vị: Triệu VND

	2020	2019
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	735.293	521.305
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(248.319)	(81.150)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 13(i) và 13(ii))	3.025	126
Lãi thuận từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	489.999	440.281

30. (LỖ)/LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

Đơn vị: Triệu VND

	2020	2019
Thu nhập từ hoạt động khác		
Thu nhập từ nghiệp vụ bán nợ	45.183	332.454
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	30.527	1.406
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	9.312	83.389
Thu nhập lãi trả chậm từ các khoản nợ	-	1.037.987
Lãi thu hồi được từ nợ xấu đã bán cho VAMC	-	16.821
Thu nhập khác	14.842	13.504
	99.864	1.485.561
Chi phí hoạt động khác		
Chi thanh lý TSCĐ, CCLĐ	(24.276)	-
Chi về nghiệp vụ bán nợ	(257.466)	(300.022)
Chi phí khác	(35.572)	(20.321)
	(317.314)	(320.343)
Lãi thuận từ hoạt động khác	(217.450)	1.165.218

31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Đơn vị: Triệu VND

	2020	2019
Chi phí cho nhân viên:	2.032.026	1.755.656
Trong đó:		
» Chi lương và phụ cấp	1.786.776	1.509.771
» Các khoản chi đóng góp theo lương	143.934	131.253
» Chi ăn ca cho nhân viên	67.658	65.030
» Chi trang phục	30.463	40.431
» Chi trợ cấp	2.666	6.286
» Chi khác cho nhân viên	529	2.885
Chi về tài sản	817.633	704.869
Trong đó:		
» Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	211.252	234.075
» Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng tài sản	168.344	148.745
» Chi phí bảo hiểm tài sản	6.871	6.461
» Chi phí thuê văn phòng	347.509	227.455
» Chi phí công cụ và dụng cụ lao động	83.657	88.133
Chi cho hoạt động quản lý công vụ		
Trong đó:		
» Chi về hoạt động đoàn thể của tổ chức tín dụng	91.760	85.377
» Công tác phí	12.058	28.093
Chi phí quản lý chung	391.298	392.173
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của Khách hàng	681.302	579.079
Chi phí hội nghị, lễ tân và khánh tiết	191.772	234.615
Chi phí tiếp thị, quảng cáo, khuyến mãi	169.734	126.898
Chi phí vật liệu giấy tờ in	42.455	44.873
Chi phí thông tin liên lạc	10.402	10.194
Chi phí đào tạo	11.729	16.641
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	9.041	7.703
Chi khác	123	183
Trích lập dự phòng cho các tài sản Có khác (Thuyết minh 17(viii))	99.570	551.432
	4.560.903	4.537.786



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

32. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Đơn vị: Triệu VND

	2020	2019
Trích lập dự phòng chung cho vay Khách hàng (Thuyết minh 11)	170.943	159.486
Trích lập dự phòng cụ thể cho vay Khách hàng (Thuyết minh 11)	248.907	67.740
Trích lập dự phòng cho trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành (Thuyết minh 13(iv))	569.719	2.095.825
Trích lập dự phòng chung rủi ro tín dụng khác (Thuyết minh 17(vii))	142.994	87.578
Trích lập dự phòng cụ thể rủi ro tín dụng khác (Thuyết minh 17(vii))	205.316	(39.338)
Trích lập dự phòng chung cho trái phiếu chưa niêm yết đầu tư sẵn sàng để bán	-	1.687
	1.337.879	2.372.978

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Đơn vị: Triệu VND

	2020	2019
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	32.303	49.159
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	2.341	1.107
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(10.539)	(67)
	24.105	50.199

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

Đơn vị: Triệu VND

	2020	2019
Lợi nhuận trước thuế	91.234	220.369
<i>Các khoản mục điều chỉnh:</i>		
» Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(5.673)	(5.925)
» Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất báo cáo tài chính	(187)	266
» Thu nhập khác không chịu thuế	(418)	(2.293)
» Chi phí không được khấu trừ thuế	77.470	33.376
Thu nhập chịu thuế	162.426	245.793
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	32.485	49.159
Ưu đãi thuế	(182)	-
Thuế nộp bổ sung cho những năm trước	2.341	1.107
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	(10.539)	(67)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	24.105	50.199

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con là 20%.

Việc tính toán thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự xem xét và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

34. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về Cổ đông phổ thông của Ngân hàng là 55.012 triệu VND (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019: 68.324 triệu VND) sau khi điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 1.518.783.353 (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019: 1.518.783.353), được tính như sau:



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về Cổ đông phổ thông

	Đơn vị: Triệu VND	
	2020	2019
Lợi nhuận thuần thuộc về Cổ đông phổ thông	55.012	162.610
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	-	(94.286)
	55.012	68.324

(*) Tại ngày phát hành báo cáo này, SCB chưa có quyết định chính thức của Đại hội đồng Cổ đông về việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận năm 2020. Nếu SCB trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về Cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Đơn vị: Cổ phiếu	
	2020	2019
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm	1.518.783.353	1.518.783.353

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2020	2019
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	36	45

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm 2019, Ngân hàng không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tính suy giảm. Do vậy, yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

35. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị: Triệu VND	
	31/12/2020	31/12/2019
Tiền mặt và vàng	4.116.403	3.399.135
Tiền gửi tại NHNNVN	15.686.729	11.719.490
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng	11.538.431	29.093.536
	31.341.563	44.212.161

36. CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN

	Đơn vị: Triệu VND	
	2020	2019
Bán nợ cho VAMC và nhận về trái phiếu đặc biệt (Thuyết minh 13(iii))	10.178.000	14.421.000
Mua lại trái phiếu VAMC và bán nợ trả chậm	25.670	2.654.628
Phải thu trả chậm từ xử lý bán nợ xấu và thu nhập từ nghiệp vụ này	25.591.289	24.518.580
Chi phí từ nghiệp vụ bán nợ	257.466	-
Bán nợ phải thu trả chậm	25.616.959	27.173.208
Nhận tài sản cầm giữ nợ vay của Khách hàng và các khoản phải thu	23.785.785	-
Thu nhập từ nghiệp vụ nhận tài sản thay thế nghĩa vụ trả nợ	2.585.938	-

37. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

	Đơn vị: Triệu VND	
	2020	2019
Tổng số nhân viên bình quân trong năm	7.865	7.582
Thu nhập của nhân viên (*)		
1. Lương và thưởng	1.645.654	1.548.960
2. Thu nhập khác	155.529	167.087
3. Tổng thu nhập (3=1+2)	1.801.183	1.716.047
Tiền lương bình quân hàng tháng/nhân viên	17,44	17,02
Thu nhập bình quân hàng tháng/nhân viên	19,08	18,86

(*) Số liệu về thu nhập của nhân viên được trình bày tại Thuyết minh này là số tiền thực chi cho nhân viên trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

40. GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm và trong năm như sau:

Đơn vị: Triệu VND

Số dư cuối năm	Phải thu/(phải trả)	
	31/12/2020	31/12/2019
Các Cổ đông lớn		
Công ty CP Đầu tư Tài chính Việt Vĩnh Phú		
» Tiền gửi	(1.242)	(1.167)
Noble Capital Group		
» Tiền gửi	(17.406)	(620.568)
Các công ty Ngân hàng góp vốn		
Công ty Cổ phần Sài Gòn Kim Liên		
» Tiền gửi	(6.878)	(5.747)
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Sài Gòn Hạ Long		
» Tiền gửi	(13.679)	(10.054)

Đơn vị: Triệu VND

Giao dịch phát sinh trong năm	Thu nhập/(chi phí)	
	2020	2019
Các Cổ đông lớn		
Công ty CP Đầu tư Tài chính Việt Vĩnh Phú		
» Tiền gửi	33.711	295.069
» Tất toán tiền gửi	(33.636)	(420.158)
Noble Capital Group		
» Tiền gửi	601.472	603.047
» Tất toán tiền gửi	(1.202.908)	(3)
Các công ty Ngân hàng góp vốn		
Công ty Cổ phần Sài Gòn Kim Liên		
» Tiền gửi	29.979	24.350
» Tất toán tiền gửi	(28.848)	(24.231)
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Sài Gòn Hạ Long		
» Tiền gửi	45.066	37.563
» Tất toán tiền gửi	(41.441)	(36.921)

Đơn vị: Triệu VND

Giao dịch phát sinh trong năm	Thu nhập/(chi phí)	
	2020	2019
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao	10.054	12.904
Ban Kiểm soát		
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp	4.287	4.980
Tổng Giám đốc và người quản lý khác		
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp	38.846	41.833

41. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG CỦA TÀI SẢN, NỢ PHẢI TRẢ VÀ CÁC CAM KẾT NGOẠI BẢNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Đơn vị: Triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Trong nước	Nước ngoài	Tổng
Cho vay Khách hàng – gộp	351.386.402	-	351.386.402
Tiền gửi của Khách hàng	467.722.306	-	467.722.306
Phát hành giấy tờ có giá	110.101.789	-	110.101.789
Chứng khoán kinh doanh – gộp	69.971	-	69.971
Chứng khoán đầu tư – gộp	81.012.983	-	81.012.983
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	26.688	-	26.688
Tiền gửi và cho vay TCTD khác – gộp	10.531.481	1.567.255	12.098.736
Tiền gửi và vay từ TCTD khác	17.112.245	62.524	17.174.769
Công cụ tài chính phải sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	88.389.502	-	88.389.502
Nợ tiềm tàng và các cam kết tín dụng – gộp	6.842.842	-	6.842.842



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

42. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Rủi ro luôn tiềm ẩn trong hoạt động của SCB, và được quản lý thông qua các quy trình phát hiện, đánh giá và kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào giới hạn rủi ro và các kiểm soát khác. Quy trình quản lý rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của SCB và mỗi cá nhân trong SCB có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến quyền hạn công việc của họ. SCB đối mặt với các loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường (được phân loại thành rủi ro kinh doanh và rủi ro không liên quan đến kinh doanh).

Quy trình kiểm soát rủi ro độc lập không bao gồm các rủi ro kinh doanh chẳng hạn như những thay đổi của môi trường, công nghệ và ngành nghề. Những rủi ro này được kiểm soát bởi quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược của SCB.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Cơ cấu quản lý rủi ro

Cơ cấu quản lý rủi ro của SCB bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, các Ủy ban khác tham mưu, giúp việc cho Hội đồng Quản trị, Ủy ban Quản lý rủi ro, Hội đồng rủi ro, các Hội đồng khác tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc, Ban Điều hành Ngân hàng, Lãnh đạo các Đơn vị kinh doanh và các phòng có chức năng quản lý rủi ro tại Hội sở chính của SCB.

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị nắm giữ vai trò cao nhất trong khuôn khổ các hoạt động quản lý rủi ro và chịu trách nhiệm quyết định các phương án để xử lý các vấn đề liên quan đến quản lý rủi ro.

Ủy ban Quản lý Rủi ro

Ủy ban Quản lý Rủi ro tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động của SCB.

Ủy ban Quản lý Rủi ro phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của SCB trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

Ủy ban Quản lý Rủi ro xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của SCB để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát nắm giữ vai trò kiểm tra, giám sát, đánh giá và kiến nghị về việc thực hiện các quy trình, quy định về quản lý rủi ro, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và quy định nội bộ của SCB.

Kiểm toán nội bộ

Theo kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm, các quy trình hoạt động của SCB sẽ được kiểm toán bởi bộ phận kiểm toán nội bộ nhằm kiểm tra tính đầy đủ và tính tuân thủ của các thủ tục. Kiểm toán nội bộ thảo luận kết quả đánh giá với Ban Điều hành và báo cáo những phát hiện và đề xuất lên Ban Kiểm soát.

Hệ thống báo cáo và đo lường rủi ro

Rủi ro của SCB được đo lường bằng cách sử dụng phương pháp phản ánh cả những tổn thất dự đoán được gần như phát sinh trong các trường hợp thông thường và những tổn thất không dự đoán được mà chỉ là những ước tính những tổn thất thực tế sau cùng dựa trên những mô hình thống kê.

Việc theo dõi và quản lý rủi ro chủ yếu được thực hiện dựa trên những hạn mức được thiết lập bởi SCB và tuân thủ các quy định an toàn của NHNNVN. Những hạn mức này phản ánh chiến lược kinh doanh và môi trường thị trường của SCB cũng như mức độ rủi ro mà SCB sẵn sàng chấp nhận.

Các thông tin kết hợp từ hoạt động kinh doanh được kiểm tra và xử lý để nhằm phân tích, kiểm soát và phát hiện sớm hơn các rủi ro. Thông tin này được trình bày và giải thích cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và các Trưởng phòng ban. Báo cáo bao gồm tổng hạn mức rủi ro tín dụng, dự báo hệ thống lượng hóa rủi ro tín dụng, các ngoại lệ hạn mức, các chỉ số thanh khoản và thay đổi hồ sơ rủi ro. Ban Lãnh đạo sẽ đánh giá tính thích hợp của việc lập dự phòng cho những tổn thất tín dụng hàng quý. Ban Lãnh đạo sẽ nhận được báo cáo tổng hợp mỗi quý cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết cho việc đánh giá và đưa ra kết luận về rủi ro của SCB.

Đối với tất cả các cấp trong SCB, các báo cáo rủi ro cụ thể sẽ được lập và phân phối nhằm đảm bảo rằng tất cả các phòng ban kinh doanh đều cập nhật tất cả các thông tin cần thiết một cách đầy đủ và kịp thời.

Giảm thiểu rủi ro

SCB đã chủ động sử dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro đối với từng rủi ro trọng yếu.

Mức độ tập trung rủi ro

Sự tập trung rủi ro phát sinh khi một số lượng lớn các Khách hàng của SCB cùng liên quan đến một hoạt động kinh doanh, hoặc các hoạt động kinh doanh cùng trên một khu vực địa lý, hoặc có cùng các đặc điểm kinh tế là những yếu tố có thể ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán hoặc quyền lợi được thanh toán của nhóm Khách hàng khi nghĩa vụ đến hạn do ảnh hưởng của các thay đổi về kinh tế, chính trị hoặc các yếu tố khác.

Những mức độ tập trung trên phản ánh các mức độ nhạy cảm của hoạt động SCB đối với sự phát triển của một khu vực địa lý hoặc ngành nghề nhất định nào đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Để có thể giảm thiểu các rủi ro tập trung, SCB đã có các chính sách và thủ tục cần thiết bao gồm các hướng dẫn cụ thể nhằm đa dạng hóa các danh mục hoạt động. Theo đó mức độ tập trung rủi ro tín dụng sẽ được kiểm soát và quản lý. SCB cũng áp dụng các biện pháp phòng tránh rủi ro có chọn lọc đối với các ngành nghề và các yếu tố liên quan khác.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh từ việc Khách hàng vay không có khả năng trả nợ gốc và lãi như cam kết hoặc các bên đối tác không đáp ứng tuân thủ theo các điều kiện hoặc theo hợp đồng. Rủi ro tín dụng bao gồm tất cả các loại sản phẩm tài chính: các giao dịch ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như các khoản tiền gửi, cho vay, thấu chi, trái phiếu, và các tài sản có khác; và các giao dịch ghi nhận ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất như là công cụ tài chính phái sinh, thư tín dụng và thư bảo lãnh.

Quản lý rủi ro tín dụng

SCB xây dựng cơ cấu tổ chức các chức năng tín dụng dựa trên hệ thống kiểm soát và cân bằng. Các đơn vị kinh doanh được tách riêng hoàn toàn với các đơn vị phê duyệt tín dụng. SCB đã xây dựng hệ thống kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng, như sau:

- » Các đơn vị kinh doanh được tách riêng với các đơn vị quản lý rủi ro, định giá tài sản bảo đảm và phê duyệt tín dụng.
- » Các đơn vị kinh doanh đề xuất cấp tín dụng và thực hiện định giá sơ bộ tài sản bảo đảm.
- » Các đơn vị quản lý rủi ro độc lập với các đơn vị đề xuất ban đầu và thực hiện rà soát và tái thẩm định các đề xuất của đơn vị kinh doanh.
- » Ngoại trừ việc phê duyệt các giao dịch có giá trị thấp và rủi ro thấp được ủy quyền cho Giám đốc Chi nhánh, thẩm quyền phê duyệt tín dụng được tập trung tại Hội sở. Các chính sách, các quy định và quy trình liên quan đến quản lý rủi ro tín dụng đối với các rủi ro tín dụng trọng yếu được xây dựng và phê duyệt tương ứng bởi Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, bao gồm:

- Chính sách Tín dụng;
- Quy định về phân loại nợ, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng xử lý rủi ro tín dụng;
- Quy định về nhận và quản lý tài sản bảo đảm; định giá tài sản bảo đảm;
- Quy định về hệ thống xếp hạng tín dụng;
- Quy định về hạn mức rủi ro tín dụng;
- Hướng dẫn hạn mức tín dụng cho đối tác;
- Quy trình cấp tín dụng;

- Quy định về quy trình, nội dung kiểm tra và giám sát trước, trong và sau khi cấp tín dụng và cơ cấu lại thời hạn trả nợ của các khoản cấp tín dụng;
- Quy định về quản lý khoản cấp tín dụng có vấn đề; và
- Quy định về hoạt động, chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban Quản lý Rủi ro.

- » SCB sử dụng nhiều công cụ khác nhau để quản lý rủi ro tín dụng, như: thiết lập hạn mức tín dụng theo ngành, lĩnh vực kinh tế, sản phẩm, hình thức bảo đảm; xây dựng và áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ. Dữ liệu tín dụng và kết quả quản lý rủi ro tín dụng được các đơn vị quản lý rủi ro định kỳ gửi báo cáo rủi ro đến Ban Điều hành, Ủy ban Quản lý Rủi ro, Hội đồng Quản trị, báo cáo này gồm báo cáo về tăng trưởng tín dụng, chất lượng tín dụng, phân phối tín dụng theo hệ thống xếp hạng rủi ro tín dụng, dự phòng tín dụng, tín dụng có vấn đề, giám sát và soát Khách hàng, dư nợ theo ngành nghề, nhóm nợ và tập trung tín dụng.
- » Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm toán và kiểm tra thường xuyên đảm bảo sự tuân thủ và tính hiệu lực của các chính sách và quy trình nghiệp vụ.

Tài sản bảo đảm

Tài sản bảo đảm được định giá bởi một bộ phận độc lập với bộ phận kinh doanh dựa trên giá trị thị trường tại thời điểm định giá. Việc định giá tài sản bảo đảm được cập nhật định kỳ theo quy định.

Xem Thuyết minh 38 về các loại và giá trị tài sản bảo đảm nhận được từ Khách hàng. SCB chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản bảo đảm để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các tài sản bảo đảm này và chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các tài sản bảo đảm này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Các loại tài sản bảo đảm chính bao gồm bất động sản, máy móc thiết bị và giấy tờ có giá. Hướng dẫn đánh giá tài sản là động sản, bất động sản định kỳ được rà soát và cập nhật nhằm tuân thủ các quy định của NHNNVN.

Các cam kết và bảo lãnh

Để đáp ứng nhu cầu tài chính của Khách hàng, SCB phát hành các cam kết không hủy ngang và các nợ tiềm ẩn khác nhau. Các cam kết và bảo lãnh cũng được xếp hạng và phân loại rủi ro tín dụng.

Rủi ro tín dụng tập trung

Mức độ rủi ro tín dụng tập trung của SCB được quản lý theo Khách hàng, theo bộ phận địa lý và ngành nghề.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa của SCB tại ngày báo cáo, không tính đến tài sản bảo đảm, bao gồm:

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Các khoản cho vay và phải thu		
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	15.686.729	11.719.490
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác (i)	12.098.736	29.495.605
Cho vay Khách hàng – gộp (ii)	351.386.402	333.878.849
Hoạt động mua nợ – gộp	12.374	12.374
Các khoản phải thu – gộp (iii)	81.318.966	80.842.716
Các khoản lãi, phí phải thu (iii)	72.317.631	52.913.759
	532.820.838	508.862.793
Chứng khoán kinh doanh – gộp (iv)	69.971	57.226
Chứng khoán đầu tư – gộp (iv)		
Chứng khoán nợ đầu tư sẵn sàng để bán	42.588.953	28.914.798
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	38.396.890	33.413.398
	81.055.814	62.385.422
Các cam kết tín dụng – gộp		
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	576.023	264.590
Bảo lãnh vay vốn và bảo lãnh khác (iii)	6.253.228	6.169.034
Cam kết khác	13.591	1.547
	6.842.842	6.435.171
	620.719.494	577.683.386

(i) Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác của SCB chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu được giao dịch với các tổ chức tài chính có tiếng. Ban Điều hành Ngân hàng không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi và cho vay này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho SCB.

(ii) Cho vay Khách hàng

Số liệu thể hiện mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của SCB đối với các khoản cho vay Khách hàng, không tính đến tài sản đảm bảo hay hỗ trợ tín dụng, bao gồm:

Đơn vị: Triệu VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá	Quá hạn và bị giảm giá	Tổng
Các khoản cho vay				
Cho vay Khách hàng – gộp	341.918.173	1.729.815	7.738.414	351.386.402

Các khoản cho vay Khách hàng chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu là từ các Khách hàng có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với SCB.

Bảng phân tích tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá tại ngày báo cáo như sau:

Đơn vị: Triệu VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Quá hạn				Tổng
	Từ 10 đến 90 ngày	Từ 91 đến 180 ngày	Từ 181 đến 360 ngày	Trên 360 ngày	
Các khoản cho vay					
Cho vay Khách hàng – gộp	590.095	97.988	123.617	918.115	1.729.815



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Bảng phân tích tuổi nợ của các tài sản tài chính bị giảm giá tại ngày báo cáo như sau:

Đơn vị: Triệu VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Quá hạn				Tổng
	Từ 10 đến 90 ngày	Từ 91 đến 180 ngày	Từ 181 đến 360 ngày	Trên 360 ngày	
Các khoản cho vay					
Cho vay Khách hàng - gộp	657.439	552.249	432.285	6.096.441	7.738.414

(iii) Các khoản phải thu, các khoản lãi, phí phải thu, bảo lãnh vay vốn và bảo lãnh khác

SCB kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức thanh toán tương ứng với mức độ rủi ro mà SCB có thể chấp nhận được đối với mỗi Khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề. SCB đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng để có những biện pháp phù hợp nhằm kiểm soát và giảm thiểu mức độ rủi ro tín dụng đối với SCB.

(iv) Chứng khoán kinh doanh và đầu tư

SCB giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu của các tổ chức tín dụng, trái phiếu các công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán hay thị trường UPCOM. Ban Điều hành Ngân hàng cho rằng sẽ không có tổn thất tài chính trọng yếu nào có thể phát sinh từ các chứng khoán đầu tư này.

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do những biến động bất lợi và thay đổi của các nhân tố rủi ro thị trường (bao gồm lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường...) gây tác động tiêu cực đối với thu nhập và vốn của SCB.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất trên sổ Ngân hàng là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của SCB phát sinh do:

- Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất;
- Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn;
- Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau;
- Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

Phân tích tài sản và nợ phải trả theo kỳ định lại lãi suất thực tế

Kỳ định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất hoặc thời hạn đáo hạn của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích kỳ định lại lãi suất thực tế của các tài sản và nợ phải trả của SCB:

- » Tiền mặt và vàng; các công cụ tài chính phái sinh và tài sản tài chính khác; góp vốn, đầu tư dài hạn; các tài sản Có khác (bao gồm tài sản cố định và tài sản có khác) và các khoản nợ khác được xếp loại vào khoản mục không chịu lãi.
- » Tiền gửi tại NHNNVN được xếp loại vào tiền gửi thanh toán do đó kỳ định lại lãi suất thực tế được xếp loại vào khoản mục dưới một tháng.
- » Kỳ định lại lãi suất thực tế của chứng khoán nợ đầu tư được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán của từng loại chứng khoán.
- » Kỳ định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác; cho vay Khách hàng; tài sản Có khác (bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng); nợ NHNNVN; tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác và tiền gửi của Khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất hoặc phí cố định (có bản chất như lãi suất) trong suốt thời gian của hợp đồng; kỳ định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian còn lại của hợp đồng tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán.
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi; kỳ định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán.
- » Kỳ định lại lãi suất thực tế của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên năm định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Bảng sau trình bày tài sản và nợ phải trả của SCB được phân loại theo thời hạn ngắn hơn giữa kỳ định giá lại lãi suất hoặc ngày đáo hạn hợp đồng tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Đơn vị: Triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Quá hạn	Không chịu lãi	Đến 1 tháng	Từ trên 1 tháng đến 3 tháng	Từ trên 3 tháng đến 6 tháng	Từ trên 6 tháng đến 12 tháng	Từ trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Tài sản									
Tiền mặt và vàng	-	4.116.403	-	-	-	-	-	-	4.116.403
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	15.686.729	-	-	-	-	-	15.686.729
Chứng khoán kinh doanh – gộp	-	69.971	-	-	-	-	-	-	69.971
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	11.797.736	47.000	67.000	122.000	65.000	-	12.098.736
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	200.430	-	-	-	-	-	-	200.430
Cho vay Khách hàng – gộp (*)	9.468.229	-	85.831.957	52.888.989	12.997.246	100.444.077	89.755.894	10	351.386.402
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	38.332.516	-	3.257.770	1.294.338	1.549.621	8.416.237	28.162.501	81.012.983
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	26.688	-	-	-	-	-	-	26.688
Tài sản cố định	-	3.800.869	-	-	-	-	-	-	3.800.869
Tài sản Có khác – gộp (i)	3.344.116	119.025.511	1.030.225	3.303.340	35.614.139	157.108	12.803.186	3.033.924	178.311.549
Tổng tài sản (1)	12.812.345	165.572.388	114.346.647	59.497.099	49.972.723	102.272.806	111.040.317	31.196.435	646.710.760
Nợ phải trả									
Các khoản nợ NHNNVN	-	-	-	-	4.482	14.183	-	-	18.665
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	15.954.302	1.115.310	48.637	56.520	-	-	17.174.769
Tiền gửi của khách hàng	-	-	102.441.735	102.053.535	130.833.698	116.899.680	15.493.587	71	467.722.306
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	9.295.423	21.787.594	25.920.659	42.281.586	10.816.527	-	110.101.789
Các khoản nợ khác	-	22.165.175	-	-	-	-	-	-	22.165.175
Tổng nợ phải trả (2)	-	22.165.175	127.691.460	124.956.439	156.807.476	159.251.969	26.310.114	71	617.182.704
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng [(3)-(2)]	12.812.345	143.407.213	(13.344.813)	(65.459.340)	(106.834.753)	(56.979.163)	84.730.203	31.196.364	29.528.056
Mức chênh lệch cảm với lãi suất ngoại bảng (4)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội, ngoại bảng [(5)=(3)+(4)]	12.812.345	143.407.213	(13.344.813)	(65.459.340)	(106.834.753)	(56.979.163)	84.730.203	31.196.364	29.528.056

(*) Ngày đến hạn của các số dư này được phân loại dựa trên dư nợ của khoản vay thay vì dư nợ của từng Khách hàng.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Bảng dưới đây thể hiện lãi suất thực tế bình quân của những công cụ tài chính chịu lãi với thời hạn và đơn vị tiền tệ khác nhau:

Đơn vị: Triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Quá hạn	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ trên 3 đến 6 tháng	Từ trên 6 đến 12 tháng	Từ trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Tài sản							
Tiền gửi tại NHNNVN							
VND	-	0,50%	-	-	-	-	-
Ngoại tệ	-	0,04%	-	-	-	-	-
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác							
VND	-	3,49%	7,58%	6,98%	7,46%	8,37%	-
Ngoại tệ	-	0,06%	-	-	-	-	-
Cho vay Khách hàng							
VND	12,16%	14,20%	12,82%	13,32%	14,24%	11,71%	5,00%
Ngoại tệ	7,48%	3,79%	3,30%	3,44%	3,50%	-	-
Chứng khoán đầu tư							
VND	-	-	6,31%	6,29%	6,10%	5,91%	4,39%
Tài sản Có khác - gộp (i)							
VND	4,80%	8,00%	10,55%	12,63%	11,36%	11,78%	11,00%
Nợ phải trả							
Các khoản nợ NHNNVN							
VND	-	-	-	3,50%	3,50%	-	-
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác							
VND	-	1,70%	-	-	-	-	-
Ngoại tệ	-	-	2,35%	0,99%	0,55%	-	-
Tiền gửi của Khách hàng							
VND	-	6,60%	7,56%	7,28%	7,56%	6,94%	14,12%
Ngoại tệ	-	0,66%	0,57%	0,52%	1,28%	1,19%	-
Phát hành giấy tờ có giá							
VND	-	6,98%	7,10%	7,42%	7,43%	8,09%	-

(i) Bao gồm số dư gộp hoạt động mua nợ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phân tích độ nhạy với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế trong một tháng tiếp theo của SCB trong năm như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tăng/(giảm) điểm cơ bản	Ảnh hưởng tăng/(giảm) đến lợi nhuận sau thuế (trong một tháng tiếp theo) Triệu VND
+10	(453)
-10	453

Mức tăng/(giảm) điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Đồng tiền giao dịch chính của SCB là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của SCB chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD, EUR và vàng. SCB đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của từng loại tiền tệ. Trạng thái tiền tệ được quản lý hàng ngày để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Sau đây là những tỷ giá hối đoái chính được SCB áp dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

Đơn vị: VND

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	31/12/2020	31/12/2019
USD/VND	23.115	23.180
EUR/VND	28.410	25.995
XAU/VND (chì)	5.567.500	4.252.500
GBP/VND	31.570	30.420
CHF/VND	26.285	23.965
CAD/VND	18.165	17.790
AUD/VND	17.835	16.265
SGD/VND	17.530	17.210
JPY/VND	224,70	213,65

Đơn vị: Triệu VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2020	VND	USD	Vàng	EUR	Tiền tệ khác	Tổng
Tài sản						
Tiền mặt và vàng	2.822.074	293.316	65.697	97.179	838.137	4.116.403
Tiền gửi tại NHNNVN	10.374.957	5.311.772	-	-	-	15.686.729
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6.498.100	4.816.959	-	452.952	330.725	12.098.736
Chứng khoán kinh doanh – gộp	69.971	-	-	-	-	69.971
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	2.757.680	-	-	-	-	2.757.680
Cho vay Khách hàng – gộp	349.901.543	1.473.891	10.968	-	-	351.386.402
Chứng khoán đầu tư – gộp	81.012.983	-	-	-	-	81.012.983
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	26.688	-	-	-	-	26.688
Tài sản cố định	3.800.869	-	-	-	-	3.800.869
Tài sản Có khác – gộp	177.849.932	456.929	-	260	4.428	178.311.549
Tổng tài sản (1)	635.114.797	12.352.867	76.665	550.391	1.173.290	649.268.010
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu						
Các khoản nợ NHNNVN	18.665	-	-	-	-	18.665
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	17.054.302	120.467	-	-	-	17.174.769
Tiền gửi của khách hàng	454.367.247	11.719.011	-	548.103	1.087.945	467.722.306
Phát hành giấy tờ có giá	110.101.789	-	-	-	-	110.101.789
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	2.557.250	-	-	-	2.557.250
Các khoản nợ khác	22.073.097	82.098	-	2.206	7.774	22.165.175
Vốn và các quỹ	16.614.265	-	-	-	-	16.614.265
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu (2)	620.229.365	14.478.826	-	550.309	1.095.719	636.354.219
Trạng thái tiền tệ nội bảng [(3)=(1)-(2)]	14.885.432	(2.125.959)	76.665	82	77.571	12.913.791
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng (4)	8.638.488	(4.652.678)	-	(20.930)	(35.670)	3.929.210
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng [(5)=(3)+(4)]	23.523.920	(6.778.637)	76.665	(20.848)	41.901	16.843.001



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Dưới đây là bảng phân tích tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận của SCB sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo.

Đơn vị: Triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế tăng/(giảm)
USD (yếu đi 1%)	54.229
EUR (mạnh lên 9%)	(1.501)
XAU (mạnh lên 31%)	19.013

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán

Rủi ro về giá chứng khoán là rủi ro mà giá thị trường của chứng khoán giảm do việc thay đổi giá của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán phát sinh từ chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán của SCB.

Chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán của SCB chịu ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. SCB quản lý rủi ro giá chứng khoán bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán của SCB là không đáng kể do SCB nắm giữ danh mục chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán không đáng kể tại ngày báo cáo.

(d) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro SCB không thể thực hiện thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn; hoặc SCB có khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của SCB. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, SCB huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của SCB, đồng thời hằng ngày theo dõi, đánh giá, dự phóng giá trị tài sản có tính thanh khoản cao và dòng tiền dự kiến. Ngoài ra, SCB cũng đánh giá khả năng sẵn có của tài sản bảo đảm hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời hạn còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả của SCB:

- » Tiền gửi tại NHNNVN được xếp vào loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi của Khách hàng theo quy định của NHNNVN trong từng thời kỳ.
- » Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản/nợ phải trả tài chính khác và các khoản cho vay Khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn.
- » Thời gian đến hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán.
- » Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là từ trên 1 năm đến 5 năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định và SCB có ý định nắm giữ lâu dài.
- » Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.
- » Các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản tiền gửi của Khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản tiền gửi thanh toán từ các tổ chức tín dụng khác và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của Khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Dưới đây là bảng phân tích tài sản và nợ phải trả của SCB theo nhóm dựa trên thời gian còn lại tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày đáo hạn. Trên thực tế, thời gian đáo hạn của tài sản và nợ phải trả có thể khác với cam kết, tùy thuộc vào các phụ lục hợp đồng được ký.

Đơn vị: Triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Quá hạn		Trong hạn					Tổng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ trên 1 tháng đến 3 tháng	Từ trên 3 tháng đến 12 tháng	Từ trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	-	4.116.403	-	-	-	-	4.116.403
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	15.686.729	-	-	-	-	15.686.729
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	11.538.431	-	405.305	155.000	-	12.098.736
Chứng khoán kinh doanh – gộp	-	-	69.971	-	-	-	-	69.971
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	200.430	-	-	-	200.430
Cho vay Khách hàng – gộp (*)	8.504.085	964.144	42.511.673	17.597.826	146.264.458	73.400.070	62.144.146	351.386.402
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	-	42.616.093	-	50.000	18.126.887	20.220.003	81.012.983
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	26.688	-	26.688
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	3.800.869	3.800.869
Tài sản Có khác – gộp (i)	3.344.116	-	37.883.116	2.034.227	28.427.492	96.973.283	9.649.315	178.311.549
Tổng tài sản (1)	11.848.201	964.144	154.422.416	19.832.483	175.147.255	188.681.928	95.814.333	646.710.760
Nợ phải trả								
Các khoản nợ NHNNVN	-	-	-	-	18.665	-	-	18.665
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	15.954.302	1.115.310	105.157	-	-	17.174.769
Tiền gửi của khách hàng	-	-	102.441.735	102.053.535	247.733.378	15.493.587	71	467.722.306
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	9.295.423	21.787.594	68.202.245	746.527	10.070.000	110.101.789
Các khoản nợ khác	-	-	3.614.534	6.074.993	11.801.695	126.789	547.164	22.165.175
Tổng nợ phải trả (2)	-	-	131.305.994	131.031.432	327.861.140	16.366.903	10.617.235	617.182.704
Mức chênh thanh khoản ròng [(3)=(1)-(2)]	11.848.201	964.144	23.116.422	(111.198.949)	(152.713.885)	172.315.025	85.197.098	29.528.056



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Song song với việc quản lý rủi ro thanh khoản theo thang đo hạn như trên, Ngân hàng đặt trọng tâm thực hiện quản lý rủi ro thanh khoản theo phương pháp thanh khoản động với việc đo lường và kiểm soát chặt chẽ tỷ lệ tái tục tiền gửi của Khách hàng. Ngân hàng đã thiết lập hạn mức cảnh báo đối với tỷ lệ tái tục tiền gửi để đảm bảo tỷ lệ này được kiểm soát theo mục tiêu của Ngân hàng. Chi tiết rủi ro thanh khoản của Ngân hàng được quản lý theo tỷ lệ tái tục tiền gửi của Khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Đơn vị: Triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Quá hạn		Trong hạn					Tổng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ trên 1 tháng đến 3 tháng	Từ trên 3 tháng đến 12 tháng	Từ trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	-	4.116.403	-	-	-	-	4.116.403
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	15.686.729	-	-	-	-	15.686.729
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	11.538.431	-	405.305	155.000	-	12.098.736
Chứng khoán kinh doanh – gộp	-	-	69.971	-	-	-	-	69.971
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	200.430	-	-	-	200.430
Cho vay Khách hàng – gộp (*)	8.504.085	964.144	42.511.673	17.597.826	146.264.458	73.400.070	62.144.146	351.386.402
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	-	42.616.093	-	50.000	18.126.887	20.220.003	81.012.983
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	-	-	-	-	26.688	-	26.688
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	3.800.869	3.800.869
Tài sản Có khác – gộp (i)	3.344.116	-	37.883.116	2.034.227	28.427.492	96.973.283	9.649.315	178.311.549
Tổng tài sản (1)	11.848.201	964.144	154.422.416	19.832.483	175.147.255	188.681.928	95.814.333	646.710.760
Nợ phải trả								
Các khoản nợ NHNNVN	-	-	-	-	18.665	-	-	18.665
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	15.954.302	1.115.310	105.157	-	-	17.174.769
Tiền gửi của khách hàng	-	-	45.759.361	24.317.038	98.865.518	298.780.318	71	467.722.306
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	9.295.423	21.787.594	68.202.245	746.527	10.070.000	110.101.789
Các khoản nợ khác	-	-	3.614.534	6.074.993	11.801.695	126.789	547.164	22.165.175
Tổng nợ phải trả (2)	-	-	74.623.620	53.294.935	178.993.280	299.653.634	10.617.235	617.182.704
Mức chênh thanh khoản ròng [(3)=(1)-(2)]	11.848.201	964.144	79.798.796	(33.462.452)	(3.846.025)	(110.971.706)	85.197.098	29.528.056

(*) Các số dư này được phân loại theo dư nợ gốc của từng Khách hàng thay vì khoản vay.

(i) Bao gồm số dư gộp hoạt động mua nợ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(e) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày báo cáo như sau:

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020		31/12/2019	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	200.430	(*)	75.390	(*)
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác	30.922.471	(*)	26.508.128	(*)
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
Tiền mặt và vàng	4.116.403	4.116.403	3.399.135	3.399.135
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	15.686.729	15.686.729	11.719.490	11.719.490
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	12.098.736	(*)	29.495.605	(*)
Cho vay Khách hàng	348.053.170	(*)	330.940.748	(*)
Hoạt động mua nợ	11.755	(*)	11.755	(*)
Các khoản phải thu	79.231.324	(*)	79.202.954	(*)
Các khoản lãi, phí phải thu	72.317.631	(*)	52.913.759	(*)
<i>Được phân loại là chứng khoán kinh doanh:</i>				
Cổ phiếu có giá niêm yết	46.091	53.822	46.044	46.044
Cổ phiếu không giá niêm yết	19.962	(*)	429	(*)

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020		31/12/2019	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
<i>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:</i>				
Trái phiếu Chính phủ có giá niêm yết	13.357.068	14.213.941	7.046.268	7.679.183
Cổ phiếu không có giá niêm yết	27.140	(*)	27.140	(*)
Trái phiếu Chính phủ không có giá niêm yết	28.474.645	(*)	19.867.973	(*)
Trái phiếu do các tổ chức trong nước phát hành không có giá niêm yết	744.402	(*)	1.985.264	(*)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	25.565	(*)	26.303	(*)
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
Các khoản nợ NHNNVN	(18.665)	(*)	(24.110)	(*)
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	(17.174.769)	(*)	(45.812.297)	(*)
Tiền gửi của Khách hàng	(467.722.306)	(*)	(438.287.293)	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	(110.101.789)	(*)	(49.804.252)	(*)
Các khoản lãi, phí phải trả	(15.704.283)	(*)	(12.531.319)	(*)
Các khoản phải trả và công nợ khác	(6.276.169)	(*)	(4.674.686)	(*)

(*) SCB chưa xác định được giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính này.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

43. BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Báo cáo bộ phận chính yếu

Thông tin báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của SCB được trình bày như sau:

Đơn vị: Triệu VND

	Năm kết thúc ngày 31/12/2020				
	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Loại trừ	Tổng
Doanh thu					
1. Doanh thu lãi	17.659.437	2.909.722	121.146.137	(99.116.222)	42.599.074
<i>Doanh thu lãi từ Khách hàng bên ngoài</i>	609.029	478.964	41.511.081	-	42.599.074
<i>Doanh thu lãi nội bộ</i>	17.050.408	2.430.758	79.635.056	(99.116.222)	-
2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	172.320	52.824	2.997.801	-	3.222.945
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	13.531	330	789.712	-	803.573
Chi phí					
1. Chi phí lãi	(15.616.081)	(2.526.233)	(120.063.180)	99.116.222	(39.089.272)
<i>Chi phí lãi cho Khách hàng bên ngoài</i>	(15.025.369)	(2.136.291)	(21.927.612)	-	(39.089.272)
<i>Chi phí lãi nội bộ</i>	(590.712)	(389.942)	(98.135.568)	99.116.222	-
2. Chi phí khấu hao tài sản cố định	(7.723)	(3.045)	(200.484)	-	(211.252)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(867.485)	(194.891)	(4.833.579)	-	(5.895.955)
Kết quả hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	1.353.999	238.707	(163.593)	-	1.429.113
Chi phí dự phòng rủi ro	(12.398)	20.352	(1.345.833)	-	(1.337.879)
Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận trước thuế TNDN	1.341.601	259.059	(1.509.426)	-	91.234

Đơn vị: Triệu VND

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020				
	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Loại trừ	Tổng
Tài sản	7.303.948	6.095.011	620.398.010	-	633.796.969
Tiền mặt và vàng	503.267	150.610	3.462.526	-	4.116.403
Tài sản cố định	25.559	9.360	3.765.950	-	3.800.869
Tài sản khác	6.775.122	5.935.041	613.169.534	-	625.879.697
Nợ phải trả	(224.796.158)	(31.919.215)	(360.467.331)	-	(617.182.704)
Nợ phải trả Khách hàng bên ngoài	(217.228.143)	(31.047.274)	(346.742.112)	-	(595.017.529)
Nợ phải trả nội bộ	(113)	-	(361.074)	-	(361.187)
Nợ phải trả khác	(7.567.902)	(871.941)	(13.364.145)	-	(21.803.988)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Đơn vị: Triệu VND

	Năm kết thúc ngày 31/12/2019				
	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Loại trừ	Tổng
Doanh thu					
1. Doanh thu lãi	14.769.737	2.257.896	112.374.911	(89.820.804)	39.581.740
Doanh thu lãi từ Khách hàng bên ngoài	605.566	364.756	38.611.418	-	39.581.740
Doanh thu lãi nội bộ	14.164.171	1.893.140	73.763.493	(89.820.804)	-
2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	119.182	51.140	2.254.913	-	2.425.235
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	56.214	17.385	603.077	-	676.676
Chi phí					
1. Chi phí lãi	(12.758.125)	(1.938.986)	(110.676.211)	89.820.804	(35.552.518)
Chi phí lãi cho Khách hàng bên ngoài	(12.187.948)	(1.605.374)	(21.759.196)	-	(35.552.518)
Chi phí lãi nội bộ	(570.177)	(333.612)	(88.917.015)	89.820.804	-
2. Chi phí khấu hao tài sản cố định	(11.136)	(2.052)	(220.887)	-	(234.075)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(749.290)	(161.204)	(3.393.217)	-	(4.303.711)
Kết quả hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	1.426.582	224.179	942.586	-	2.593.347
Chi phí dự phòng rủi ro	(60.771)	(27.165)	(2.285.042)	-	(2.372.978)
Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận trước thuế TNDN	1.365.811	197.014	(1.342.456)	-	220.369

Đơn vị: Triệu VND

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019				
	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Loại trừ	Tổng
Tài sản	6.984.849	3.635.380	557.374.559	(81.594)	567.913.194
Tiền mặt và vàng	471.820	102.369	2.824.946	-	3.399.135
Tài sản cố định	18.024	7.001	3.825.780	-	3.850.805
Tài sản khác	6.495.005	3.526.010	550.723.833	(81.594)	560.663.254
Nợ phải trả	(172.940.193)	(21.258.271)	(357.148.439)	81.594	(551.265.309)
Nợ phải trả Khách hàng bên ngoài	(167.294.841)	(20.698.829)	(345.934.282)	-	(533.927.952)
Nợ phải trả nội bộ	(4)	-	(313.837)	-	(313.841)
Nợ phải trả khác	(5.645.348)	(559.442)	(10.900.320)	81.594	(17.023.516)

(b) Báo cáo bộ phận thứ yếu

SCB chủ yếu hoạt động kinh doanh trong một lĩnh vực Ngân hàng thương mại.

44. CAM KẾT

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, SCB có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	138.726	196.449



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

cho năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(b) Cam kết thuê

Tại ngày báo cáo, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2020	31/12/2019
Đến một năm	348.553	203.656
Trên một đến năm năm	980.757	435.252
Trên năm năm	530.932	89.357
	1.860.242	728.265

45. CÁC KHOẢN MỤC BẤT THƯỜNG

Trong năm 2020, nền kinh tế và xã hội Việt Nam chịu ảnh hưởng lớn của đại dịch Covid-19.

Đại dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 1 năm 2020. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn, trong đó có việc thực hiện cách ly xã hội từ ngày 1 tháng 4 năm 2020. Từ ngày 23 tháng 4 năm 2020, Việt Nam cơ bản đã dừng cách ly xã hội và các hoạt động kinh tế, xã hội trong nước đã dần quay lại trạng thái bình thường. Tuy nhiên, số ca lây nhiễm trên toàn thế giới vẫn tiếp tục gia tăng. Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau.

Nhìn chung, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ban Điều hành Ngân hàng đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của SCB có bị ảnh hưởng nhưng không quá trọng yếu. Tuy nhiên, do diễn biến phức tạp và khó dự đoán của Covid-19, Ban Điều hành chưa đưa ra được đánh giá chính xác về ảnh hưởng của Covid-19 đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của SCB trong thời gian tới.

46. SỐ LIỆU SO SÁNH

Thông tin so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của SCB tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

47. CÁC SỰ KIỆN SAU NIÊN ĐỘ

Ngày 2 tháng 4 năm 2021, NHNNVN đã ban hành Thông tư 03/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Thống đốc NHNNVN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ Khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 ("Thông tư 03"). Thông tư 03 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 5 năm 2021. Theo đó, tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài thực hiện trích lập số tiền dự phòng cụ thể đối với toàn bộ dư nợ được giữ nguyên nhóm nợ của Khách hàng, cụ thể, số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung là số tiền chênh lệch giữa dự phòng cụ thể phải trích lập đối với toàn bộ dư nợ Khách hàng nếu không cơ cấu lại và số trích lập trên dư nợ được cơ cấu của Khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Tỷ lệ trích lập này sẽ phải đạt tối thiểu 30% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung, muộn nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2021, và tăng lên tối thiểu 60% và 100% lần lượt tại cuối năm 2022 và 2023. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành Ngân hàng chưa đánh giá ảnh hưởng của Thông tư 03 đến báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 4 tháng 5 năm 2021

Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Giám đốc Chính sách và
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát

Nguyễn Văn Hùng

Phó Tổng Giám đốc kiêm
Kế toán trưởng



Người phê duyệt

Chen Yi Chung

Quyển Tổng Giám đốc



ĐỊA ĐIỂM
VÀ MẠNG LƯỚI
CỦA SCB



ĐỊA ĐIỂM VÀ MẠNG LƯỚI CỦA SCB

STT	CHI NHÁNH	PHÒNG GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	SỐ ĐIỆN THOẠI
0	Hội sở		Tầng trệt, Tầng lửng, Tầng 1 đến Tầng 8 của Tòa nhà tại địa chỉ số 19-21-23-25 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	028.22228686
KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH				
1	Chi nhánh Tân Phú		Số 192 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM	028.39738792
2		Phòng giao dịch Lê Đại Hành	Số 219-221 Lê Đại Hành, Phường 13, Quận 11, TP.HCM	028.39606066
3		Phòng giao dịch Nguyễn Chí Thanh	Số 463-465 Nguyễn Chí Thanh, Phường 15, Quận 5, TP.HCM	028.39562434
4		Phòng giao dịch Tân Phước	Số 187 Lý Thường Kiệt, Phường 07, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh	028.39553391
5		Phòng giao dịch Quận 11	Số 1337-1339 Đường 3/2, Phường 16, Quận 11, TP.HCM	028.39609371
6		Phòng giao dịch Lữ Gia	Số 113 Nguyễn Thị Nhỏ, Phường 9, Quận Tân Bình, TP.HCM	028.38687175
7		Phòng giao dịch Lê Văn Quới	Số 246 Lê Văn Quới, Khu phố 16, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân, TP.HCM	028.62610277
8		Phòng giao dịch Nhật Tảo	Số 345 Nguyễn Tri Phương, Phường 5, Quận 10, TP.HCM	028.62645371
9	Chi nhánh 20/10		Số 221 Khánh Hội, Phường 3, Quận 4, TP.HCM	028.39414372
10		Phòng giao dịch Nam Sài Gòn	Số 51 Khu dân cư Phú Long, Phân khu số 8, đường Nguyễn Hữu Thọ, Ấp 5, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, TP.HCM	028.38724373
11		Phòng giao dịch Mỹ Toàn	Số 988 Nguyễn Văn Linh, khu phố 3, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM	028.54123491
12		Phòng giao dịch Phú Mỹ Hưng	Số 1401-1403 khu phố Mỹ Toàn 2 - H4, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM	028.54122680
13		Phòng giao dịch Phú Mỹ	Số 679-681 Huỳnh Tấn Phát, Phường Phú Thuận, Quận 7, TP.HCM	028.37733770
14		Phòng giao dịch Quận 7	Số 470 Nguyễn Thị Thập, Phường Tân Quy, Quận 7, TP.HCM	028.37712014

STT	CHI NHÁNH	PHÒNG GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	SỐ ĐIỆN THOẠI
15		Phòng giao dịch Quận 4	Số 23 Hoàng Diệu, Phường 12, Quận 4, TP.HCM	028.39435732
16		Phòng giao dịch Trung Sơn	Số 273 - 275 Đường 9A, Khu dân cư Trung Sơn, ấp 4B, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, TP.HCM	028.54318298
17	Chi nhánh Đông Sài Gòn		Số 1264A2 và 1264A3 đường Kha Vạn Cân, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP.HCM	028.36369142
18		Phòng giao dịch Thủ Đức	Số 705 Kha Vạn Cân, Khu phố 3, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, TP.HCM	028.37205156
19		Phòng giao dịch Quận 9	Số 221 Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, TP.HCM	028.37309746
20		Phòng giao dịch Võ Văn Ngân	Số 96-96A Võ Văn Ngân, Khu phố 1, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM	028.37228486
21		Phòng giao dịch Đỗ Xuân Hợp	Số 359E đường Đỗ Xuân Hợp, Dự án khu nhà ở Phước Long B, phường Phước Long B, Quận 9, TP.HCM	028.36208564
22	Chi nhánh Bến Thành		50 Bis - 52 và 46/10 Phạm Hồng Thái, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM	028.38279797
23		Phòng giao dịch Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Tầng trệt, tầng lửng nhà số 225 Bis Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3, TP.HCM	028.38480139
24		Phòng giao dịch Trần Nãi	Số 58A Trần Nãi, Phường Bình An, Quận 2, TP.HCM	028.62607042
25		Phòng giao dịch Nguyễn Công Trứ	Số 50-52 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM	028.38212563
26		Phòng giao dịch Quận 2	Số 14Q, Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM	028.62872202
27		Phòng giao dịch Nguyễn Duy Trinh	Số 210A-210B đường Nguyễn Duy Trinh, Phường Bình Trưng Tây, Quận 2, TP.HCM	028.37425412
28	Chi nhánh Bình Tây		Số 492 - 494 đường Hồng Bàng và số 3/9 đường Lò Siêu, Phường 16, Quận 11, TP.HCM	028.62931378
29		Phòng giao dịch Minh Phụng	Số 447-449 Minh Phụng, Phường 10, Quận 11, TP.HCM	028.39637973
30		Phòng giao dịch Tạ Uyên	Số 167 Tạ Uyên, Phường 4, Quận 11, TP.HCM	028.39559907



ĐỊA ĐIỂM VÀ MẠNG LƯỚI CỦA SCB

STT	CHI NHÁNH	PHÒNG GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	SỐ ĐIỆN THOẠI
31		Phòng giao dịch Phạm Phú Thứ	Số 239 Phạm Văn Chí, Phường 3, Quận 6, TP.HCM	028.38542706
32		Phòng giao dịch Bà Hom	Số 106A Bà Hom, Phường 13, Quận 6, TP.HCM	028.38170075
33		Phòng giao dịch An Lạc	Số 485-487 Kinh Dương Vương, Khu phố 6, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP.HCM	028.62641616
34		Phòng giao dịch Cây Gõ	Số 176B Hậu Giang, Phường 6, Quận 6, TP.HCM	028.62988227
35	Chi nhánh Chợ Lớn		Số 76-78-80 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, TP.HCM	028.39520840
36		Phòng giao dịch Phạm Hùng	Số 366 Phạm Hùng, Phường 5, Quận 8, TP.HCM	028.38505580
37		Phòng giao dịch Bình Chánh	A8/9 Quốc lộ 50, ấp 2, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, TP.HCM	028.37580843
38		Phòng giao dịch Châu Văn Liêm	Số 44-46 Châu Văn Liêm, Phường 10, Quận 5, TP.HCM	028.39509023
39		Phòng giao dịch Ngô Quyền	Số 92 Ngô Quyền, Phường 7, Quận 5, TP.HCM	028.39520685
40		Phòng giao dịch Quận 8	Số 481 và một phần tầng trệt, một phần tầng 1 nhà số 483 Tùng Thiện Vương, Phường 12, Quận 8, TP.HCM	028.39515705
41		Phòng giao dịch Quận 6	Số 23-24 Lô Q Cư xá Phú Lâm D, Bình Phú, Phường 10, Quận 6, TP.HCM	028.37554012
42		Phòng giao dịch Hậu Giang	Số 1075 Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, TP.HCM	028.37555913
43		Phòng giao dịch Tân Tạo	Số 303 đường số 7, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP.HCM	028.38778930
44		Phòng giao dịch Kinh Dương Vương	Số 36A Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, TP.HCM	028.38170377
45		Phòng giao dịch Bình Phú	Tầng trệt và tầng 1 căn nhà số 107-109 Hậu Giang, Phường 5, Quận 6, TP.HCM	028.62931722
46		Phòng giao dịch Tên Lửa	Số 72 Đường số 1, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP.HCM	028.62691316
47	Chi nhánh Cống Quỳnh		Số 242 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM	028.39206501

STT	CHI NHÁNH	PHÒNG GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	SỐ ĐIỆN THOẠI
48		Phòng giao dịch Võ Văn Tần	Số 432 Võ Văn Tần, Phường 5, Quận 3, TP.HCM	028.38181966
49		Phòng giao dịch Minh Khai	Số 316-318 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 4, Quận 3, TP.HCM	028.39293470
50		Phòng giao dịch Lý Thái Tổ	Số 11 Lý Thái Tổ, Phường 1, Quận 10, TP.HCM	028.38300042
51		Phòng giao dịch Cô Giang	Số 193-203 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1, TP.HCM	028.39206502
52	Chi nhánh Củ Chi		Số 294 tỉnh lộ 8, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, TP.HCM	028.37925286
53		Phòng giao dịch Tây Sài Gòn	Số 851 Quốc lộ 22, Khu phố 5, Thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, TP.HCM	028.38921234
54	Chi nhánh Gia Định		Số 101 đường Hoàng Văn Thụ, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.HCM	028.38455770
55		Phòng giao dịch Nguyễn Kiệm	Số 402B Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Phú Nhuận, TP.HCM	028.39956270
56		Phòng giao dịch Bà Chiểu	Số 62-64 Phan Đăng Lưu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP.HCM	028.35510886
57		Phòng giao dịch Lê Quang Định	Số 53-55 Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	028.35512956
58		Phòng giao dịch Nguyễn Thái Sơn	Số 442 đường Nguyễn Thái Sơn, Phường 5, Quận Gò Vấp, TP.HCM	028.35886989
59		Phòng giao dịch Nơ Trang Long	Số 170V-170X đường Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	028.35515327
60		Phòng giao dịch Hoàng Minh Giám	Số 32A – 34A đường Nguyễn Thái Sơn, Phường 03, Quận Gò Vấp, TP.HCM	028.39940286
61		Phòng giao dịch Bình Thạnh	Số 452 Lê Quang Định, Phường 11, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	028.35157038
62		Phòng giao dịch Văn Lang	Một phần căn nhà số 311 và số 313 đường Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP.HCM	028.39899362
63		Phòng giao dịch Nguyễn Oanh	Số 75-77 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP.HCM	028.39899539
64	Chi nhánh Hóc Môn		Số 152/2 - 152/3 Nguyễn Ảnh Thủ, xã Trung Chánh, Huyện Hóc Môn, TP.HCM	028.37186820



ĐỊA ĐIỂM VÀ MẠNG LƯỚI CỦA SCB

STT	CHI NHÁNH	PHÒNG GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	SỐ ĐIỆN THOẠI
65		Phòng giao dịch Lam Sơn	Số 23; 38/4A và 25 đường Lý Thường Kiệt, Thị trấn Hóc Môn, Huyện Hóc Môn, TP.HCM	028.37106425
66		Phòng giao dịch Nguyễn Ảnh Thủ	Số 192 Ấp Đông, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.HCM	028.37185660
67		Phòng giao dịch Gò Vấp	Số 624-626 Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP.HCM	028.39897346
68		Phòng giao dịch An Hội	Số 789 Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP.HCM	028.38311505
69		Phòng giao dịch Lê Đức Thọ	Số 577 (Số cũ 525) Lê Đức Thọ, Phường 16, Quận Gò Vấp, TP.HCM	028.39164006
70		Phòng giao dịch Hiệp Thành	Số 22A Nguyễn Ảnh Thủ, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP.HCM	028.37179927
71	Chi nhánh Phạm Ngọc Thạch		Số 53 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP.HCM	028.38243395
72		Phòng giao dịch Quận 10	Số 97A đường 3 tháng 2, Phường 11, Quận 10, TP.HCM	028.38339576
73		Phòng giao dịch Nguyễn Thông	Số 69 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, TP.HCM	028.35264211
74		Phòng giao dịch Hoàng Sa	Tầng trệt và tầng lửng, số 921 - 923 đường Hoàng Sa, Phường 11, Quận 3, TP.HCM	028.35262013
75		Phòng giao dịch Quận 3	Số 188 Cách Mạng Tháng 8, Phường 10, Quận 3, TP.HCM	028.35261035
76		Phòng giao dịch Thành Thái	Số 245 Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, TP.HCM	028.39797416
77		Phòng giao dịch 3 Tháng 2	Số 310-312 đường 3 tháng 2, Phường 12, Quận 10, TP.HCM	028.38683924
78	Chi nhánh Phú Đông		Số 98B Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.HCM	028.39977509
79		Phòng giao dịch Phú Nhuận	Số 176 Phan Đình Phùng, Phường 2, Quận Phú Nhuận, TP.HCM	028.39954407
80		Phòng giao dịch Phan Xích Long	Số 159 (số cũ 182) Phan Xích Long, Phường 02, Quận Phú Nhuận, TP.HCM	028.38434541
81		Phòng giao dịch Huỳnh Văn Bánh	Số 319 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM	028.38423381

STT	CHI NHÁNH	PHÒNG GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	SỐ ĐIỆN THOẠI
82		Phòng giao dịch Lê Văn Sỹ	Số 185 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận Phú Nhuận, TP.HCM	028.39910798
83		Phòng giao dịch Bắc Hải	Số 757 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 6, Quận Tân Bình, TP.HCM	028.39770418
84	Chi nhánh Tân Bình		Số 341 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP.HCM	028.38108986
85		Phòng giao dịch Trường Chinh	Số 318 Trường Chinh, Phường 13, Quận Tân Bình, TP.HCM	028.38122483
86		Phòng giao dịch Phạm Văn Hai	Số 91K (91A8) Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, TP.HCM	028.39919351
87		Phòng giao dịch An Sương	Số 301 (số cũ 135/3) Trường Chinh, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM	028.62561145
88		Phòng giao dịch Tân Sơn Nhì	Số 211 Tân Sơn Nhì, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, TP.HCM	028.62692418
89		Phòng giao dịch Tân Sơn Nhất	Số 119G-119H, Khu GM, Phổ Quang, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP.HCM	028.62968557
90		Phòng giao dịch Trương Vĩnh Ký	Số 186 Trương Vĩnh Ký, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, TP.HCM	028.38496052
91		Phòng giao dịch Tây Thạnh	Số 190 đường Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM	028.38162067
92		Phòng giao dịch Nguyễn Sơn	Số 334 Nguyễn Sơn, Phường Phú Thọ Hòa, Quận Tân Phú, TP.HCM	028.62673223
93	Chi nhánh Tân Định		Số 346 - 348 Hai Bà Trưng, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM	028.38207853
94		Phòng giao dịch Trần Quang Khải	Số 170 Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM	028.35268871
95		Phòng giao dịch Đinh Tiên Hoàng	Số 41 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	028.35174503
96		Phòng giao dịch Xô Viết Nghệ Tĩnh	Số 298 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 21, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	028.35127704
97		Phòng giao dịch Thanh Đa	Số 774 (số cũ 632) Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	028.35119618
98		Phòng giao dịch Điện Biên Phủ	Số 261-263 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	028.35127494



ĐỊA ĐIỂM VÀ MẠNG LƯỚI CỦA SCB

STT	CHI NHÁNH	PHÒNG GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	SỐ ĐIỆN THOẠI
99		Phòng giao dịch Thị Nghè	Số 147 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	028.38408731
100		Phòng giao dịch Hàng Xanh	Số 87 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	028.35142960
101		Phòng giao dịch Đinh Bộ Lĩnh	Số 121 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	028.38997791
102		Phòng giao dịch Văn Thánh	Số 86 đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	028.38997958
103	Chi nhánh Thống Nhất		Số 340H-K và số 342 đường Hoàng Văn Thụ, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.HCM	028.38441653
104		Phòng giao dịch Tân Hương	Số 263-265 Tân Hương, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, TP.HCM	028.39713275
105		Phòng giao dịch Chí Linh	Số 1112-1114 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.HCM	028.38691071
106		Phòng giao dịch Âu Cơ	Số 429 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP.HCM	028.39752191
107		Phòng giao dịch Lý Thường Kiệt	Số 85 và một phần tầng trệt căn nhà số 87 (số mới 450) Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận Tân Bình, TP.HCM	028.39717806
108		Phòng giao dịch Bảy Hiền	Số 783-785 Lạc Long Quân và một phần tầng trệt của căn nhà 781/2-781/4 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận Tân Bình, TP.HCM	028.39771286
109		Phòng giao dịch Âu Lạc	Số 304 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, TP.HCM	028.39753696
110		Phòng giao dịch Bàu Cát	Số 896 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP.HCM	028.38132095
111		Phòng giao dịch Lũy Bán Bích	Tầng 1, 2, 3 căn nhà số 595-597 Lũy Bán Bích, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM	028.39721348
112	Chi nhánh Sài Gòn		Tầng trệt, tầng 1 cao ốc Văn phòng Fico, số 927 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, TP.HCM	028.39230666
113		Phòng giao dịch Nhà Rong	Số 119-121 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP.HCM	028.39142526
114		Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo	Số 715 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, TP.HCM	028.38383192
115		Phòng giao dịch Ngô Gia Tự	Số 228-230 Ngô Gia Tự, Phường 4, Quận 10, TP.HCM	028.38337542

STT	CHI NHÁNH	PHÒNG GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	SỐ ĐIỆN THOẠI
116		Phòng giao dịch An Đông Plaza	Tầng trệt, Trung tâm thương mại An Đông Plaza, số 18 An Dương Vương, Phường 9, Quận 5, TP.HCM	028.38303850
KHU VỰC THÀNH PHỐ HÀ NỘI				
117	Chi nhánh Cầu Giấy		Số 9+10, Lô 12B Trung Yên, phố Trung Hòa, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội	024.37834609
118		Phòng giao dịch Tây Cầu Giấy	Số 247 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội.	024.37675570
119		Phòng giao dịch Hà Đông	Tầng 1 và tầng 2 nhà liền kề LK11A-02 Khu đô thị mới Mỗ Lao, Phường Mỗ Lao, Quận Hà Đông, TP.Hà Nội	024.37557979
120		Phòng giao dịch Nguyễn Khánh Toàn	Số 16 Nguyễn Khánh Toàn, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội	024.62711685
121		Phòng giao dịch Lạc Long Quân	Số 117 đường Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội	024.62821686
122		Phòng giao dịch Vũ Trọng Phụng	Số 106 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, TP.Hà Nội	024.37586511
123		Phòng giao dịch Mỹ Đình	Tầng 1, tầng 2 số 24-A1 đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội	024.32262401
124		Phòng giao dịch Nguyễn Thị Định	Số 43 Nguyễn Thị Định, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội	024.35558540
125		Phòng giao dịch Hoàng Quốc Việt	Số 156 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội	024.62692763
126	Chi nhánh Hà Nội		Số 214 Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội	024.62732073
127		Phòng giao dịch Văn Cao	Số 65 Văn Cao, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội	024.37227453
128		Phòng giao dịch Tây Sơn	Số 60-62-64-66-68 Tây Sơn, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội	024.35114912
129		Phòng giao dịch Láng Hạ	Số 35-37 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội	024.35140971
130		Phòng giao dịch Thanh Xuân	Số 167 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, TP.Hà Nội	024.35575225



ĐỊA ĐIỂM VÀ MẠNG LƯỚI CỦA SCB

STT	CHI NHÁNH	PHÒNG GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	SỐ ĐIỆN THOẠI
131		Phòng giao dịch Kim Liên	Số 318 Xã Đàn, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội	024.62706686
132		Phòng giao dịch Nguyễn Trãi	Số 183 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, TP.Hà Nội	024.62721686
133		Phòng giao dịch Tôn Đức Thắng	Số 75 Tôn Đức Thắng, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội	024.62606266
134		Phòng giao dịch Ngọc Hà	Tầng trệt và tầng 1 căn nhà số 50A+52+54 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội	024.37228240
135		Phòng giao dịch Lê Trọng Tấn	Số 14 Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, TP.Hà Nội	024.62857324
136		Phòng giao dịch Nguyễn Thái Học	Số 96 + 96B Nguyễn Thái Học, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội	024.37368797
137	Chi nhánh Hai Bà Trưng		Số 37 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội	024.39438732
138		Phòng giao dịch Thành Công	Tầng 1 (tầng trệt) tòa nhà Ford Thăng Long, số 105 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội	024.37475415
139		Phòng giao dịch Thanh Nhân	Tầng 1, tầng lửng, tầng 2 và tầng 3 nhà số 615-617 phố Kim Ngưu, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	024.36368046
140		Phòng giao dịch Trần Quốc Tuấn	Tầng 1, khu A, tòa nhà số 141 Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội	024.39335341
141		Phòng giao dịch Phương Mai	Một phần tầng 1, tầng 2 và tầng 3 nhà số 75 Phương Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội	024.32222842
142		Phòng giao dịch Bạch Mai	Tầng 2 và tầng 3 căn nhà số 361 Bạch Mai, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội	024.32202476
143		Phòng giao dịch Ngô Thì Nhậm	Số 44 Ngô Thì Nhậm, Phường Ngô Thì Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội	024.62701686
144		Phòng giao dịch Trần Khát Chân	Số 482 Trần Khát Chân, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội	024.62722266
145		Phòng giao dịch Kim Đồng	Số 23-25 Kim Đồng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, TP.Hà Nội	024.62710686
146	Chi nhánh Thăng Long		Số 19-21-23 đường Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội	024.35190151
147		Phòng giao dịch Ba Đình	Số 14 phố Nguyễn Biểu, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội	024.37345579

STT	CHI NHÁNH	PHÒNG GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	SỐ ĐIỆN THOẠI
148		Phòng giao dịch Hoàn Kiếm	Tầng 1 và tầng 2 nhà số 49 Phố Đường Thành, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội	024.39232918
149		Phòng giao dịch Long Biên	Số 409 Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, TP.Hà Nội	024.38737128
150		Phòng giao dịch Hàng Gà	Số 53 Hàng Gà, Phường Hàng Bồ, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội	024.62722686
151		Phòng giao dịch Chương Dương	Tầng 1, tầng lửng và tầng 2 nhà số 83 Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, TP.Hà Nội.	024.62721867
152		Phòng giao dịch Bạch Đằng	Tầng 1, tầng 2 và tầng 3 nhà số 07 Trần Khánh Dư, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội	024.62709996
153		Phòng giao dịch Lý Nam Đế	Tầng 1, tầng 2, tầng 3 nhà số 36B/1 phố Lý Nam Đế, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội	024.62722866
KHU VỰC DUYÊN HẢI BẮC BỘ				
154	Chi nhánh Bắc Ninh		Số 316 Trần Hưng Đạo, Phường Đại Phúc, TP.Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	0222.3856736
155		Phòng giao dịch Từ Sơn	Số 88 Trần Phú, Phường Đông Ngàn, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	0222.3610236
156	Chi nhánh Hải Dương		Số 133 đường Thanh Niên, Phường Hải Tân, TP.Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	0220.3898899
157		Phòng giao dịch Nguyễn Lương Bằng	Số 119 Nguyễn Lương Bằng, Phường Phạm Ngũ Lão, TP.Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	0220.3898891
158	Chi nhánh Hải Phòng		Số 14 Trần Phú, Phường Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng	0225.3250098
159		Phòng giao dịch Lê Chân	Số 4B - 4C Hồ Sen, Phường Trại Cau, Quận Lê Chân, TP.Hải Phòng	0225.3639557
160		Phòng giao dịch An Biên	Số 140-141 Quang Trung, Phường Phan Bội Châu, Quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng	0225.3518658
161		Phòng giao dịch Tô Hiệu	Tầng 1,2,3 nhà số 411 - 413 Tô Hiệu, Phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, TP.Hải Phòng	0225.3956935
162	Chi nhánh Hồng Bàng		Số 5A Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng	0225.3569516
163		Phòng giao dịch Lạch Tray	Số 308 - 310 Lạch Tray, Phường Kênh Dương, Quận Lê Chân, TP.Hải Phòng	0225.3613156



ĐỊA ĐIỂM VÀ MẠNG LƯỚI CỦA SCB

STT	CHI NHÁNH	PHÒNG GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	SỐ ĐIỆN THOẠI
164		Phòng giao dịch Trần Nguyên Hãn	Số 266H-266G Trần Nguyên Hãn, Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, TP.Hải Phòng	0225.3786202
165		Phòng giao dịch Lạc Viên	Số 176 Đà Nẵng, Phường Lạc Viên, Quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng	0225.3625555
166	Chi nhánh Nghệ An		Số 02 Nguyễn Sỹ Sách, phường Hưng Bình, TP.Vinh, Tỉnh Nghệ An	0238.3588500
167		Phòng giao dịch Quang Trung	Số 25 Quang Trung, phường Quang Trung, TP.Vinh, Tỉnh Nghệ An	0238.3567768
168		Phòng giao dịch Hưng Dũng	Số 167 đường Nguyễn Phong Sắc, Phường Hưng Dũng, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	0238.3998799
169	Chi nhánh Quảng Ninh		Tổ 47, Khu 3, Phường Bạch Đằng, TP.Hà Long, Tỉnh Quảng Ninh	0203.3518111
170		Phòng giao dịch Hạ Long	Số 79+81, Tổ 36, Khu 2B, Phường Bạch Đằng, TP.Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	0203.3518851
171		Phòng giao dịch Uông Bí	Số 361 đường Quang Trung, Tổ 28, Khu 8, Phường Quang Trung, TP.Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh	0203.3566058
172		Phòng giao dịch Bãi Cháy	Lô 9, tổ 9, khu 9 Cái Dăm, Phường Bãi Cháy, TP.Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	0203.3515075
173	Chi nhánh Thanh Hóa		Lô 22 và 23 MBQH 195/UBND-QLĐT, Đường Lê Hoàn, Phường Điện Biên, TP.Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	0237.3962555
174	Chi nhánh Thái Bình		Số PG03-08A, Lô PG3 phố Lý Bôn, Phường Đề Thám, TP.Thái Bình, Tỉnh Thái Bình	0227.6250991
KHU VỰC MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN				
175	Chi nhánh Đắk Lắk		Số 178 Y- Jut, phường Thắng Lợi, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	0262.3843027
176		Phòng giao dịch Nguyễn Tất Thành	Số 87 đường Ngô Quyền, Phường Tân Lợi, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	0262.3959268
177	Chi nhánh Gia Lai		Số 78-80 Hai Bà Trưng, Phường Yên Đỗ, TP.Pleiku, Tỉnh Gia Lai	0269.3871500
178		Phòng giao dịch Đak Đoa	Số 28 đường Đinh Tiên Hoàng, Tổ dân phố 5, Thị trấn Đak Đoa, Huyện Đak Đoa, Tỉnh Gia Lai	0269.3831666

STT	CHI NHÁNH	PHÒNG GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	SỐ ĐIỆN THOẠI
179	Chi nhánh Bình Định		Số 01 Nguyễn Tất Thành, Phường Lý Thường Kiệt, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	0256.3822288
180		Phòng giao dịch Quy Nhơn	Số 252 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	0256.3818558
181		Phòng giao dịch An Nhơn	Số 105 Trần Phú, Phường Bình Định, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định	0256.3635883
182		Phòng giao dịch Ngô Mây	Số 49 Ngô Mây, Phường Nguyễn Văn Cừ, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	0256.3946867
KHU VỰC MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN				
183	Chi nhánh Sông Hàn		Số 16 Trần Phú, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng	0236.3891888
184		Phòng giao dịch Đống Đa	Số 303 Đống Đa, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng	0236.3652666
185		Phòng giao dịch Hòa Khê	Số 351 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, TP.Đà Nẵng	0236.3720666
186		Phòng giao dịch Lê Duẩn	Số 247 Lê Duẩn, Phường Tân Chính, Quận Thanh Khê, TP.Đà Nẵng	0236.3752666
187		Phòng giao dịch Liên Chiểu	Số 703 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng	0236.3752888
188	Chi nhánh Đà Nẵng		Số 256 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng	0236.3565544
189		Phòng giao dịch Hàm Nghi	Số 103-105 Hàm Nghi, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, TP.Đà Nẵng	0236.3586888
190		Phòng giao dịch Phan Đăng Lưu	Số 142 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng	0236.3644666
191		Phòng giao dịch Hoàng Diệu	Số 340 (số cũ 236) Hoàng Diệu, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng	0236.3575668
192		Phòng giao dịch Sơn Trà	Số 912 (Số cũ 530K) Ngô Quyền, Phường An Hải Tây, Quận Sơn Trà, TP.Đà Nẵng	0236.3831888
193		Phòng giao dịch Núi Thành	Số 166 Núi Thành, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng	0236.3629666
194	Chi nhánh Khánh Hòa		Số 57C Lý Thánh Tôn, Phường Lộc Thọ, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	0258.3563405



ĐỊA ĐIỂM VÀ MẠNG LƯỚI CỦA SCB

STT	CHI NHÁNH	PHÒNG GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	SỐ ĐIỆN THOẠI
195		Phòng giao dịch Vĩnh Phước	Số 610 Đường 2/4, Phường Vĩnh Phước, TP.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	0258.3544242
KHU VỰC MIỀN ĐÔNG NAM BỘ				
196	Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu		Số 89 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, TP.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0254.3577334
197		Phòng giao dịch Đại An	Số 25D3 đường 30 tháng 4, Phường 9, TP.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	0254.3819212
198	Chi nhánh Bình Dương		Số 279 Đại lộ Bình Dương, Phường Chánh Nghĩa, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	0274.3872601
199		Phòng giao dịch Bến Cát	Số 44-46 Hùng Vương, Phường Mỹ Phước, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	0274.3567274
200		Phòng giao dịch Dĩ An	Số 106-108 Nguyễn An Ninh, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	0274.3736833
201		Phòng giao dịch Thuận An	Số 25 Cách Mạng Tháng 8, Khu phố Long Thới, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	0274.3799793
202	Chi nhánh Bình Thuận		Số 187 đường Trần Hưng Đạo, Phường Phú Thủy, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	0252.3722400
203		Phòng giao dịch Mũi Né	Số 345 Huỳnh Thúc Kháng, Khu phố 5, Phường Mũi Né, TP.Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	0252.3748865
204	Chi nhánh Đồng Nai		Số 54 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Tiến, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	0251.3943625
205		Phòng giao dịch Tân Biên	Số 119/7A Khu phố 5B, xa lộ Hà Nội, Phường Tân Biên, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	0251.3880648
206		Phòng giao dịch Biên Hòa	Số 111 Cách Mạng tháng Tám, Phường Hòa Bình, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	0251.3840122
207		Phòng giao dịch Long Thành	Số 213 đường Lê Duẩn, Khu Phước Hải, Thị trấn Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	0251.3686558
208	Chi nhánh Vũng Tàu		Số 45 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 3, TP.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0254.3533737
209		Phòng giao dịch Tân Thành	Quốc lộ 51, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0254.3923507
210		Phòng giao dịch Thắng Nhất	Số 6K3 đường Nguyễn Thái Học, Phường 7, TP.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0254.3593893

STT	CHI NHÁNH	PHÒNG GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	SỐ ĐIỆN THOẠI
211		Phòng giao dịch Bà Rịa	Số 46 Bạch Đằng, Phường Phước Trung, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0254.3717631
KHU VỰC MIỀN TÂY				
212	Chi nhánh An Giang		Số 55-57 Hai Bà Trưng, Phường Mỹ Long, TP.Long Xuyên, Tỉnh An Giang	0296.3945235
213		Phòng giao dịch Châu Đốc	Số 294 đường Lê Lợi, phường Châu Phú B, TP.Châu Đốc, Tỉnh An Giang	0296.3550101
214		Phòng giao dịch Phú Hòa	Số 231 Trần Phú, Ấp Phú Hữu, Thị trấn Phú Hòa, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	0296.3940637
215	Chi nhánh Bến Tre		Số 29C - 29C1 Đại lộ Đồng Khởi, Phường Phú Khương, TP.Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	0275.3510740
216	Chi nhánh Cà Mau		Số 137 Nguyễn Tất Thành, phường 8, TP.Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	0290.3616111
217	Chi nhánh Cần Thơ		Số 213 - 215 - 217 Đường 30/4, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ	0292.3781490
218		Phòng giao dịch An Phú	Số 109 Lý Tự Trọng, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ	0292.3733754
219		Phòng giao dịch An Hòa	Số 160 Trần Việt Châu, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ	0292.3895775
220		Phòng giao dịch Ninh Kiều	Số 19-21A Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ	0292.3819977
221		Phòng giao dịch Cái Răng	Số 164A Quốc Lộ 1A, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, TP.Cần Thơ	0292.3527577
222		Phòng giao dịch Thốt Nốt	Số 579A Quốc lộ 91, khu vực Phụng Thạnh 1, phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP.Cần Thơ	0292.3825789
223	Chi nhánh Đồng Tháp		Số 58-60-62 đường Đốc Binh Kiều, Phường 2, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	0277.3876878
224		Phòng giao dịch Sa Đéc	Số 13-15 Âu Cơ, Khóm 1, Phường 2, TP. Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	0277.3772838
225	Chi nhánh Kiên Giang		Số 17 đường Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, TP.Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	0297.3929001
226		Phòng giao dịch Rạch Sỏi	Lô L04-04 đường Mai Thị Hồng Hạnh, Phường Rạch Sỏi, TP.Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	0297.3868108



ĐỊA ĐIỂM VÀ MẠNG LƯỚI CỦA SCB

STT	CHI NHÁNH	PHÒNG GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	SỐ ĐIỆN THOẠI
227	Chi nhánh Tiền Giang		Số 134-136 Đinh Bộ Lĩnh, phường 2, TP.Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	0273.3976288
228		Phòng giao dịch Cai Lậy	Số 1/2C đường 30/04, Phường 1, Thị xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang	0273.3919777
229		Phòng giao dịch Gò Công	Số 17Đ Trương Định, Phường 1, Thị xã Gò Công, Tỉnh Tiền Giang	0273.3514566
230		Phòng giao dịch Cái Bè	Đường Nguyễn Chí Công, Tổ 18 khu 3, Thị trấn Cái Bè, Huyện Cái Bè, Tỉnh Tiền Giang	0273.3924666
231	Chi nhánh Trà Vinh		Số 102A đường Phạm Hồng Thái, Phường 2, TP.Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	0294.3753699
232		Phòng giao dịch Nguyễn Đăng	Số 86 Nguyễn Đăng, Khóm 6, Phường 7, TP.Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	0294.3860676
233	Chi nhánh Vĩnh Long		Số 11-11A-11B-11C Phạm Thái Bường, Phường 4, TP.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	0270.3852781
234		Phòng giao dịch Vũng Liêm	Số 164 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Khóm 2, Thị trấn Vũng Liêm, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long	0270.3971971
235		Phòng giao dịch Trà Ôn	Số 20/1 đường Thống Chế Điều Bát, Khu 3, Thị trấn Trà Ôn, Huyện Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh Long	0270.3772919
236	Chi nhánh Long An		Số 68A Hùng Vương, Phường 2, TP.Tân An, Tỉnh Long An	0272.3525588
237		Phòng giao dịch Bến Lức	Số 125 Nguyễn Hữu Thọ, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	0272.3655828
238	Chi nhánh Cần Giuộc		Số 39 quốc lộ 50, Thị trấn Cần Giuộc, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An.	0272.3550059
239		Phòng giao dịch Đức Hòa	KCN Đức Hòa 1, Hạnh Phúc, Xã Đức Hòa Đông, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	0272.3779791

